EYMARD An Mai Đỗ O.Cist

NHÂN CÁCH ĐỜI TU

Tập 3

Những mảng màu trong huyền nhiệm cộng đoàn

2023

MỤC LỤC

[DẪN NHẬP 3](#_Toc150264820)

[NHỮNG THÁCH ĐỐ TRONG ĐỜI SỐNG CỘNG ĐOÀN 4](#_Toc150264821)

[CÁC YẾU TỐ TÂM LÝ TRONG CÁC GIAI ĐOẠN HUẤN LUYỆN 14](#_Toc150264822)

[CẢM THỨC THUỘC VỀ VÀ XÁC ĐỊNH CĂN TÍNH 23](#_Toc150264823)

[GÓC NHÌN ĐA CHIỀU VỀ THUẬT NGỮ MẶT NẠ 30](#_Toc150264824)

[CẢM XÚC NÓI LÊN ĐIỀU GÌ TRONG TA 34](#_Toc150264825)

[TÌNH BẠN 43](#_Toc150264826)

[NHỮNG TỔN THƯƠNG LÀM HAO TỐN NĂNG LƯỢNG 45](#_Toc150264827)

[THA THỨ 48](#_Toc150264828)

[THÔNG GIAO 50](#_Toc150264829)

[HIỆP THÔNG 51](#_Toc150264830)

[LỆ THUỘC 54](#_Toc150264831)

[THÀNH KIẾN 59](#_Toc150264832)

[XÉT ĐOÁN 61](#_Toc150264833)

[KHỦNG HOẢNG GIAI ĐOẠN HẬU KHẤN TRỌN 63](#_Toc150264834)

[CỘNG ĐOÀN LÀ MỘT GIA ĐÌNH 67](#_Toc150264835)

[CỘNG ĐOÀN CỦA ĐẤNG PHỤC SINH 69](#_Toc150264836)

[PHẦN PHỤ TRƯƠNG 71](#_Toc150264837)

[ĐỨC MARIA VÔ NHIỄM LÀ MỐI TÌNH ĐẦU CỦA TÔI 71](#_Toc150264838)

**Đề Tặng**

Kính nhớ hương hồn người cha thân yêu (06/02/1942 – 04/10/2023), người đã âm thầm gieo mầm ơn gọi tu trì cho con, đồng thời, luôn cầu nguyện và đồng hành với con trong suốt gần 22 năm đời tu.

# DẪN NHẬP

Khi bàn đến các tu sĩ, chúng ta thường nghĩ ngay đến ba lời khấn hay còn gọi ba lời khuyên Phúc Âm. Tuy nhiên, có thể nói, một chiều kích khác cũng quan trọng, đồng thời lại “bao trùm” cả ba lời khấn, đó là cộng đoàn, vì cộng đoàn chính là môi sinh nơi các tu sĩ lớn lên và triển nở mỗi ngày, nhờ việc đi sát Chúa Giêsu vâng phục, khó nghèo và khiết tịnh mà tu sĩ dần dà trở nên đồng hình đồng dạng với Ngài. Nếu ví việc tu sĩ sống ba lời khấn như một giống cây được gieo trồng vào đất thì đất ấy phải hiểu là *cộng đoàn*. Ví von như thế để chúng ta muốn đề cao vai trò thiết yếu và giá trị phong phú mà mảnh đất cộng đoàn mang lại cho từng tu sĩ sống lời khấn. Theo lẽ thường, các tu sĩ đều hít thở, ăn uống, sinh hoạt…đều trong một cộng đoàn lớn hay nhỏ. Nếu cộng đoàn nơi tu sĩ ấy sống là mảnh đất tốt thì đời sống của họ sẽ triển nở cách nào đó.

Trong tập sách này, chúng ta sẽ nhấn mạnh đến vai trò của cộng đoàn trong việc giúp các tu sĩ hình thành nhân cách. Trong khi cách hiểu thông thường, một người được xem là trưởng thành nhân bản khi biết kiểm soát và làm chủ được tâm cảm, đồng thời, tránh bị chi phối nhiều bởi hoàn cảnh và những người khác. Trong khi đó, các tu sĩ được xem là trưởng thành khi và chỉ khi để cho hoàn cảnh và những người anh chị em trong cộng đoàn đi vào đời sống của mình một cách thiết thực và sống động. Tất nhiên, điều này đòi buộc mỗi tu sĩ cần biết chủ động mọi tình thế hầu mang lại cho bản thân những không gian tự do và tự sáng tạo cuộc đời mình theo lý tưởng là Đức Kitô.

Có thể nói, sự giao thoa giữa nhân cách của một tu sĩ với đời sống cộng đoàn là cả một huyền nhiệm của tự do và ân sủng. Trong đó, vị tu sĩ được tự do lên kế hoạch và thiết kế một lịch trình dựa theo những đòi hỏi của cộng đoàn. Một khi những thứ luật lệ xem ra rườm rà và hình thức được tình yêu hoá giải thì họ sẽ tiến nhanh trên đường phụng sự Chúa và cùng với anh chị em mình hát mãi bài ca của Đấng Tình Quân đã yêu thương gọi và chọn họ sống trong một cộng đoàn của Chúa.

Điểm qua những chủ đề trong tập sách này, chúng ta sẽ dễ dàng ghi nhận cộng đoàn như một thực tại rất nhiêu khê, lắm khi đòi buộc từng thành viên cần nỗ lực cộng tác với ơn Chúa để sống trung thành. Thế nhưng, có thể nói những yêu sách ấy lại tạo nơi mỗi tu sĩ một áp lực và căng thẳng lành mạnh giúp tạo nên những bước ngoặt phát triển quan trọng trong từng chặng đường của đời tu. Chúng ta có thể khẳng định mà không sợ sai lầm rằng một khi Chúa quan phòng muốn họ sống trong cộng đoàn thì Ngài cũng ban đủ ơn để họ sống dồi dào và triển nở trong đời sống ấy. Phần còn lại tuỳ thuộc vào sự tự do đáp trả của mỗi người với những ơn lành Chúa ban. Điều này được chứng thực và cụ thể hoá qua hạnh tích các thánh. Có thể nói, mỗi vị thánh trong Giáo hội là một gương mẫu sống động diễn tả nổi bật và độc đáo về sự tự do cộng tác với ơn Chúa hầu giúp cho một ơn gọi thành toàn.

Thông thường, trong một tập sách, phần đầu người viết sẽ nêu vấn đề và giải quyết trong phần sau. Tuy nhiên, trong tập sách này tác giả cũng đặt ra một số vấn đề trong cộng đoàn, nhưng không đưa ra giải pháp theo mẫu thức chung mà người viết gợi ý những cách tiếp cận theo tâm lý học hay tu đức học để tránh sự áp đặt thường đóng khung vấn đề; trái lại, người viết sẽ lý giải và gợi ý những giải pháp được dàn trải trong toàn tập sách này.

Với góc nhìn chủ quan, người viết chỉ chọn một số chủ đề dễ tiếp cận theo nhãn quan tâm lý học, nên tác phẩm không sao bao quát được mọi chiều kích đời sống cộng đoàn. Những điều được nhắc đến trong tập sách này phần lớn đều bộc lộ một mối bận tâm và thao thức nào đó trong lòng tác giả. Rất mong nhận được sự đồng điệu nào đó nơi độc giả để qua tập sách mỏng này giúp mỗi người có thêm động lực, nhờ đó, sống dấn thân triệt để theo gương của Thầy Chí Thánh, Đấng đã thí mạng vì mọi người chúng ta.

# NHỮNG THÁCH ĐỐ TRONG ĐỜI SỐNG CỘNG ĐOÀN

Trong cuốn *Nhân cách đời tu 1,* người viết đã bàn đến ba thách đố để đối chiếu với 3 lời khấn của các tu sĩ và ba cách hóa giải được người viết đề nghị dựa theo ba nhân đức đối Thần. Trong phần này, người viết giới thiệu bảy thách đố, nghĩa là thêm bốn thách đố mới, điều này giúp mỗi tu sĩ nhận diện sâu hơn về những gì mình đang sống để có thể đề ra những hướng khắc phục, điều chỉnh và thăng hoa những khoảnh khắc trong đời sống, ngõ hầu đời sống cộng đoàn trở thành nơi tha thứ, chốn yêu thương. Thánh Louis, tu sĩ dòng Tên, qua đời khi chỉ mới 21 tuổi, đã phát biểu khi đang hấp hối: *Thánh giá lớn nhất đời tôi là đời sống cộng đoàn.* Thế nhưng, ngài đã vượt qua và chính đời sống này đã giúp ngài nên thánh.

**Có chăng những tu sĩ sống như những kẻ vô tín ?**

Nói đến vô tín trong một cộng đoàn dòng tu, xem ra là một điều vô lý. Thế nhưng, có cả một làn sóng vô thần ảnh hưởng trên những bậc tu hành. Nếu nhìn nhận cộng đoàn là một thế giới thu nhỏ, những gì người đời cho là vô tín, trong dòng tu, nó cũng mang một hình thức nào đó, có thể nói, tinh tế hơn.

Làm sao có thể tưởng tượng được những bậc tu hành sống niềm tin mỗi ngày mà lại sống phủ nhận ssự tồn tại của Thiên Chúa ? Chúng ta không thể nào đi sâu vào ý hướng của mỗi người, nhưng qua cách sống cụ thể và thực tế, chúng ta có thể mô tả phần nào yêu sách của họ.

Có rất nhiều người chủ trương không có Thiên Chúa, không có thần thánh và không có gì mang chiều kích tâm linh, một cách minh nhiên, các tu sĩ không bao giờ tỏ lộ lập trường đó. Tuy nhiên, chúng ta lại nhận ra họ trong cách tiếp cận những vấn đề thiêng liêng nhạy cảm; họ phủ nhận những gì người khác hành động và mặc cho người khác một ý hướng tiêu cực hay phá đổ, như thể họ không tin về một Thiên Chúa làm chủ cộng đoàn và làm chủ lịch sử cứu độ. Nhưng kỳ thực, chính họ là người đã gieo mầm “vô tín” trong đời sống chung.

Khi nói đến khát vọng hoàn thiện hay việc nên thánh như một đòi buộc của đời tu, họ “nhắm mắt, bịt tai” như là chuyện của người khác và là một việc xa xỉ, như một thứ nước hoa đắt tiền. Họ không chấp nhận tiến trình nên thánh do người khác đề nghị và chính họ cũng không hề dám đối diện hay đề ra một mục tiêu nào giúp bản thân tốt hơn theo đòi hỏi của lời khấn canh tân.[[1]](#footnote-1) Trái lại, họ chống đối ra mặt những người nỗ lực sống hoàn thiện, thậm chí, họ còn hạ thấp những việc đạo đức theo truyền thống các dòng tu; còn họ, họ sống buông trôi như những người không có định hướng cuộc đời.

Thiên Chúa có đó như một loại “bình phong” che chở và bảo vệ họ để có thể tồn tại trong cộng đoàn. Họ khấn hứa với Chúa và trở thành thành viên thực thụ của cộng đoàn mà dường như không ý thức đủ việc mình sống trong cộng đoàn để làm gì. Thế nên, sứ vụ nào được Bề trên giao phó mà họ thích, họ dồn hết tâm lực vào đó, song, không vì yêu mến lệnh truyền của Chúa mà tìm bản thân trong những khoảnh khắc riêng tư nào đó. Họ thích chạy rong và coi đó là cách mình thể hiện bản thân và đem lại ích lợi cho cộng đoàn từ vai trò đối ngoại chẳng hạn. Dần dà, họ vui sống với ý riêng và mất dần cảm thức thuộc về cộng đoàn mặc dù vẫn sống trong cộng đoàn.

Một số khác vì thiếu động lực siêu nhiên hướng dẫn, họ sống buông xuôi và thiếu trách nhiệm. Vô hình trung, họ trở thành “thập giá” cho cộng đoàn vác. Họ “giúp” người khác nên thánh từ sự trì trệ của bản thân mình.

Có quan điểm cho rằng không có tôn giáo nào khác ngoài chủ trương khoa học mới là tôn giáo đích thực. Một số nhà khoa học thám hiểm đi vòng quanh trái đất lên đến tận cung trăng và tuyên bố rằng chẳng thấy Thiên Chúa đâu, các tu sĩ thuộc trường phái này cũng tuyên bố: không thấy Thiên Chúa trong đời sống cộng đoàn. Họ chỉ thấy những cơ chế rườm rà của một tổ chức mà không thấy giá trị và hiệu quả những gì mình đang lãnh nhận từ cộng đoàn ấy. Thay vì những tiếng chuông báo hiệu giờ kinh là tiếng Chúa mời gọi họ đến hiệp thông trong nhịp sinh hoạt của cộng đoàn, thì họ cảm thấy nặng nề như một hình thức ức chế khiến họ thiếu tự do chọn lấy đời sống của mình. Họ quên rằng họ được quyền tự do chọn lấy cách sống của mình trong một đời sống khác. Chính những suy nghĩ ấy đã biến thành một thứ cạm bẫy cám dỗ họ đi tìm một “không gian” ngoài nhịp sống cộng đoàn. Chẳng hạn, thay vì cùng cộng đoàn tham dự giờ kinh, họ kiếm thêm việc gì đó để làm với một ý hướng hết sức cao đẹp: vì xây dựng cộng đoàn.

Ý thức này kéo theo một hệ lụy khôn lường khi họ xác tín rằng cộng đoàn là cứu cánh, đồng thời, cá nhân chỉ là một mắt xích trong một guồng máy cộng đoàn. Thái cực này đã khiến chủ thể không còn tôn trọng người anh em như một nhân vị độc đáo, trái lại, người khác là bậc thang giúp tôi đạt đến bậc vinh quang. Tắt một lời, anh em là phương tiện giúp tôi *tiến thân.* Thay vì cộng đoàn là môi trường thuận tiện giúp tôi *dấn* *thân* và mở ra với mọi tương quan, họ lại coi đó như một cơ hội giúp bản thân thể hiện mình và khép kín trong ốc đảo cô đơn.

Một khi ai đó đánh mất cảm thức về con người là một nhân vị độc đáo, một cách mặc nhiên, họ phá đổ một nền nhân bản nhằm xây dựng cuộc sống con người tốt hơn. Đồng thời, họ phủ nhận những giá trị tinh thần do óc sáng tạo con người làm nên. Nếu một nhà đào tạo ứng sinh nào lại có một lối nhìn như thế, họ sẽ áp dụng một qui tắc chung cho mọi người và không miễn trừ cho bất cứ một trường hợp nào riêng tư. Họ như những người tạo dáng cây cảnh theo những mẫu thức qui định hiện hành hơn là tạo ra những không gian hay sân chơi giúp mỗi cá nhân thể hiện nét cá tính độc đáo của mình với tất cả sự sáng tạo và tôn trọng lẫn nhau.

Tóm lại, nếu ý thức rằng môi trường và văn hóa giúp nhào nắn con người cách nào đó thì chủ nghĩa vô tín là môi sinh mỗi ngày chúng ta hít thở, cũng dễ tạo bầu khí ô nhiễm, thế nên, mỗi tu sĩ cần phân định và chọn lựa những gì hợp ý Chúa. Nếu xu hướng chung của những người bị ảnh hưởng như thế khi họ lấy *tục giải thiêng* thì các tu sĩ cần lội ngược dòng mà lấy *thiêng giải tục*. Ưu thế vẫn thuộc về giá trị tinh thần nơi con người !

**Vật chất có thể làm biến chất đời tu**

Vô tín và duy vật là đôi bạn tri kỷ không thể tách lìa nhau. Nếu như làn sóng vô tín đã thấm nhập vào đời sống dòng tu thì duy vật như một thứ men nó làm dậy lên khối bột *duy thế tục.* Nghĩa là mọi sự đều được chứng minh và lý giải bằng những gì mắt thấy tai nghe. Các tu sĩ chịu ảnh hưởng bởi trường phái này dễ bám vào vật chất để tìm sự ổn định cho cuộc sống. Từ đó, họ coi việc làm ra của cải vật chất để hưởng dùng là việc hệ trọng nhất trên đời. Điều nguy hiểm nhất là họ xác tín rằng của cải vật chất có thể làm thỏa mãn mọi khát vọng con người; rằng mọi sự đều có thể giải quyết bằng tiền, còn những thứ tình cảm chỉ làm con người ra ủy mị và chây lười. Từ đó, họ đánh giá con người dựa trên tiêu chuẩn hiệu năng công việc. Chủ trương như thế, những tu sĩ già yếu, không có khả năng làm việc sẽ là một chướng ngại cản trở nhịp sống cộng đoàn.

Một khi quá đề cao đời sống vật chất, họ sao nhãng đời sống tâm linh là nhựa sống luân chuyển trong nhịp sống cộng đoàn từ cá nhân đến tập thể. Nhựa sống ấy không còn, đồng nghĩa với việc giải thể cộng đoàn ấy. Trong khi đó, những người này chỉ chăm chú vào những cơ sở vật chất nay còn mai mất. Trong cộng đoàn, họ được thường xuyên nghe Lời Chúa và những lời khuyên dạy về những sự phù vân, nhưng xem ra, những thứ chóng qua đời nay lại có ma lực hấp dẫn nhằm khỏa lấp nỗi khát vọng khôn nguôi. Nhưng họ quên rằng trái tim con người được Thiên Chúa dựng nên chỉ được thỏa mãn trong tình yêu của Người.

Một hình thức khác tinh tế hơn mà đôi khi chúng ta đã sống tinh thần duy vật mà mình không ý thức, đó là *sống* *chiếm* *hữu*. Thật vậy, khi qui sự gì về cho bản thân mình, bạn đã hạ chúng xuống hàng sự vật. J. Sartre có lý khi trực giác về cái nhìn của người khác khiến hạ thấp mình xuống hàng sự vật. Cụ thể hơn, chúng ta đặt chúng vào trong bối cảnh cộng đoàn. Chẳng hạn, khi tôi có một người bạn, tình thân của chúng tôi rất khăng khít. Nhưng một hôm, tôi cảm thấy bị xúc phạm khi thấy anh ấy chơi chung với người bạn khác. Sự tổn thương của tôi khi ấy được giải thích, đó là một hình thức chiếm hữu. Tại sao bạn có quyền chọn bạn để chơi mà anh ấy lại không được phép? Sự chiếm hữu đã trói chặt bạn trong ý nghĩ hẹp hòi, rằng: anh ấy là của riêng tôi. Như thế, tình thân của tôi không còn dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau mà là một sự đổi chác trá hình nào đó. Và khi ấy phẩm chất tình bạn chỉ đo được tùy thuộc món hàng trao cho nhau.

Sự chiếm hữu này còn mở rộng trong tương quan giữa chủ thể với Thiên Chúa. Bạn có thể kinh nghiệm về “một Thiên Chúa” nào đó mà bạn cất giấu trong sâu thẳm lòng mình như một báu vật. Bạn có thể cảm thấy khoái trá khi chiếm hữu một Thiên Chúa nào đó trong hành trình tâm linh. Nhưng dường như vị Thiên Chúa ấy không giúp bạn mở ra cho mọi tương quan khác thì đó là hình thức chiếm hữu của một kẻ duy vật đang ảo tưởng về mình. Thiên Chúa ấy không phải là Tình Yêu mà là một Thiên Chúa mang tên Tôi. Đó là một hình thức duy vật hóa đời sống tâm linh.

Xét cho cùng, chúng ta là loài xác đất vật hèn, nếu không ý thức đủ về mọi góc cạnh trong cuộc sống, chúng ta dễ dàng cổ xúy một thái độ duy vật nào đó trong đời sống cộng đoàn.

**Thế giới của sự hưởng thụ như một cám dỗ lớn**

Một trong những yếu tố cấu thành đời tu là thực hành khổ chế. Thế nhưng ngày nay chúng đã bị giản lược trong đời sống tâm linh và chỉ dành riêng cho những bậc sống anh hùng. Trái lại, họ bàn nhiều đến đời sống hưởng thụ. Các tu sĩ vẫn ý thức rằng sống hưởng thụ là một phản chứng trong đời sống dòng tu, vì thế, nó mặc một hình thức khác tinh tế hơn.

Chàng thanh niên hay một thiếu nữ nào đó quyết định từ bỏ tất cả để bước vào đời tu. Với thao thức lớn lao muốn dấn thân vào môi trường mới này không thể loại trừ những yếu đuối, mỏng giòn vốn là thành phần của thân phận con người. Sống trong nhà dòng, họ được các giáo dân gọi là “thầy” cách trịnh trọng. Họ như những người được “thay da đổi thịt”, bước lên một đẳng cấp khác trong đời sống xã hội và Giáo hội. Đồng thời, cung cách của họ cũng ra dáng thầy dòng hơn nhờ sự tôn trọng của người khác. Dẫu biết rằng mọi nhu cầu đều được nhà dòng chu cấp để có thể an tâm mà sống đời tu. Nhưng vì bản tính thích phóng khoáng, họ đi tìm cho mình những tiện nghi riêng. Họ so sánh mình với những người nắm giữ vai trò cốt cán trong cộng đoàn, rằng: *họ có, tôi cũng phải có.* Ý hướng “cầu tiến” luôn ăn sâu trong máu con người. Nếu hiểu theo nghĩa ganh đua để có thể sống tốt hơn thì rất tốt, nhưng đây, lại là thái độ đua đòi “bằng chị bằng em”.

Tưởng cũng cần nhắc lại lời cảnh báo của Đức Phanxicô về nền “văn hóa vứt bỏ”. Trong khi xã hội chạy theo thị hiếu khi để cho giới quảng cáo kích thích nhu cầu tiêu dùng và hưởng thụ, các tu sĩ cũng bị cuốn theo cơn lốc ấy khi tìm cho mình những tiện nghi cao cấp mà trong vai trò của mình không cần thiết để sử dụng. Họ săn tìm những thương hiệu nổi tiếng mà tưởng rằng những thứ ấy làm tăng giá trị bản thân.

Những tiện nghi vật chất hầu đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của một tu sĩ nào đó thì dễ thấy. Nhưng có những thứ hưởng thụ tinh tế hơn, nó thuộc giá trị tinh thần.

Được đào tạo lâu năm trong nhà dòng khi được học ở nơi này nơi khác, các tu sĩ có thể sở hữu một mảnh bằng nào đó, họ bắt đầu tỏ thái độ trịch thượng ra mặt, như thế, với cương vị này và bằng cấp kia, tôi đáng mọi người tôn trọng. Họ bắt đầu tìm sự khoái trá trong những thành công, trong lời khen của anh chị em đồng tu. Họ quên mất rằng lãnh nhận nhưng không thì cũng phải cho nhưng không. Họ sa đà trong những khoái lạc tinh thần và làm hao tốn nội lực thay vì dùng những nén bạc ấy để phục vụ.

Còn trong sứ vụ được trao, vì quá quen với lối sống hưởng thụ, họ bám víu vào một ai đó để tìm sự an ủi, nâng đỡ cách nào đó. Ban đầu chỉ là những cục kẹo, cái bánh nhưng dần dà khi bản thân mất dần sự cảnh giác, họ lún sâu lúc nào không hay. Đó là mối nguy cho một số tu sĩ mất ơn gọi chỉ vì những cách sống phản chứng của mình.

Một trong những hậu quả lớn ảnh hưởng trực tiếp đến người quen sống hưởng thụ là mất dần sự nhạy bén về nhu cầu của tha nhân. Họ chỉ nghĩ đến mình và cho mình. Điều này dẫn đến một lối sống ích kỷ và trục lợi cho bản thân.

Cũng có những tu sĩ hưởng thụ trên thành quả của người khác bằng nhiều cách khác nhau: đồng hóa mình với những công khó của cộng đoàn mà vui hưởng cách bất chính những thành quả chung hoặc cảm thấy vui khi hạ nhục thanh danh của người khác… Những sự hưởng thụ trá hình đại loại như thế đã dần đánh mất nhân cách của tu sĩ, tồi tệ hơn nữa, nó làm họ xa rời căn tính đời tu được đặt nơi Đức Kitô.

**Chủ thuyết tương đối đe dọa tính sống còn**

Chúng ta nhận ra sự nguy hiểm của chủ thuyết Tương Đối ảnh hưởng đến con người thời đại khi cả 3 triều đại Giáo Hoàng đều bàn đến như mối đe dọa cho đức tin của chúng ta. Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã viết trong thông điệp Đức Tin và Lý Trí: “*Vấn đề lớn nhất của thời đại chúng ta là chủ nghĩa tương đối. Nguyên nhân của chủ nghĩa này là không có chân lý tuyệt đối và phổ quát cho hết mọi người, và nếu có đi nữa thì con người cũng không thể đạt tới được (Thuyết Bất Khả Tri)”.[[2]](#footnote-2)* Rồi Sau khi thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II qua đời, Đức Hồng y Joseph Ratzinger lúc bấy giờ là Hồng y niên trưởng được mời để giảng lễ tại Vương cung Thánh đường thánh Phêrô trong thánh lễ trước khi bước vào Mật tuyển viện. Trong Bài giảng này đã xuất hiện cụm từ nổi tiếng “sự độc tài của thuyết tương đối”. Để thấy rõ mối quan ngại của ngài về vấn đề này, xin đơn cử một đoạn văn trong bài giảng ấy:  “*Một nền độc tài của chủ nghĩa tương đối vốn không xem bất cứ điều gì là dứt khoát và mục tiêu cuối cùng của nó không gì khác hơn ngoài cái tôi và ham muốn của một con người*”.[[3]](#footnote-3) Như chúng ta biết, nếu Đức Gioan Phaolo II dừng lại ở việc nói đến mối nguy hiểm của chủ thuyết Tương đối như một nguyên nhân khiến con người thời nay lạc hướng thì Đức Bênêdictô XVI còn mạnh bạo hơn khi chỉ điểm mục tiêu của chúng là qui về ham muốn của cái tôi. Còn Đức Phanxicô, trong tông huấn *Evangelii Gaudium*, ngài viết: “*Tiến trình tục hóa đã đẩy đức tin và Giáo Hội vào lãnh vực cá nhân riêng tư và thầm kín. Hơn nữa, với việc phủ nhận tất cả chiều kích siêu việt, nó tạo ra những sai lệch về mặt đạo đức, làm suy yếu ý nghĩa về tội cá nhân và xã hội, âm thầm đẩy mạnh chủ nghĩa tương đối, đưa đến việc mất định hướng nói chung, đặc biệt là trong giai đoạn vị thành niên và tuổi trẻ, là nhóm người rất dễ bị chao đảo trước những thay đổi như thế*” (số 64). Có thể nói, ngài đã đề ra những hậu quả do chúng gây nên. Ý thức được tầm ảnh hưởng sâu rộng của chủ thuyết này, chúng ta sẽ đối chiếu với đời sống của các cộng đoàn dòng tu.

Quả thật, khi đánh giá mọi sự là tương đối, cách gián tiếp, con người tự đặt mình là chuẩn mực để đánh giá, và con người trở thành thước đo của mọi sự.

Chúng ta vẫn thường nghe ai đó nói rằng: “*Cuộc sống tương đối thôi”.* Ẩn giấu sau câu nói ấy là cả một chủ trương an phận thủ thường. Các tu sĩ ủng hộ cho lập trương này, họ nói năng và hành động như thể chẳng có gì mới mẻ dưới bầu trời này; rằng mọi sự đã có kế hoạch sẵn, cứ thế mà hành động, không cần ý kiến, không cần bàn cãi dong dài. Vô tình, họ đặt người khác trong thế “triệt buộc”, và như vậy, họ làm thui chột sức sáng tạo của người khác.

*“Chẳng có chân lý tuyệt đối ở thế gian này, có chăng, nó nằm nơi Bề Trên và tôi là người thừa hành lệnh truyền ấy”.* Chúng ta nhận ra lối lập luận của kẻ lấy mình làm trung tâm, nhân danh Bề Trên hầu áp chế người khác. Cung cách của họ đã tạo nên một làn sóng tiêu cực và ngột ngạt trong đời sống chung. Nhưng xét cho cùng, một khi muốn lấy mình làm trung tâm, họ mặc nhiên nhìn nhận bản thân sở hữu chân lý tuyệt đối, rằng *cứ làm theo cách tôi chỉ dẫn đi, bạn sẽ đạt mục tiêu của mình.* Thật vậy, chân lý tuyệt đối nằm nơi cửa miệng kẻ bạo ngôn.

Xét về nét văn hóa, tâm lý tự nhiên, mỗi người đều muốn là người mang chân lý, từ đó, mỗi người xa dần lý tưởng chung nhằm xây dựng cộng đoàn đích thực. Có thể nói, chỉ riêng sự phân biệt nền văn hóa địa phương đã tạo hố cách biệt lớn trong đời sống chung. Điều này càng rõ nét khi chứng kiến những cộng đoàn mang tính quốc tế, chỉ khác nhau về ngôn ngữ cũng đã là một trở ngại khiến mọi người khó có “tiếng nói” chung. Khi ấy, vị phụ trách cần khêu gợi *cảm thức thuộc về* nơi từng thành viên, nhờ đó, những khác biệt trở nên nét đa dạng và phong phú giúp năng động cộng đoàn.

Xét về luân lý, chắc hẳn những tu sĩ sống chủ trương này cách nào đó không suy phục Thiên Chúa là nguồn gốc và chuẩn mực để đánh giá mọi hành vi của con người. Họ nhấn mạnh và đề cao tương quan nhân loại như là cách thế tốt nhất để sống chiều kích cộng đoàn. Khi đặt Thiên Chúa ra ngoài sinh hoạt của đời sống mình, các tu sĩ dễ rơi vào hai thái độ: *thích ai thì tương quan với người ấy* hoặc *cậy sức mình.* Với 2 thái độ này, các tu sĩ ấy dễ tạo riêng phe cánh hầu phục vụ cho những đòi hỏi, nhu cầu và yêu sách riêng, đồng thời, loại trừ người khác như một kẻ cản bước tiến của nhóm mình. Chung cục, cộng đoàn dòng tu chỉ là tập họp những đơn vị nhỏ, “ấp chiến lược” sống với những tu luật riêng. Thánh Biển Đức đã nặng lời thốt lên: *Về nếp sống của hạng người này thà im đi còn hơn là nói đến.[[4]](#footnote-4)*

Ngoài ra, cũng có chủ trương tương đối hóa đời sống tâm linh mà Đức Phanxicô gọi là những phong trào tôn giáo với một linh đạo không có Thiên Chúa.[[5]](#footnote-5) Điểm này đã trình bày trong phần Vô thần. Ở đây, chúng ta đưa ra những hậu quả ảnh hưởng đến cộng đoàn. Chúng ta nghe chính Đức Thánh Cha giải thích: *việc hoàn toàn chối từ sự siêu việt, con người tạo ra một sự méo mó ngày càng nhiều hơn về luân lý, một sự suy yếu của ý thức về tội lỗi cá nhân và cộng đồng; đồng thời, chúng làm cho những người chủ trương như thế mất dần định hướng trong cuộc sống*.[[6]](#footnote-6) Có thể nói, một khi Thiên Chúa không còn là ưu tiên hàng đầu của người sống đời thánh hiến, đời sống huynh đệ trở nên hời hợt; gặp những khó khăn, thử thách, họ dễ buông xuôi, thất vọng và dần dà, sống khép kín với chính mình và dè dặt với tha nhân.

Chúng ta thật khó tưởng tượng về một cộng đoàn tu trì mà lại sống như thể không có Thiên Chúa. Mặc dù, không ai nói ra, nhưng cách hành xử “bố đời” đã là một minh chứng cho một cộng đoàn “khử thiêng”. Họ lấy luật mà “quật” nhau không thương tiếc, mọi sự đều được giải quyết trên “cái đầu” mà không chút xót thương. Đây là hệ lụy của một cộng đoàn quá chú trọng đến học thức, bằng cấp và địa vị ảnh hưởng trong Giáo hội và xã hội. Những tu sĩ này dùng cộng đoàn như môi trường thuận lợi giúp thể hiện bản thân và tìm những đồng minh ủng hộ lập trường sống của mình. Chung cục, xem ra mọi sự đều tương đối chỉ có họ là chuẩn mực và đáng hoan nghênh. Bởi vậy, kẻ kiêu ngạo mặc nhiên loại Thiên Chúa ra khỏi hiện hữu của mình.

**Mối nguy của thái độ duy hoạt động**

Hai nhịp sống thiết yếu nơi mỗi người tín hữu là: *cầu nguyện* và *hoạt động.* Tùy mỗi ơn gọi mà mức độ đòi hỏi có khác nhau. Nơi những người sống đời thánh hiến, Giáo hội mời gọi mọi tu sĩ sống quân bình giữa cầu nguyện và hoạt động. Thế nhưng, thực tế có một số tu sĩ quá thiên về hoạt động, đã giảm trừ hay lơ là chiều kích cầu nguyện cách nào đó khiến đôi cánh chim không thể cất cao được do mất thăng bằng. Có nhiều nguyên nhân lý giải cho trường hợp này.

 Một người hoạt động vì sứ mạng cách thái quá có thể được giải thích do họ *muốn thể hiện chính mình.* Điều này thường xảy ra hơn với các tu sĩ trẻ trong thời gian khổ luyện và thử luyện. Họ nghĩ rằng hoạt động tối đa cách hiệu quả là phương thế tốt nhất giúp họ khẳng định bản thân. Dấn thân không mệt mỏi là một điều tốt nhưng việc ấy trở nên tồi tệ khi chủ thể quá dính bén vào sứ vụ mà quên đi: *sứ vụ là công việc của Chúa và ta chỉ là dụng cụ.* Chính khi đương sự ảo tưởng rằng tự sức mình có thể làm được mọi sự, là lúc họ ngã quỵ vì yếu đuối. Họ hoạt động mà quên đi chính lời cầu nguyện làm nên phẩm chất của mọi việc họ làm. Bởi đó, sự dính bén của người duy hoạt động là bằng chứng cho thái độ sống thiếu tương quan với Chúa.

Một ảo tưởng khác nơi người duy hoạt động là khi họ nghĩ rằng mình làm ích cho Giáo hội và các linh hồn. Xét về ngoại diện, chúng ta có thể nhìn nhận những thành công của họ khi khả dĩ lối kéo một đám đông theo mình nhưng rồi họ bất lực vì không có dưỡng chất nuôi sống những con người khao khát chân lý ấy. Họ quên rằng dưỡng chất vô tận mà họ cần kín múc hệ tại sống đời cầu nguyện và nơi các bí tích. Họ khuyến khích người khác siêng năng cầu nguyện và chuyên chăm lãnh nhận các bí tích mà đôi khi, bản thân lại chưa ý thức đủ tầm quan trọng và giá trị của những việc ấy trong đời sống đức tin của mình. Như thế, chúng ta chỉ làm ích cho Giáo hội và các linh hồn khi hoạt động trong Chúa và vì Chúa.

Chúng ta cũng có thể hoạt động để tránh né chính mình. Thật vậy, xu hướng hoạt động thái quá có thể là một cơ chế tự vệ chống lại việc phải đối diện với bản thân.[[7]](#footnote-7) Quan sát đời sống các cộng đoàn, chúng ta dễ nhận ra mẫu người này họ luôn cố tìm cho mình mọi công việc để lắp đầy khoảng trống nội tâm. Từ đó, họ rút dần những giờ sống chung với cộng đoàn và sống “hết mình” với sứ vụ. Tưởng cũng cần nhắc lại, những giờ khắc qui định của nhịp sống cộng đoàn có một ý nghĩa rất lớn với đời sống tinh thần hiệp thông của các tu sĩ; đây là dịp họ thắt chặt tình huynh đệ và dễ đặt mình trước sự hiện diện của Chúa trong mọi giờ kinh, thánh lễ… Vậy, *khi một tu sĩ đi tìm mình trong công việc lại là lúc* *đánh mất chính mình trong mọi tương quan.*

Chúng ta cần nhấn mạnh hơn về tương quan giữa người duy hoạt động với Thiên Chúa. Có thể nói, khi tìm mình trong công việc, họ tránh né sống chiều kích tâm linh. Mệt mỏi với một ngày hoạt động, tối đến, họ lại “trả nợ” những giờ kinh, phần lớn là đọc cho qua và chiếu lệ. Những giờ kinh thần vụ trước kia là chất liệu cho họ sống giờ cầu nguyện thì bây giờ, chúng trở nên nặng nề như thể “gánh nặng vượt quá sức tôi”. Họ nói rằng: hoạt động liên tục đến nỗi không có thời gian phạm tội. Đó là một cách nói tiêu cực. Nhưng họ cần thú nhận rằng hoạt động liên tục khiến bản thân không có giờ nhớ Chúa, chứ đừng nói gì đến thời gian ở kề bên Chúa. Như thế, đời sống tâm linh của họ chất đầy những dự phóng cho sứ vụ mà quên mất Chúa là trung tâm của đời sống dâng hiến mà họ đã tự nguyện dấn thân để phục vụ cho sự mệnh đó. Thiết tưởng, họ cần học bài học xương máu để đời của ĐHY Phanxicô Nguyễn Văn Thuận, rằng: *chọn Chúa hơn là việc của Chúa.*

Xét cho cùng, những hoạt động mà chúng ta đang bàn đến trong đời tu không gì khác hơn là sứ vụ. Thế nên, chúng chỉ là phần phụ đi sau ơn gọi. Nếu sứ vụ ấy quá tải và nặng nề ảnh hưởng đến ơn gọi của đương sự thì thật nguy hiểm! Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận đã kể lại một chứng từ trong tác phẩm *Những người lữ hành trên đường hy vọng, rằng:* Trong lịch sử Hội Thánh có vị tu sĩ thuộc Dòng Augustinô tại Ðức, mới 35 tuổi đã làm tới chức Giám tỉnh! Nhưng vị Giám tỉnh ấy lại quá ham hoạt động, chỉ tìm vinh danh bên ngoài. Ông nói: " Tôi quá bận: nào phải đi dạy học, giảng thuyết, viết sách, nên không có giờ đọc kinh, không có giờ nguyện gẫm, không có giờ dọn mình dâng Thánh lễ, không có giờ để cám ơn Chúa, có lúc tôi phải bỏ luôn cả lễ..." Kết quả là vị tu sĩ thông thái này đã chủ trương lạc thuyết, bất chấp lời khuyên bảo của Toà Thánh, ly khai khỏi Hội Thánh, ra khỏi Dòng để kết bạn với một nữ tu cùng theo lập trường này và lôi cuốn lắm kẻ theo mình trong đó có một số anh em trong dòng và những học trò của các trường đại học mà ông làm giáo sư.[[8]](#footnote-8) Đó là hệ lụy của việc quá đề cao hoạt động mà lãng quên cách nào đó chiều kích chiêm niệm trong đời sống tu trì.

**Chủ thương cá nhân gây tác hại đến nhịp sống cộng đoàn**

Chúng ta có thể ví đời sống tương quan của con người như những dòng chảy nối liền các đại dương. Trong đó, những người sống chủ nghĩa cá nhân chỉ tiếp nhận các dòng nước nhưng lại không chuyển thông và trao đi những dòng nước ấy; họ trở thành một thứ biển chết khiến không một sinh vật nào có thể sống được trong đó.

Trong cộng đoàn, họ là những người thích đi tiên phong, thích làm “tổ phụ”. Chính khi tự nhận mình là thần tượng của người khác, họ uốn mình sao cho hợp với thị hiếu của mọi người. Chung cục là họ đánh mất chính mình.

Cũng theo chủ trương này, các tu sĩ ấy đề cao tự do bản thân đến mức quá đáng. Họ chủ động trong mọi tương quan khiến người khác cảm thấy ngột ngạt. Những câu chuyện họ trao đổi với tha nhân nặc mùi cái tôi. Họ thích nói đến những “chiến thắng” oai hùng và ngoạn mục của mình trong quá khứ. Khi được ai góp ý điều gì họ tỏ ra thiếu thiện cảm, từ đó, tìm cách phủ nhận hoặc giải thích qua loa cho xong chuyện… Đó là cách họ thể hiện sự tự do trong lời nói. Còn trong tư tưởng, họ luôn cho mình là đúng. Họ ôm ấp một khát vọng lớn lao là muốn cải tổ nhà dòng. Thế nên, gặp những ai không thích, họ chống đối ra mặt và muốn thuyết phục người khác bằng tài lợi khẩu của mình. Thêm nữa, hành động của họ luôn mang tính “cách mạng”, thích gây ấn tượng với mọi người bằng lối sống phá cách, ra khỏi phạm vi cho phép của một thầy dòng sống trong cộng đoàn. Ngoài ra, họ còn nhân danh tự do để dùng người khác làm phương tiện giúp họ tiến thân. Tắt một lời, họ nhân danh tự do ngõ hầu sống phóng túng và lèo lái người khác theo chủ trương của họ.

Một điều hết sức quan trọng khi bàn đến những tu sĩ sống theo chủ trương này: *quyền lợi cá nhân.* Thật vậy, họ bảo vệ nó như một sự an toàn tuyệt đối cho bản thân; đồng thời, cái tôi của họ cũng được nuôi dưỡng cách nào đó đối với ảo tưởng kia. Một khi quan tâm quá đến quyền lợi cá nhân chắc hẳn đời sống cộng đoàn đối với họ là những cơ hội thăng tiến. Dần dà, họ tạo nơi mình một thái độ dửng dưng khi đứng trước tình cảnh của người khác vì họ xác tín rằng miễn sao không ảnh hưởng đến quyền lợi của tôi. Thái độ ấy đã ảnh hưởng rất sâu rộng trong xã hội nói chung và các tu sĩ nói riêng, đến nỗi Đức Phanxicô đã phải cảnh báo về tình trạng “toàn cầu hóa sự dửng dưng”. Quan sát một cộng đoàn nào đó mà nhận ra mỗi tu sĩ là một “ấp chiến lược”, bo bo giữ lại cho mình những phần tốt nhất, ấy là dấu chứng của một cộng đoàn mất dần “cái hồn sống”, là tình yêu quên mình lưu chuyển trong từng khoảnh khắc của nhịp sống chung.

Bên cạnh đó, tính tự cao, lòng tự mãn cũng là mối đe dọa trong cộng đoàn khi các thành viên tưởng như không có mình thì chẳng còn ai dấn thân phục vụ. Khi quyết tâm thi hành sứ vụ nào đó thì một trật, họ đòi sự an toàn trong dự án và thoải mái trong tiện nghi khiến Thiên Chúa không còn một không gian khả dĩ được hành động nơi họ. Họ trở thành chúa và chủ trên cuộc đời của mình. Chung cục, không phải cộng đoàn tẩy chay họ nhưng chính họ tìm tách ra và đi vào vỏ bọc an toàn của bản thân.

Tóm lại, tính ích kỷ (yêu bản thân) nơi người nào cũng có nhưng một khi nó chiếm lĩnh và âm mưu chi phối đời sống cá nhân khiến không còn đặt thiện ích chung lên hàng đầu thì nó tạo một chất nổ ngấm ngầm làm băng hoại cộng đoàn.

**Những tu sĩ duy xã hội**

Nếu chủ nghĩa cá nhân làm lệch lạc nhân cách của con người thì khuynh hướng duy xã hội khiến con người đánh mất tính độc đáo của một nhân vị. Thật vậy, tôi dễ mất hút trong một tập thể “vô hồn”. Nếu bầu khí của cộng đoàn đang nóng bỏng vì một sự kiện nào đó ảnh hưởng đến danh dự của tập thể, tôi cũng bị điều hướng bởi những cảm xúc đó, khi ấy, khuynh hướng duy xã hội đã cướp đi cảm xúc lành mạnh của bản thân mình. Tôi không còn là tôi, tôi không còn được sống với những xác tín của mình.

Ở đây, chúng ta nhận ra có một sự lệch lạc trong việc chủ thể *đồng hóa* với tập thể: họ cho rằng: “*Ai xúc phạm đến danh dự cộng đoàn tôi là làm tổn thương chính tôi”.* Từ đó, họ biểu lộ hành vi như thể mình là “anh hùng cứu mỹ nhân”. Chung cuộc, họ là nạn nhân của chính những tư tưởng và cách sống sai lạc của mình. Đó là một trong những hậu quả thấy được của khuynh hướng duy xã hội.

Có thể, do văn hóa làng xã của Việt Nam, với thế mạnh là nó giúp con người sống tương giao, hỗ trợ trong sinh hoạt thường ngày, đồng thời, nền văn hóa ấy lại có nguy cơ tạo nên một bầu khí ĩ lại, sống nhờ, sống dựa và dẫn đến thái độ sống “ai sao tôi vậy, ai làm bậy tôi làm theo”.

Tất nhiên, mỗi người có một suy nghĩ cũng như những kinh nghiệm khác nhau, điều này giúp tạo nên nét độc đáo của mỗi người. Nhưng trong thực tế, một cộng đoàn với nhiều thành phần, nhiều trình độ, nhiều nền văn hóa nhạo nặn con người… sẽ có nhiều ý kiến trái chiều mà ai cũng muốn ý kiến mình được nhìn nhận và đồng thuận thì giải pháp thỏa đáng nhất được đề ra là bỏ phiếu để tìm ra ý chung và ý Chúa. Tuy nhiên, không phải tập thể nào cũng thành công và tiến mạnh nhờ việc sống tinh thần dân chủ như thế. Cơ chế của một tập thể đã được đề ra nhằm giúp định hướng hành động cho một tập thể, nhưng sức sống từ bên trong hay còn gọi tinh thần của luật tùy thuộc vào tình yêu, vì luật tối thượng thì mang lại ơn cứu độ cho các linh hồn.

 Yếu tố văn hóa chỉ là xét ngoại tại, điều này không quan trọng bằng những yếu tố nội tại. Thật vậy, do sự giới hạn về hiểu biết một vấn đề của đương sự hay do tính thiếu quyết đoán của chủ thể vì không có lập trường cụ thể và cũng có thể do một cảm xúc nhất thời xui khiến họ vào hùa với phe này chống lại nhóm kia… dẫn đến thái độ sống thiếu trách nhiệm và bao nhiêu hệ lụy khác ảnh hưởng đến đà tiến triển của cộng đoàn.

Chúng ta dễ nhận ra mẫu người này trong cộng đoàn khi họ vỗ tay ủng hộ bên này nhưng nếu bên đối phương có chứng lý mạnh hơn, họ lại ra mặt phản đối bên mình đã ủng hộ. Cuối cùng, họ là người bàng quan phủi tay xem kết cục thế nào. Đối với họ, dấn thân phục vụ tùy thuộc cảm tính: thích thì làm, không thích thì buông xuôi.

Bên cạnh đó, trong cộng đoàn cũng không thiếu những người làm tiếng nói cho đám đông. Họ rỉ tai người này, kích động người kia nhằm tạo một làn sóng ảnh hưởng nào đó, đến khi thuận tiện, họ tìm cách đưa mình lên làm tiếng nói cho mọi người. Do khí chất thất thường, họ gây ra sự mất bình an hơn là nhằm xây dựng cộng đoàn. Mà tự thâm tâm, họ nghĩ rằng mình làm thế là giúp năng động cộng đoàn. Kỳ thực, họ là người nông nổi, nhất thời cuốn theo mọi chiều gió đạo lý.

Ngoài ra, thiết tưởng cũng cần xét đến ý hướng của những người duy xã hội. Họ tham gia sinh hoạt trong cộng đoàn như một người thụ động: người khác đọc kinh tôi cũng đọc kinh, người khác dùng bữa tôi cũng dùng bữa… Họ sống dưới sự điểu khiển của người khác và dưới sự nhắc nhở của những tiếng chuông vô hồn. Tắt một lời, họ hiện hữu mà “hiện diện” tại đó. Họ sống như thể xác mượn hồn, nấp né và chui rúc trong vỏ ốc cứng cáp của cộng đoàn để tồn tại trong một thời gian nào đó. Vô hình trung, họ đánh mất chính mình trong tập thể.

Xét cho cùng, họ là những người vô danh tiểu tốt, trà trộn trong đám đông để rồi mất hút bởi vì họ không thể là chính mình khi đồng thời muốn trở thành người của đám đông.

# CÁC YẾU TỐ TÂM LÝ TRONG CÁC GIAI ĐOẠN HUẤN LUYỆN

Có thể nói, mỗi người khi đứng trước một hoàn cảnh hay trong những tương quan khác nhau sẽ có những sắc thái cảm xúc khác nhau, điều này còn tùy thuộc nhận thức và kinh nghiệm của mỗi người trong quá khứ. Bởi đó, khi bước vào đời tu, ứng sinh sẽ càng có những cảm xúc mới lạ vì một môi trường và con người khác hẳn theo nghĩa đời tu và người tu đều là những gì mới mẻ với đương sự.

**Thỉnh sinh**

Có nhiều từ dùng để chỉ đối tượng của giai đoạn tiền tập sinh, ở đây, xin dùng chung hạn từ thỉnh sinh. Đây là giai đoạn đầu tiên bước vào đời tu.

*Ngạc nhiên*

Theo lẽ thường, bất cứ ai bước vào một môi trường mới điều đầu tiên dễ quan sát thấy nơi họ là sự ngạc nhiên. Mức độ ngạc nhiên còn tùy thuộc vào sự hiểu biết của họ về đời tu và những trải nghiệm với các bậc tu trì. Sự ngạc nhiên này tạo nơi họ những cảm xúc mới lạ. Thoạt tiên, họ tìm hiểu cộng đoàn qua sách vở và các trang mạng, họ để cho trí tưởng tượng đạt đến mức tối đa đến khi chính họ thực hiện cuộc hành trình “đến mà xem”. Đến nơi, họ được người đại diện nhà dòng tiếp đón và cho biết những yếu tố nào cần tuân thủ khi sống trong cộng đoàn. Sau một thời gian thử nghiệm, họ bắt đầu gia nhập và quyết tâm theo nhịp sống cộng đoàn.

Tất nhiên, cộng đoàn luôn mang chiều kích xã hội trong các tương giao nhưng không thể hiểu là những con người mang tính bày đàn, vì định hướng của các cộng đoàn dòng tu nói chung giúp cho mỗi cá nhân phát triển đến mức tối đa nhằm thánh hóa bản thân và mưu ích cho ơn cứu độ của mọi người. Sự ngạc nhiên cộng thêm với khuynh hướng thích trải nghiệm sẽ tìm gặp nơi cộng đoàn một sự cởi mở trong niềm vui thánh thiện. Từ những trải nghiệm ở ngoài đời trong quá khứ cộng với cá tính đặc nét của vùng miền sẽ tạo nơi ứng sinh một phong cách độc đáo. Bao nhiêu sự cộng lại là bấy nhiêu hạt mầm, Chúa gieo vào cộng đoàn. Cộng đoàn được hưởng nhờ hay bị ảnh hưởng cách nào đó đều tùy thuộc vào cách sống và sự hòa nhập của các ứng sinh.

Ngay khi bước vào cộng đoàn, cũng có thể một số người đã thành công xét về mặt xã hội, cũng có những người mới ra trường thì có thể chưa có nhiều kỹ năng và trải nghiệm sống tập thể. Dù vậy, họ đều là những thành phần non trẻ cần được hướng dẫn qua sự học hỏi và quan sát cũng như bắt chước những người đi trước. Sự rập khuôn và rập ràng ấy chỉ được chấp nhận trong góc độ giữ kỹ luật chung trong cộng đoàn, chứ không được hiểu như kiểu nuôi gà công nghiệp hay tạo dáng bon sai đồng loạt. Yếu tố cá vị độc đáo sẽ được phát huy nhờ sự hướng dẫn lão luyện của các bậc trưởng thượng, họ nắm bắt xu hướng tính cách từng người và giúp đương sự định hướng dựa theo những qui tắc chung mà bất cứ tập thể nào cũng phải tôn trọng.

Sự ngạc nhiên, ở đây, sẽ giúp đương sự luôn cởi mở và khiêm tốn vì ý thức bản thân chưa biết nhiều về đời sống cộng đoàn trong đời tu. Mỗi một lần “cọ xát’ lại một lần tổn thương, cộng thêm những tổn thương tuổi thơ (trước khi bước vào đời tu) nữa, từ đó, đời sống cộng đoàn là một phép mầu giúp chữa lành. Điều quan trọng là mỗi người cần cởi mở, tìm được những “điểm tựa” an toàn và tin cậy, đồng thời, nhờ ơn Chúa và nếu Ngài muốn họ ở đó, Ngài sẽ mặc khải qua nhiều dấu chỉ giúp họ nhận ra; chẳng hạn, một bài giảng, một câu Lời Chúa, một lời nói đến từ tha nhân.

Chúa mời gọi chúng ta vào sống trong cộng đoàn và Ngài dùng đủ mọi cách để giáo hóa từng người. Vấn đề là con người có sẵn sàng buông theo ân sủng để Thánh Thần tác động. Đến đây, chúng ta thấy được vai trò và giá trị của việc đồng hành, nó giúp mỗi người thăng tiến trong ý muốn của Chúa.

Sự ngạc nhiên do hoàn cảnh môi trường tác động và những con người trong đời sống tu trì chi phối thì có thể được hoàn thiện dần nhờ các kỹ năng. Còn sự ngạc nhiên đến từ cách hành động của Thiên Chúa thì thiên hình vạn trạng. Mà qua mỗi giai đoạn, Ngài sẽ tác động một cách khác nhau tùy theo tình trạng tâm hồn.

*Lo sợ*

Có thể nói, đây là một loại phản ứng cảm xúc khi đối diện với một tình huống mà xem ra chúng là mối đe dọa đi ngược lại với mong cầu của chúng ta. Cũng tùy vào mỗi cá tính với những kinh nghiệm trong quá khứ mà có những mức độ biểu hiện cảm xúc lo sợ khác nhau. Nhưng dù ở mức độ nào, cảm xúc lo sợ gây trở ngại cho các tương giao trong đời sống, nhất là một ứng sinh lại tỏ ra quá lo sợ và cẩn trọng với các thành viên khác trong cộng đoàn thì dễ tạo một bầu khí ngột ngạt. Thật vậy, cảm xúc lo sợ sẽ hạn chế tầm nhận thức của các ứng sinh khiến không thể phán đoán và đánh giá người khác cũng như xem xét một tình huống cho thấu đáo và chuẩn mực được. Nếu nhận thức thiếu chính xác về thực tại thì hành vi khởi đi từ nhận thức ấy hẳn sẽ không thích hợp và thiếu hiệu quả.[[9]](#footnote-9)

Ngoài ra, chúng ta cũng cần xét đến những gì vì quá lo sợ mà tạo nơi các ứng sinh một khép kín mà tâm lý học gọi là cơ chế tự vệ. Nghĩa là đương sự sẽ luôn trong tình trạng bảo thủ, khó mở lòng ra để đón nhận tất cả những gì đang xảy đến, điều này làm cản trở các ứng sinh không thể bộc lộ sự nhiệt tình và hạn chế tinh thần trách nhiệm trong một thời gian nào đó.

Ở đây, chúng ta cần phân loại, đúng hơn là chia ranh giới giữa hai mức độ lo sợ khác nhau: lo sợ thích đáng và không thích đáng. Điều này được thẩm định tương đối dựa theo tình huống với những đối tượng mà các thỉnh sinh tiếp xúc.

Khi chúng ta lo sợ trong một mức độ nhất định, cảm xúc ấy được xem là bình thường và lành mạnh, không cản trở sự phát triển đạt đến mức trưởng thành, miễn là kiểm soát được tình thế. Bước vào môi trường mới, ai lại không lo sợ vì không biết chuyện gì sẽ xảy ra và mình sẽ được đối đãi thế nào. Chỉ có điều là nó sẽ tăng phần kịch tính khi ai đó nhớ lại những câu nói đại loại từ gia đình: “*Nó nghịch thế này thì tu với tác gì, ba bảy hai mươi mốt ngày là về ấy mà”* hay *“không đi tu được thì đừng có về nhìn mặt bố mẹ…”.* Chắc hẳn, đương sự sẽ cảm thấy bị áp lực hơn. Đó là chưa kể có những đối tượng vì quá thần tượng những người sống đời thánh hiến mà đã cảm thấy thất vọng và chán nản vì mục kích một sự kiện tiêu cực nào đó nơi các thành viên chung sống. Đây có thể xem là những cảm xúc lo sợ thích đáng.

Trong khi đó, sự lo sợ không thích đáng lại là một mối nguy hại cần được các nhà đào tạo phát hiện và hướng dẫn các ứng sinh trong bước đầu sống trong cộng đoàn. Mối lo sợ trở nên không thích đáng khi không tương xứng với mối nguy hiểm có thật. Điều này có thể giúp ta giải thích về xung đột trong tầng vô thức của họ. Nói cách khác, những tổn thương tuổi thơ đã bị kích động bởi một tình huống tương tự trong sinh hoạt cộng đoàn. Chẳng hạn, việc đứng trước một lệnh truyền của vị giáo tập, mọi người đều sẵn sàng tuân phục nhưng có một người kia lại phản ứng mạnh mẻ và chống đối ra mặt. Sau khi tìm hiểu hoàn cảnh gia đình, vị giáo tập mới xác nhận rằng người ấy bị dị ứng với những gì thuộc quyền bính vì trong gia đình em luôn phải kìm nén trước hình ảnh một người cha gia trưởng. Giờ đây, em đã rời khỏi gia đình như một giải thoát, hình ảnh ấy lại tái hiện nơi vị bề trên. Như vậy, việc chống đối bề trên của người ấy chỉ là một dạng xung đột trong vô thức mà thỉnh sinh ấy đã *chuyển dịch* thái độ khó chịu và bất đồng từ người cha đến vị bề trên.

Nếu những xung đột nội tâm hay những tổn thương ấy không được các ứng sinh đối diện và chữa lành cách nào đó thì sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh và trưởng thành của đương sự về sau. Đừng để khi quá đà rồi than thở: “*Thật đáng tiếc, bỏ thì thương, vương thì tội!”.*

**Tập sinh**

Bước sang giai đoạn này, Giáo hội lưu ý cách đặc biệt với các tập sinh trong các hội dòng và dành những hướng dẫn cụ thể theo Giáo luật. Vì thế, mỗi tập sinh cần ý thức sự hiện diện của mình trong nhịp sống cộng đoàn.

*Kỷ luật*

Đời sống chung cần có những qui tắc qui định, huống chi là đời sống tu trì, việc giữ kỷ luật lại càng được đề cao với ý thức “*mình giữ luật thì luật giữ mình”.* Giữ mình ở đây không chỉ hiểu là duy trì ơn gọi trong cộng đoàn mà còn sống đúng tinh thần linh đạo của dòng để bước theo sát Đức Kitô. Nếu ví kỷ luật như việc giữ mình chạy vững chãi trên đường ray xe lửa thì năm tập sẽ là thời gian chuẩn bị cho toa tàu sạch sẽ và thanh thoát để giúp đoàn tàu vận hành tốt hơn.

Chúng ta cũng cần phân biệt hai cách giữ luật: luật bề ngoài và bề trong. Luật bề ngoài thì quan sát hình thức giữ luật chung nơi các thành viên, chúng ta đã rõ. Tuy nhiên, có một nguy cơ khá lớn là khiến những người giữ luật như thế trở nên những cổ máy không hồn và trở thành những Pharisêu mà Chúa Giêsu đã cảnh báo; họ trở thành những kẻ tôn sùng luật với một cái đầu lạnh và có thể dẫn đến mức vô cảm và dửng dưng như những vị thượng tế mà Chúa đã nêu ra trong dụ ngôn *Người Samaritanô nhân hậu.* Nếukỷ luật trở nên cứng nhắc, thiếu linh hoạt và mang tính áp đảo khiến người tuân giữ phải kìm nén thì sẽ sinh ra những chống đối ngầm, sẽ vô cùng nguy hiểm cho chính cá nhân, tập thể và làm gãy đổ những tương quan. Có một nguy cơ khác cần ghi nhận ở đây, nếu quá cứng nhắc trong việc giữ kỷ luật thì chúng ta có thể dùng luật để đánh giá, xét đoán, phê bình, chỉ trích lẫn nhau. Khi đó luật trở nên những bức tường làm xa cách các thành viên trong cộng đoàn. Ngoài ra, chúng ta cũng cần lưu ý tới những người câu nệ lề luật, họ dễ có khuynh hướng tìm an toàn trong lề luật, và hậu quả của chủ trương này là lấy luật làm cứu cánh nên vô tình loại trừ con người là hình ảnh của Thiên Chúa.

Có nhiều người hiểu sai về việc giữ kỷ luật như một sự gò bó khiến bản thân mất tự do. Nếu mất tự do thì đừng nói gì đến tôn trọng nhân quyền và nhân phẩm. Trong khi đó, Giáo hội luôn tìm mọi cách hầu đề cao tính nhân bản nơi mỗi ứng sinh nhất là trong giai đoạn nhà tập. Chỉ có điều là chúng ta cần hiểu thế nào để có thể sống kỷ luật mà lại chứng tỏ mình là một người hoàn toàn tự do bước theo Đức Kitô. Thật vậy, chúng ta được Thiên Chúa mời gọi và chúng ta tự do đáp trả để chấp nhận sống trong cộng đoàn này. Trong cộng đoàn cụ thể ấy, có những qui định được hiểu như những định hướng giúp ứng sinh đạt đến một đời sống nhân bản ý thức và trưởng thành. Vì nhấn mạnh đến yếu tố nhân bản nên cộng đoàn cũng tìm mọi cách để mỗi ứng sinh có thể thực hiện một cách vui vẻ trong tinh thần tự do cá nhân.

Đến đây, chúng ta cần giải quyết vấn nạn: Tại sao đề cao tinh thần tự do cá nhân mà lại nại đến việc bỏ mình mới tuân thủ kỷ luật được? Thoạt tiên, chúng ta nghe có vẻ nghịch lý nhưng phân tích kỹ, chúng ta sẽ cảm nhận việc tuân giữ kỷ luật giúp nâng tầm giá trị bản thân. Trước tiên, chúng ta xét đến việc bỏ mình. Bỏ mình ở đây phải hiểu là gọt bỏ những “râu ria” mang tính thế tục không hợp với đời tu mà bao nhiêu năm ứng sinh đã sống ngoài xã hội. Xã hội ấy đã nắn đúc một phong cách theo tinh thần thế gian, còn các tập sinh là những môn đệ của Đức Kitô sống trong thế gian nhưng không thuộc về thế gian. Như thế, việc bỏ mình mang lại cho chúng ta một tinh thần tu trì đúng nghĩa theo tinh thần của hội dòng để giúp mỗi người tự do tiếp bước trên con đường Đức Giêsu đã đi.

Để có thể sống đúng tinh thần mà Giáo hội đề ra, chúng ta cần tuân thủ luật bề trong. Đó là lý do để có sự phân biệt tinh thần giữ luật của mỗi người khác nhau. Giai thoại về vị thiên thần viết công trạng cho mỗi người để dâng lên tòa Chúa với nhiều chất liệu khác nhau sẽ là câu trả lời. Cũng trong cùng một giờ kinh Thần vụ được các tu sĩ cử hành, có người được vị thiên thần ghi nhận công phúc bằng bút bùn, người khác bút bạc, người khác nữa viết bằng bút vàng…Có thể nói, chính động lực và tình yêu bên trong sẽ quyết định cho giá trị của lễ mỗi tu sĩ dâng cho Chúa qua tay vị thiên thần.

Đến đây, chúng ta cũng cần phân ra hai loại kỷ luật: luật bó buộc và luật tự nguyện. Như chúng ta đã biết luật bó buộc là những qui định trong một cộng đoàn giúp xây dựng và nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm trong tập thể. Còn luật tự nguyện, chúng ta có thể hiểu đây là cách mỗi người thiết lập một lối sống dựa theo sự nhận thức và quan điểm cá nhân. Chúng ta có thể đơn cử trường hợp của thánh nữ Têrêsa Hài Đồng Giêsu. Ngoài việc tuân thủ những luật dòng, hiến pháp…, ngài còn tự ra những qui tắc sống và thực hành theo tinh thần mà ngài đã được mặc khải và trở thành một thứ linh đạo rất được nhiều người mến chuộng và noi theo: *con đường thơ ấu thiêng liêng.* Để có thể áp dụng cụ thể tinh thần này, ngài đã đưa ra quyết tâm là tận dụng mọi hy sinh để thực hành việc bỏ mình và tranh thủ mọi cơ hội làm việc bác ái bằng cách phục vụ những nữ tu khó tính và chinh phục cả những người không thích mình.

Tóm lại, kỷ luật là một hình thức bó buộc trong mọi sinh hoạt tập thể, như vậy, ở cộng đoàn dòng tu, kỷ luật lại giúp vận hành cộng đoàn cách hài hòa và năng động. Chính việc ý thức giữ kỷ luật một cách linh động và sáng tạo với tất cả tình yêu, cộng đoàn sẽ thăng tiến trong tinh thần của Giáo hội, và như thế cũng là cách sống theo ý muốn của Thiên Chúa vậy. Ngoài ra, người giữ kỷ luật không chỉ là dấu chỉ tôn trọng luật chung, tôn trọng những thành viên khác trong cộng đoàn mà còn là cách xây dựng hình ảnh tích cực nơi bản thân và giúp củng cố lòng tự trọng. Và một khi từng thành viên trong cộng đoàn ấy trưởng thành và triển nở về mọi mặt thì cộng đoàn cũng từ đó mà thể hiện được nét đẹp của ơn cứu độ con người.

Đây có thể là những bó buộc khiến một tập sinh cảm thấy nặng nề, nhưng theo lời hứa của Chúa Giêsu, hỡi những ai mang gánh nặng nề hãy đến cùng Ta, Ta sẽ cho nghỉ ngơi bồi dưỡng, họ tiến bước dưới sự hiện diện và che chở của Ngài.

*Tự chủ*

Có thể nói, một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến đời tu trong mức độ đánh giá sự trưởng thành của ứng sinh là tính tự chủ. Có những ứng sinh hiểu sai về tính tự chủ nên rất nguy hại trong nhịp sống cộng đoàn. Tự chủ không phải là kiềm nén hay dồn nén, vì khi đó, đương sự sẽ tạo một vài hình thức cơ chế tự vệ và bản thân sẽ rơi vào tình trạng đóng băng hay khép kín. Nếu để tình trạng này quá lâu mà không có hướng giải tỏa thì dễ sinh ra tâm bệnh; một trong những bệnh khó phát hiện trong giai đoạn này là trầm cảm. Các vị giám tập thấy họ giữ thinh lặng tốt và hạn chế hết sức việc tương tác với các thành viên khác…tưởng rằng họ đạo đức sốt sắng nhưng kỳ thực đời sống họ đang mất dần sự quân bình giữa các tương giao với chính mình, người khác và cả Thiên Chúa nên các vị có trách nhiệm cần phân định rõ ràng. Còn tự chủ là kiểm soát được cảm xúc của mình, nói đúng tên cảm xúc đó: vui vẻ hay nóng giận. Khi ấy, họ ý thức hoàn toàn và sẵn sàng chịu trách nhiệm về bất cứ sự gì xảy ra.

Có hai yếu tố cần các ứng sinh tập luyện trong thời điểm này là tự chủ những ước muốn và tự chịu trách nhiệm về mọi sự.

Làm người, ai cũng có những ước muốn khác nhau: nào là được nổi tiếng và nhiều người biết đến, hay được yêu và yêu ai đó…Nhưng một khi bước vào đời tu, những ước muốn ấy cần phải được điều hướng và định hướng. Như thế, làm chủ hay kiểm soát những ước muốn của mình được hiểu là việc đương sự có thể khám phá ra những nhu cầu hay ước muốn của lòng mình, từ đó, tìm cách sống thích ứng theo những đòi hỏi của linh đạo hội dòng. Trước kia khi chưa bước vào đời tu, bạn thích được nhiều người biết đến thì trong giai đoạn này, bạn cần điều hướng nhu cầu ấy, rằng chỉ muốn Chúa biết về mình thôi. Cũng vậy, với ước muốn được yêu và yêu thì từ nay, chỉ muốn được yêu Chúa, yêu mọi người và được Chúa yêu, đồng thời, được mọi người yêu. Một khi xác định được những đòi hỏi của giai đoạn này hầu giúp bản thân phát triển trên đường tu đức và tâm linh, các ứng sinh sẽ thong dong rảo bước trên đường huấn lệnh Chúa.

Còn một yếu tố nữa cũng không kém quan trọng đó là tự chịu trách nhiệm về mọi sự mình làm. Nếu việc làm chủ các ước muốn giúp đi sâu vào tương quan với Thiên Chúa cách triệt để hơn thì việc tự chịu trách nhiệm này sẽ giúp các ứng sinh trưởng thành hơn trong suy nghĩ, lời nói và hành động để luôn tạo lập sự hài hòa và thắm thiết tình huynh đệ trong cộng đoàn mình đang sống. Nói như thế, không có nghĩa một ứng sinh được đánh giá là trưởng thành cách nào đó đều thuận lợi trên con đường tu trì đâu. Trong thực tế luôn có những căng thẳng áp lực mà đôi khi đòi hỏi các ứng sinh phải thực sự dấn thân triệt để mới tiếp tục hành trình tu luyện. Đời tu là một cuộc lội ngược dòng đúng nghĩa!

**Khấn tạm**

*Khao khát dấn thân*

Giáo luật có đoạn viết: “*Đời sống tu trì chỉ thực sự bắt đầu với sự thánh hiến bằng việc cam kết tuân giữ ba lời khuyên phúc âm, họ được trở nên dấu chỉ hữu hình cho Giáo hội và được gia nhập vào Tu hội*” (đ. 607; đ. 654). Như thế, từ đây họ chính thức được gọi là tu sĩ, người đã tuyên khấn các Lời khuyên Phúc Âm và sống trong một cộng đoàn tu trì. Niềm khao khát dấn thân đã được Giáo hội tiên liệu và qua các vị trong ban huấn luyện, họ đã được học hiểu những đòi hỏi và những giá trị nhân bản và siêu nhiên do các lời khấn mang lại. Niềm vinh dự trong ngày tuyên khấn được kéo dài trong suốt quãng đời còn lại, nhờ ơn Chúa nâng đỡ, họ dấn thân đến mức muốn chết vì Chúa và vì Tin Mừng. Nhưng rồi do sức ghì chặt của tính xác thịt và những yếu đuối xác hồn, họ cần tái khám phá vẻ đẹp của các môn đệ bước theo Chúa qua gương các thánh để khả dĩ tiếp bước trên con đường Đức Giêsu đã đi.

Theo kinh nghiệm của các thánh, sự hăng say và khát khao dấn thân muốn được dùy trì thì các tu sĩ cần sống triệt để tinh thần cầu nguyện và kết hợp với Chúa. Có thế, mỗi ngày qua đi là một lời tri ân cảm tạ và đúng hơn, chính bản thân trở thành lời ngợi ca tôn vinh Ba Ngôi Thiên Chúa. Có thể nói, tất cả những gì được sắm sẵn trong cộng đoàn đều nên khí cụ giúp mỗi người đạt đến ơn cứu rỗi chung cuộc cho mình và các linh hồn. Có những tu sĩ sống trong bốn bức tường nhà dòng, tuy thân xác ở nhà nguyện nhưng tinh thần lại đi du lịch khắp bốn phương; trái lại, với một Têrêsa HĐGS cũng khép mình trong bốn bức tường dòng Kín lại có thể trở thành một vị thánh bổn mạng các xứ truyền giáo. Sự khác biệt do đâu ? Thiết nghĩ, chính sự kết hợp trong tình yêu đã giúp chị bay cao và xa trong hành trình dấn thân phụng sự Nước Chúa. Một đàng là chia trí lo ra, đàng kia là kết hợp thần bí; một bên thì phân tán phân tâm, bên kia thì sáp nhập nội tâm. Quả thật, chỉ trong Chúa, linh hồn mới mở rộng mọi chiều kích dài, rộng, cao và sâu của tình yêu không biên giới mà không đánh mất chính mình.

Trong giai đoạn này, phần lớn các hội dòng thường tổ chức cho các tu sĩ khấn tạm học hỏi những kiến thức về triết học, tâm lý học, xã hội học…nhằm giúp họ hiểu biết và áp dụng vào cuộc sống thực tế để có thể hiểu biết những phạm vi thế tục mà sống trong thế gian nhưng không thuộc về thế gian. Một khi có sự hiểu biết đầy đủ về mọi mặt của cuộc sống, các tu sĩ sẽ biết tự đặt ra cho mình những giá trị ưu tiên giúp thăng tiến đời tu trong tinh thần của Giáo hội và ý muốn của Chúa. Từ đây, khao khát dấn thân được hiểu là nhu cầu chính đáng giúp đương sự sống dưới sự hiện diện và bảo trợ của Chúa, đồng thời, sống sứ vụ đem yêu thương đến cho mọi người bằng chính việc phục vụ đặc thù và đời sống nên thánh mỗi ngày. Có thế, mỗi ngày là một bài ca phục vụ với niềm vui trong Chúa.

Tưởng cũng cần lưu ý về một cám dỗ trong giai đoạn này, đôi khi vì quá hăng say trong việc thi hành sứ vụ do thúc đẩy của nhu cầu thể hiện bản thân mà nhiều tu sĩ đã rời xa chiều kích ***ơn gọi*** là phần cốt lõi làm nên chính đời sống tu trì. Thật vậy, một khi *ơn gọi* chưa được ổn định và vững chãi thì *sứ vụ* có thể chỉ là cách chạy trốn thực tại. Cho dù cánh đồng truyền giáo có bao la bát ngát đến đâu không người này thì sẽ có người khác, nghĩa là sứ vụ có thể thay thế được, nhưng ơn gọi thì không. Mỗi người là một ơn gọi huyền nhiệm trong kế hoạch yêu thương và quan phòng của Thiên Chúa. Có thể đó là điều mà Giáo luật đã tiên liệu trước khi nhắc nhở các bề trên không được giao công tác hay sứ vụ làm ngăn trở tiến trình đào tạo một tu sĩ trưởng thành và thực thụ cho một hội dòng. Nếu điều này không được mọi người quan tâm đủ thì sẽ tạo ra tình trạng khủng hoảng sau khi khấn trọn.

*Nhạy bén với đức công bằng*

Nếu trong thời gian Nhà Tập, phần lớn các ứng sinh chú trọng đến đời sống thiêng liêng nên không quá so đo, xét nét với anh chị em, cộng thêm là đức bỏ mình được đề cao nên xem ra vấn đề tương giao tương đối thuận thảo. Tuy nhiên, sang giai đoạn khấn tạm, các tu sĩ bắt đầu mở rộng tầm mắt, quan sát thấy nhiều phong cách sống của các đàn anh đàn chị. Đồng thời, họ có chút hiểu biết về đạo và đời nhờ việc trau dồi học thức trong giai đoạn huấn luyện này. Thế nên, các tu sĩ dễ so sánh hơn thua, mặc dù, biết rằng trong tập thể luôn có trường hợp ngoại lệ nhưng nếu vị giám đốc không có một qui tắc rõ ràng trong hành động dễ bị đánh giá là thiếu công bằng. Điều này dễ gây xào xáo trong tập thể, từ đó, các thành viên sẽ thiếu đoàn kết và tránh hợp tác với vị phụ trách. Hậu quả là đời sống tập thể ấy sẽ không thể tiến triển về mọi mặt.

**Khấn trọn**

*Trung tín*

Sau khi đọc lời tuyên khấn trọn đời trước vị bề trên và toàn thể cộng đoàn hiện diện thay mặt cho Giáo hội, đương sự đã trở thành thành viên chính thức, và một khi đã ký vào tờ cam kết thì họ không được phép “ly dị” hay thoái lui mà bắt đầu một đời sống mới trong Đức Kitô, vì từ nay họ không còn sống cho chính mình nữa nhưng cho hội dòng và Giáo hội. Có thể nói, đặc tính *Trung tín* sẽ là “điểm nhấn” trong giai đoạn này và kéo dài đến chết. Từ đây, họ không còn hồ nghi hay đặt lại vấn đề rằng *tôi có ơn gọi sống đời thánh hiến* không nữa mà *tôi sẽ sống thế nào để đáp lại tình Chúa thương gọi và chọn tôi.*

Để có thể sống trung tín đến trọn đời thì không một tu sĩ nào đủ tự tin nói rằng tự sức mình tôi có thể bền đỗ, nhưng mỗi tu sĩ luôn xác tín: *Nhờ ơn Chúa.* Điều này cũng được Giáo hội nhắc lại trong những phần nghi thức trước lúc đương sự đọc Lời tuyên khấn trọn đời: …*Nhờ ơn Chúa.* Chính “điệp khúc” này giúp các tu sĩ xác tín hơn về việc khấn dòng là công việc của chính Chúa chứ không phải do con người. Và một khi đó là công trình của Chúa thì không ai có quyền phá đổ ngoại trừ việc con người lạm dụng tự do mà sống theo tính xác thịt như khẳng định của thánh Phaolô.

Mỗi tu sĩ nếu quyết tâm sống trung tín thôi thì chưa đủ mà họ còn phải nhận thức đâu là động lực thực sự giúp họ sống mãi tinh thần ấy. Tác giả Philomena Agudo thật chí lý khi nói: “*Nếu chúng ta cam kết mà không ý thức đầy đủ hay không hiểu rõ động cơ thúc đẩy chúng ta dâng hiến bản thân cho Thiên Chúa thì khi gặp căng thẳng, lời cam kết ấy sẽ trở nên vô nghĩa”.[[10]](#footnote-10)* Từ đó, sự trung tín cũng trở nên bấp bênh vì đương sự không biết bản thân đã cam kết với ai và những gì để có thể sống và sống triển nở trong ơn gọi. Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã nhắc nhở tất cả những ai sống đời thánh hiến rằng: “*Được phát sinh từ cảm nghiệm sống động về Tình yêu cứu độ, dưới ánh sáng sự trung tín của Thiên Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, đời sống thánh hiến tìm thấy ý nghĩa của nó trong động lực của sự trung tín*.”[[11]](#footnote-11) Thật vậy, chính việc sống trải nghiệm về tình yêu của Ba Ngôi Thiên Chúa sẽ là động lực thúc đẩy các tu sĩ sống trung tín và triển nở trong ơn gọi và sứ vụ Ngài ban qua vị bề trên.

Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II khẳng định rằng một sự trung tín chân thật trong việc bước theo Đức Kitô, bao hàm cả khía cạnh tử đạo, phải được những người nam nữ thánh hiến sống trong sự thực hành đơn sơ và bình thường của một quy chiếu thường xuyên về linh đạo của vị sáng lập.[[12]](#footnote-12) Có hai điểm lưu ý trong phát biểu của ngài là trung tín nhưng phải theo sát tinh thần của vị sáng lập và chấp nhận chịu bách hại và tử đạo khi sống tính ngôn sứ của một tu sĩ.

Thực tế trong đời sống cộng đoàn, chúng ta nhận ra có những người có vẻ sống trung tín nhưng chẳng hề theo tinh thần vị sáng lập hay tuân thủ luật chung. Có những tu sĩ bị trầm cảm, mang tâm bệnh, hoặc có những tu sĩ sống bất cần và bất chấp lề luật và người khác…có thể nói họ làm cho bầu khí cộng đoàn ngột ngạt và nếu có ai không đủ trưởng thành trong việc kiểm soát cảm xúc cũng dễ bị họ thao túng tâm lý cách nào đó. Lúc ấy họ không chịu tử đạo nhưng anh chị em đồng tu chịu tử đạo vì họ.

Nếu như câu nói trên cửa miệng của các tu sĩ chiêm niệm rằng *đời đan tu là cuộc tử đạo liên lỉ* thì nó cũng có thể áp dụng cho bất cứ tu sĩ nào. Khi ấy, chúng ta lại nghe lời vị thánh Giáo hoàng này loan báo: “*Họ đã và đang phải trả giá cao để được sống đời thánh hiến, phải anh dũng chịu khổ cực lâu dài, nhiều khi phải đổ máu đào, như vậy họ được nên hoàn toàn đồng dạng với Chúa chịu đóng đinh.”* [[13]](#footnote-13)

*Sáng tạo*

Sự sáng tạo, ở đây, cần được hiểu là mang tính bao trùm hữu thể. Nghĩa là những hành vi mang tính sáng tạo có tốt đẹp và hữu ích thế nào đi nữa cũng là nhằm đạt đến mẫu hình lý tưởng là Đức Kitô Phục sinh. Bởi vậy, mỗi hành vi sáng tạo luôn là sự kết hợp giữa ơn Chúa và sự cởi mở mang tính đột phá của cá nhân vị tu sĩ. Từ đó, chúng giúp đương sự hình thành nhân cách đời tu trưởng thành và nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô.

Có thể nói, sự sáng tạo này không hoàn toàn lệ thuộc vào mức độ trí thông minh sáng tạo nơi mỗi cá nhân nhưng lại tuỳ thuộc vào sự linh động thích ứng trong việc trung thành với mọi qui tắc hay lề luật trong đời tu đề ra mà không câu nệ; trái lại, biết vượt qua và sống tinh thần cốt lõi mà luật muốn nhắm đến như lời đề nghị mà Chúa Giêsu đã trả lời cho các ông kinh sư và đám đông ngày xưa: *lề luật vì con người, chứ không ngược lại.* Và khi ấy, các tu sĩ được mời gọi tự do sống theo lề luật và tự nguyện đáp ứng những đòi hỏi của Tin Mừng. Chính thái độ thong dong trên đường phụng sự Chúa mà mỗi đan sĩ sẽ khám phá được con đường riêng để nên thánh và sáng tạo đời mình, vì như Đức Bênêdictô XVI đã khẳng định: *Mỗi người là một con đường đến với Chúa.* Điều này chính các thánh đã sống và để lại cho chúng ta nhiều gương mẫu để ta tiếp bước trên “con đường chẳng mấy ai đi”.

Việc sáng tạo này còn đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp mỗi tu sĩ phát huy tính độc đáo và duy nhất của một nhân vị mang hình ảnh Thiên Chúa. Thật vậy, nhờ việc sáng tạo mà chúng ta được phân biệt và không bị trộn lẫn vào đám đông. Một trong những khó khăn của mỗi tu sĩ là làm sao khả dĩ hoà mình vào nhịp sống cộng đoàn mà lại luôn là chính mình và không bị hoà tan như một kẻ vô danh. Quả thật, nếu do cách sống thế nào đó mà có thể chúng ta bị đồng hoá trong cộng đoàn, thì chúng ta cũng cần ý thức rằng chúng ta có một chỗ đứng không thể thay thế trong trái tim Chúa.

Còn theo nhãn quan của thần học sáng tạo, một khi người tu sĩ bắt đầu biết hợp tác với ân sủng của Chúa để thực hiện cuộc sáng tạo chính mình thì khi ấy họ thông chia vai trò sáng tạo cùng với Thiên Chúa để làm cho vũ trụ này tốt đẹp hơn. Một điều thật thú vị nơi ý muốn của Thiên Chúa là thật ra, Ngài có thể tạo dựng một hình ảnh con người hoàn hảo như Ngài muốn. Nhưng không! Ngài dựng nên con người hữu hạn và ban cho họ một phần tự do từ bản thể Ngài để chúng có thể tự tìm kiếm con đường hoàn thiện nhưng không phải tự sức mình và cũng không phải tìm mình trong cái hữu hạn mong manh nhưng tìm mình trong Thiên Chúa. Và từ đó, chúng ta cũng ý thức rằng tác giả của công cuộc sáng tạo cuộc đời ta là chính Chúa Thánh Thần, Đấng được sai đến để đổi mới mặt địa cầu.

Chúng ta có thể sống sáng tạo trong mọi sự nhưng không được đi ra ngoài những gì qui định về những lời khấn và đời sống cộng đoàn. Có thể nói, những “yêu sách” này như đường ray xe lửa giúp xe chạy thẳng về đích cách nhanh nhất mà không phải nhọc công. Thật vậy, các tu sĩ dồn hết năng lực sáng tạo nhằm giúp bản thân đến gần Chúa hơn. Mà cách sáng tạo cao cả nhất là đi vào quỹ đạo của cuộc hoán cải và biến đổi mỗi ngày trong ánh sáng Đức Kitô phục sinh.

# CẢM THỨC THUỘC VỀ VÀ XÁC ĐỊNH CĂN TÍNH

Chúng ta có thể hiểu *cảm thức thuộc về* là tình trạng ý thức sâu xa đến từ chủ thể được diễn tả qua những cảm xúc và cảm giác an toàn vì được đặt mình vào một đối tượng hay một tập thể đáng tin cậy mà trong cuốn sách này, chúng thuộc về trật tự của một cộng đoàn tu trì. Để hiểu rõ hơn, chúng ta có thể lấy dẫn chứng gần gũi nhất từ môi trường gia đình, khi nói: Tôi tên là… con của ông… con của bà…nghĩa là chúng ta muốn nói đến việc mình thuộc về một gia đình nhân loại. Cũng vậy, khi nói: tôi là tu sĩ thuộc dòng nào đó, chúng ta đang diễn tả bản thân thuộc về một Hội dòng. Thật vậy, chúng ta được Thiên Chúa mời gọi và do lòng quảng đại đáp trả tiếng Ngài, mỗi người tự nguyện gia nhập vào một cộng đoàn để sẵn sàng bước theo Đức Kitô thanh bần, khiết tịnh và vâng phục cho đến chết. Còn nếu xét đời sống thánh hiến nói chung, một chủng sinh cũng sống chiều kích cộng đoàn trong những năm dưới mái trường chủng viện và kéo dài đến khi chịu chức linh mục, họ cũng thuộc về một cộng đoàn là các linh mục trong cùng một Giáo phận nào đó (linh mục đoàn).

Thật phi lý! Chúng ta không hề biết nhau, thế mà một khi chấp nhận bước vào đời tu, chúng ta lại thuộc về nhau. Có một sự gắn kết hết sức thiêng liêng vượt khỏi tầm suy tính của con người. Dù muốn dù không, một khi đã gia nhập một cộng đoàn, chúng ta đã thuộc về nhau và hơn nữa, chấp nhận những điều trái ngược nếu không muốn nói là mâu thuẫn. Tuy nhiên, chính nơi cộng đoàn, mọi góc cạnh mang tính “bố đời hay quá thế tục” sẽ được thanh luyện qua tính yêu sách của cộng đoàn. Sau một thời gian đào tạo, nếu đương sự vẫn không bắt nhịp cách nào đó với cộng đoàn thì sẽ tự đào thải (rút lui) hoặc qua các hội đồng hợp pháp của cộng đoàn, đương sự sẽ nhận ra điều Chúa muốn.

Chúng ta vừa nói qua những điều trái ngược và ngay cả những mâu thuẫn phát sinh từ tính cách, tư chất, văn hóa…Thoạt tiên, chúng có thể là một rào cản nhưng với thời gian các tu sĩ sẽ trải nghiệm và nhận ra tính phong phú của đời sống chung.

Thật ra, cám dỗ ban đầu khi bước vào cộng đoàn là người ta dễ dàng đến với nhau từ việc tìm ra những điểm chung, chẳng hạn đồng hương, đồng sở thích, cùng gu thẩm mỹ…theo kiểu: *đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu.* Tuy nhiên, nếu không tỉnh táo, vô tình họ sẽ kiếm đồng minh, tạo phe nhóm đòi hỏi những quyền lợi vượt quá giới hạn khiến tạo nên những rạn nứt trong nhịp sống cộng đoàn. Khi đó, tính cục bộ sẽ như một thứ ung nhọt làm toàn thân là cộng đoàn bị ảnh hưởng chung. Điều tiêu cực này càng khiến mỗi thành viên nhìn nhận: cảm thức thuộc về là quan trọng. Quả thật, *cảm thức thuộc về* đòi buộc mỗi tu sĩ chung chia mọi khoảnh khắc thăng trầm của cộng đoàn, chứ không phải *hạt muối chia đôi, cục đường nuốt trọn.*

Nhưng nếu chỉ dừng lại ở những điểm bên ngoài thuần nhân loại thì cộng đoàn sẽ thiếu tính năng động phát xuất từ tinh thần xây dựng cộng đoàn đúng nghĩa. Quả thật, chúng ta chấp nhận sống chung vì một tình yêu tự hiến đến từ Đức Kitô. Đây mới là động lực giúp mọi thành viên thiết lập một gia đình thiêng liêng có Chúa làm đầu và mọi chi thể là anh chị em của nhau. Bề trên cũng chỉ là người được đặt lên thay mặt Chúa để vận hành cộng đoàn, thế nên, họ cũng cần sống đúng tinh thần huynh đệ trong cộng đoàn. Có một dòng nam ở Việt Nam đã phần nào đề cao tinh thần huynh đệ trong việc xưng hô khi gọi vị bề trên là Anh Cả, mặc dù chỉ là cách xưng hô nhưng giúp tạo một bầu khí gia đình và tương giao thuận thảo giữa bề trên và bề dưới. Điều này chính Đức Kitô đã làm gương cho chúng ta khi chấp nhận hạ mình xuống và rửa chân cho các môn đệ mà theo văn hóa Do thái, việc rửa chân là việc dành riêng cho kẻ nô lệ. Và một câu nói của Chúa Giêsu thường được nhắc lại khi nhắn nhủ các vị bề trên: *người làm đầu phải hầu thiên hạ.*

Ở đây, chúng ta cũng liên hệ đến cộng đoàn đầu tiên mà Chúa Giêsu thiết lập là Tông đồ đoàn. Như chúng ta biết, quan điểm chung của người Do thái thời đó, họ khinh thường những người làm nghề thu thuế và coi họ ngang hàng với bọn gái điếm. Thế mà, Chúa Giêsu đã chọn ông Mathêu là cục trưởng thu thuế gia nhập nhóm 12, bạn nghĩ sao về biến cố này? Chắc hẳn là sẽ có những chống đối gay gắt ngầm nơi các tồng đồ còn lại hay ít ra là có một cuộc chiến đấu nội tâm nơi từng thành viên trong việc tiếp nhận một người mới thuộc hàng đáng bị khinh dể như ông Mathêu. Điều này cho thấy một thực tại không thể phủ nhận trong các cộng đoàn là có sự thiên vị trong việc phân biệt giới thượng lưu hay hàng nô lệ. Thánh Biển Đức đã trải qua kinh nghiệm này và đã dùng lời của thánh Phaolô mà nhắc nhở các môn sinh rằng: *Trong Đức Kitô không có sự phân biệt nô lệ hay tự do, nhưng tất cả chỉ là một.* Thiết nghĩ, chính trong nhãn giới này mà một thành viên mới dễ dàng hòa nhập với nhịp sống cộng đoàn và nuôi dần *cảm thức thuộc về* cộng đoàn. Thật vậy, người ta không thể cảm nhận sự an toàn khi biết rằng trong cộng đoàn có những người không chấp nhận những khác biệt của tôi.

Có thể nói, trong một cộng đoàn luôn tồn tại hai mặt xem ra trái ngược là khác biệt và đồng nhất. Thật vậy, sự đồng nhất thường được diễn tả qua việc mọi thành viên giữ chung một tu luật, chịu chi phối từ một hiến pháp hay phổ quát hơn, chịu ảnh hưởng và được hướng dẫn bởi bộ giáo luật của Giáo hội…Một khi các thành viên cùng giữ những qui định này thì mặt nổi của cộng đoàn xem ra ổn định. Thế nhưng, điều khác biệt của mỗi cá vị mới làm cho tính phong phú và toàn diện của một cộng đoàn được năng động và vận hành theo một nét độc đáo riêng. Đây là điều thuộc phạm vị *hiện hữu* mà các bộ luật không thể lường hết được, vì thế, cần có những vị bề trên khôn ngoan biết linh động và thích ứng với từng tâm tính mỗi người để dung hòa giữa cá tính người này với tư chất của người kia. Khi ấy, chúng ta mới hiểu phần nào câu nói của Chúa Giêsu: *ngày sabat vì con người chứ không phải con người vì ngày sabat.*

Xa hơn nữa, khi xét đến bình diện hiện hữu của một nhân vị độc đáo, chúng ta cần quan tâm đến ý thức căn tính của mỗi người. Thật ra, có một cám dỗ không nhỏ khi các thành viên quá đề cao đến *cảm thức thuộc về* mà đôi khi xem nhẹ *ý thức căn tính.* Có thể nói, một người không dung hòa được hai chiều kích này thì không thể đạt đến một nhân cách đời tu trưởng thành. Thật vậy, nếu quá thiên về ý thức căn tính, các tu sĩ sẽ đề cao cái tôi quá đáng, có khuynh hướng sống ích kỷ và thích thể hiện bản thân, và nói theo cha A. Cencini, ý thức căn tính sẽ chết ngạt trong sự ái kỷ[[14]](#footnote-14); còn nếu thiên quá *cảm thức thuộc về* thì các tu sĩ sống lệ thuộc. Vì thế, cả hai yếu tố cần đặt trên nền tảng là đoàn sủng của hội dòng.

Thật ra, ngay trước khi một người muốn gia nhập sống trong cộng đoàn, họ đã có sẵn căn tính và ý thức phần nào “tôi là ai” rồi. Nhưng một khi cảm nhận mình là thành phần của một cộng đoàn dòng tu thì họ cũng tìm thấy cội rễ của mình. Có thể nói, khi hòa nhập và sống *cảm thức thuộc về* mà các tu sĩ sẽ dần khám phá ra “căn tính mới” trong Đức Kitô. Trước khi đi tu, bạn có thể ý thức mình là một Kitô hữu, nhưng một khi chấp nhận bước sát theo Đức Kitô, bạn cần khám phá căn tính mình theo những lời khuyên Phúc Âm. Chính căn tính này giúp bạn xây dựng một nhân cách đời tu đúng nghĩa theo lòng Chúa mong ước.

Hơn bao giờ hết, ngày nay, con người nói nhiều đến căn tính cá nhân, có lẽ vì có quá nhiều người đánh mất chính mình ngay giữa một tập thể. Điều này cũng có thể xảy ra, nhiều người gia nhập cộng đoàn có khuynh hướng hòa nhập rất nhanh nhưng thay vì sống trưởng thành và độc lập thì họ lại dựa dẫm và sống lệ thuộc. Từ đó, chúng ta nhận ra có một khuynh hướng phát sinh trong giới tu sĩ thời đại là đánh mất chính mình trong cộng đoàn.

Thật vậy, một khi bản thân chưa định hình rõ nhân cách vì một lý do nào đó thì kết quả tự nhiên khi sống trong cộng đoàn là hòa tan hơn hòa nhập và hòa hợp. Để tránh tình trạng *hòa tan,* các nhà đào tạo cần khám phá những góc khuất nơi người thụ huấn. Có thể là do khuynh hướng xã hội đề cao tính “bày đàn”, do văn hóa làng xã nên sống rập khuôn, không dám “phá cách”… Đây mới chỉ là yếu tố bên ngoài, còn một yếu tố nội tại mang tính quyết định hơn, đó là tổn thương tuổi thơ. Thật vậy, có những tu sĩ có vấn đề, mặc dù có những dấu chỉ phù hợp với ơn gọi nhưng không được chữa lành do giới hạn của các nhà đào tạo. Kết cục là cộng đoàn phải chịu tính “dở hơi” của một vài thành viên. Đây là vấn đề mà các bề trên và hội đồng của ngài cần nghiêm túc bàn luận để chọn một người làm thành viên thực thụ của cộng đoàn. Tất nhiên, không phải là cắt bỏ ngay hay loại một người nào nhưng liệu cho họ tiếp cận với những nhà chữa trị chuyên môn trong thời gian đào tạo. Chúng ta cũng cần nói rõ những tác hại của một người chưa được chữa lành trong đời sống chung. Họ không chỉ có những biểu hiện tính cách hơi lập dị với anh chị em đồng tu mà sâu thẳm, họ không thể sống đời cầu nguyện trong tương quan với Chúa.

Xét về những biểu hiện hành vi bên ngoài, có những cá nhân đủ thông minh để cập nhật những kỹ năng giúp đáp ứng đời sống chung, nhưng qua việc linh hướng, chúng ta sẽ nhận ra những lỗ hổng của họ trong tương quan với Chúa. Với nhịp sống đều đặn của cộng đoàn, những đối tượng này dễ vượt qua nhưng vì thiếu đời sống siêu nhiên, khi gặp nghịch cảnh, họ sẽ là những người bất hạnh vì sống càm ràm, tiêu cực đến mức bất cần. Khi ấy, chúng ta mới rõ: *Bỏ thì thương mà vương thì tội.*

Bàn đến những góc khuất này của người thụ huấn để chúng ta nhận ra đâu là điều kiện cần và đủ hầu đánh giá một người có thực sự sống cảm thức thuộc về hay không, đó là họ có thực sự xác định phần nào căn tính của mình, *tôi là ai,* đồng thời, ý thức vị thế và vai trò của mình trong trách nhiệm xây dựng cộng đoàn mình đang sống.

Có thể nói, một trong những điều quyết định cho bước tiến đời tu của mỗi tu sĩ là khám phá ra “cái tôi” của mình. Có hai cách tiếp cận vấn đề này: một đến từ bên ngoài là các anh chị em đồng tu và hai là, nhận thức cá nhân. Chủ đề này đã được bàn sâu rộng trong tác phẩm *Bạn hãy là chính mình.[[15]](#footnote-15)* Ở đây, chúng ta muốn nhấn mạnh đến việc khám phá chính mình trong tương quan với cộng đoàn.

Tuy nhiên, để làm sáng tỏ vấn đề này chúng ta cần đặt ngược lại tình trạng đánh mất chính mình, đây là thực tại mà xã hội ngày nay đang vướng phải. Như chúng ta đã biết, một tu sĩ đánh mất chính mình thì không thể nói đến việc sống cảm thức thuộc về cách đúng đắn. Trừ trường hợp tâm bệnh, họ sẽ kéo dài tình trạng đánh mất chính mình thường xuyên; còn thông thường, người ta rời xa thực tại trong một vài trường hợp nào đó. Chẳng hạn, việc một vài tu sĩ hùa theo số đông để tìm sự yên ổn thì khi đó, họ sẽ sống mặt tiêu cực của *cảm thức thuộc về* là dựa dẫm và lệ thuộc như đã nói trên.

Có một tình trạng đánh mất chính mình nguy hiểm nhất, đó là khi bản thân phạm tội trọng. Khi ấy tu sĩ đánh mất vai trò làm con Chúa và nộ lệ cho tội lỗi. Nếu trong Người, chúng ta hiện hữu và sống động thì một khi phạm tội, chúng ta sẽ trở nên tê liệt, mất hiệp thông với Chúa và anh chị em trong cộng đoàn thì không thể sống *cảm thức thuộc về* thực sự. Thật vậy, chúng ta biết rằng một tu sĩ tuyên bố: “Tôi luôn sống cảm thức *thuộc về cộng đoàn”* mà bản thân lại sống trong sự tội, khi ấy những gì xem ra là phục vụ cộng đoàn cũng bằng không không vậy! Và như thế, họ chỉ ích kỷ mà phục vụ cho “cái tôi” của mình. Đó là thái độ nghịch với người quá *qui ngã.*

Cũng có một nguy cơ khác khi khám phá bản thân, đó là một khi không lấy Chúa làm chủ đời mình, các tu sĩ sẽ đi tìm bản thân trong *danh, lợi và thú.* Và kết cục, họ sẽ kiêu ngạo mà qui mọi sự tốt lành về cho mình. Hoặc có thể xảy ra một khuynh hướng ngược lại, nghĩa là khi khám phá ra những góc khuất và tội lỗi bản thân, họ sẽ mất kiên nhẫn với những yếu đuối của mình, trong khi đó, có người sẽ giấu diếm mà trở nên mặc cảm tự ti. Cả hai đều không sống hạnh phúc trong đời tu mà lý do của vấn đề là xa rời tình yêu của Chúa. ĐHY Robert Sarah, Nguyên Tổng trưởng Bộ phụng tự và Kỷ luật Bí tích, thật chí lý khi khẳng định rằng: *Mọi khủng hoảng lớn nhỏ trong Giáo hội đều khởi đi từ việc thiếu đức tin về sự hiện diện đích thực của Chúa trong Bí tích Thánh Thể.* Như thế, chúng ta cần chân nhận rằng các Kitô hữu nói chung và các tu sĩ nói riêng, cần sống *cảm thức về sự hiện diện của Chúa.*

Để thấy được tầm quan trọng của vấn đề này, chúng ta có thể đơn cử trường hợp của thánh nữ Catarina thành Siena. Khi gia đình bắt thánh nhân phải kết hôn và muốn kéo ngài ra khỏi sự thinh lặng thường ngày, thánh nữ đã lui vào bên trong để thiết lập một căn phòng nội tâm. Từ đó, ngài sống kết hợp với Chúa và lắng nghe tiếng Người. Mặc dù chỉ là nữ tu dòng Ba Đa minh, thánh nữ trở thành vị cố vấn của Giáo Hoàng trong những vấn đề quan trọng liên quan đến ngai tòa của thánh Phêrô được đặt tại Roma. Qua đó, chúng ta nhận ra việc sống cảm thức về sự hiện diện của Chúa nơi một tu sĩ sẽ làm ích thế nào cho Giáo hội và xã hội. Và một khi sống kết hợp với Chúa thì cũng làm tăng cảm thức thuộc về Giáo hội; một khi sống cảm thức thuộc về Giáo hội, các tu sĩ sẽ hăng hái dấn thân trong việc loan báo Tin Mừng; và một khi sống triệt để tinh thần truyền giáo, các sứ giả sẽ tìm được chính mình trong nhiệm cục của ơn cứu độ nơi Đức Kitô.

Ở điểm này, chúng ta cũng có thể rút ra bài học từ trải nghiệm của các vĩ nhân trong Cựu Ước về sự hiện diện của Thiên Chúa trong sứ vụ. Chẳng hạn, chúng ta đã từng biết về việc Thiên Chúa gọi ông Môsê từ bụi gai bốc cháy và khi bàn đến sứ mạng của ông, Kinh Thánh viết: “Ông Môsê thưa với Đức Chúa: ‘*con là ai mà dám đến với Pha-ra-ô và đưa con cái Ít-ra-en khỏi Ai Cập?’* Người phán: ‘*Ta sẽ ở với ngươi…’”.* Hoặc ngôn sứ Giêrêmia tuy còn trẻ mới 21 tuổi và ông tự nhận là không có tài ăn nói, thế mà, chỉ với một lời hứa làm bảo đảm, ông đã sống trọn ơn gọi của mình, đó là: “*Đừng sợ chúng, vì Ta ở với ngươi để giải thoát ngươi”* (Gr 1,8). Đọc các sách Cựu ước, chúng ta sẽ nghe lặp lại nhiều lần điệp khúc: *Ta sẽ ở với ngươi.* Có thể nói, chính lời hứa: *Ta ở với người* giúp nuôi dưỡng *cảm thức về sự hiện diện của Chúa* nơi các môn đệ*,* và đó cũng là dấu bảo đảm chắc chắn cho các tu sĩ trong hành trình theo Chúa.

Những gì vừa trình bày không ngoài mục đích giúp mọi người xác tín về tầm quan trọng của *cảm thức thuộc về* với những vấn đề liên quan. Với đà phát triển của ngành Tâm lý học, tác giả Maslow đã mở rộng giới hạn của *cảm thức thuộc về* như một nhu cầu thực sự. Thật vậy, nếu nơi con người có nhu cầu: đói ăn khát uống, thì ai ai cũng có *nhu cầu* *thuộc về*, và chúng được giải thích vì con người là một hữu thể mang tính xã hội. Đồng thời, tương quan ấy được giải thích qua nhu cầu *yêu và được yêu.* Có thể nói, chính nơi môi trường cộng đoàn mà các tu sĩ dễ dàng sống nhu cầu này hơn cả.

Để làm sáng tỏ về *nhu cầu thuộc về,* chúng ta có thể lược qua lịch sử nhân loại. Thật vậy, ngay từ thời tiền sử, khi con người ý thức phần nào về bản năng sinh tồn, họ đã tụ tập thành nhóm để bảo vệ nhau và săn bắt thú rừng làm thức ăn. Nhu cầu thuộc về đã xuất hiện nhưng mới dừng lại ở việc bảo tồn và tăng trưởng sự sống tự nhiên. Và một khi con người đã sống trong sự an toàn của tập thể, họ sống nhiều hơn với những giá trị tinh thần, lúc này nhu cầu thuộc về được hiểu như là động lực và trợ lực giúp con người sống đoàn kết yêu thương nhau. Đi xa hơn nữa, các tập thể mời gọi mọi thành viên ý thức vai trò xây dựng tập thể lớn mạnh về mọi phương diện. Còn nơi các cộng đoàn dòng tu, mọi thành viên đều có nhu cầu thuộc về cần được đáp ứng và thỏa mãn để cộng đoàn là *nơi tha thứ, chốn yêu thương*.

Chúng ta không chỉ dừng lại ở việc khẳng định có nhu cầu thuộc về thực sự mà còn đi xa hơn trong việc khám phá những hoạt động của nhu cầu ấy hầu mỗi chúng ta có thể áp dụng thực tế trong cộng đoàn dòng tu.

Theo cha A. Cencini, nhu cầu là xu hướng bẩm sinh hướng tới hành động. Chúng bắt nguồn từ sự thiếu hụt trong cơ thể hay từ những tiềm năng tự nhiên của con người…[[16]](#footnote-16) Mà xu hướng tự nhiên chúng ta vừa định nghĩa lại chứa đựng năng lực tâm linh, chúng thúc đẩy con người suy tư và đưa ra quyết định hầu hành động nhằm thỏa mãn bản thân. Điều này áp dụng với nhu cầu thuộc về như thế nào? Thật vậy, Giáo hội đã nhìn nhận một khẳng định trong triết học: *Con người là một hữu thể mang tính xã hội.* Như thế, *nhu cầu thuộc về* được hiểu như yếu tố làm nên hiện hữu của mỗi người. Theo truyền thuyết giải thích, mỗi chúng ta đến trần gian để tìm một nửa cho riêng mình trong góc độ tình yêu, thì theo góc nhìn đời sống cộng đoàn dòng tu, mỗi tu sĩ ấp ủ “một nửa” của mình trong cộng đoàn tính. Chính chiều kích cộng đoàn này sẽ giúp ta hoàn thành căn tính và làm cho sứ mạng Chúa trao được thành toàn.

Ở đó, mỗi người được tự do yêu và được yêu, và nói như tác giả Jean Vanier: “Cộng *đoàn là nơi thuộc về, là nơi người ta tìm gặp đất sống và căn tính của mình”.[[17]](#footnote-17)* Cộng đoàn là nơi tìm gặp đất sống, nghĩa là môi trường giúp tăng tiến mọi mặt, điều này chúng ta đã rõ, còn tìm được căn tính của mình, thì sao?

Căn tính của một tu sĩ không đơn giản được giải thích trong việc khám phá bản thân theo quan điểm của tâm lý học, nhưng chúng phải dựa trên nền tảng của Kinh Thánh và thần học. Câu Lời Chúa làm nền tảng cho những suy tư của chúng ta là: “*Con là con yêu dấu của Cha, Cha hài lòng về Con”* (Lc 3, 21-22). Câu nói này được trích trong tường thuật Chúa Giêsu chịu phép rửa của ông Gioan. Có thể nói, thời khắc quyết định của cuộc đời công khai của Ngài là biến cố chịu phép rửa. Tại đây, Chúa Giêsu được nhắc nhở một cách rất sâu sắc về căn tính thực sự của Ngài.[[18]](#footnote-18) Thế nhưng, điều này liên quan gì với căn tính của mỗi chúng ta? Quả thật, nếu Ngài là trưởng tử giữa một đàn em đông đúc thì căn tính của Ngài cũng liên quan đến căn tính mỗi chúng ta. Nếu hiểu căn tính là nguồn gốc phát sinh của một hữu thể thì Chúa Cha chính là nguồn gốc nhiệm sinh ra Chúa Giêsu và cách nào đó, cũng sinh ra chúng ta. Chúa Giêsu và chúng ta đều gọi Thiên Chúa là Cha, nhưng ở hai cấp độ khác nhau. Chúa Giêsu là con của Chúa Cha theo bản tính, còn chúng ta là con theo ân sủng nhận được từ Chúa Con. Đó chính là lý do, chúng ta có cùng căn tính với Chúa Giêsu. Còn nói như cha Henri J.M. Nouwen: “*Làm con yêu dấu là thể hiện sự thật cốt lõi của sự hiện hữu của chúng ta”.[[19]](#footnote-19)*  Và để giải thích thêm về ý nghĩa của hạn từ *căn tính,* chúng ta cần hiểu chữ *tính* theo nghĩa mỗi người thông phần bản tính Thiên Chúa cùng với Đức Giêsu. Như vậy, những gì Đức Kitô đã được Chúa Cha giới thiệu trong trình thuật Tin Mừng về phép rửa như Người Con yêu dấu đều được áp dụng cho mọi Kitô hữu nói chung và các tu sĩ nói riêng.

Nếu việc tuyên khấn của các tu sĩ được hiểu như lãnh nhận phép rửa lần hai thì đây là dịp mỗi người tái khẳng định vai trò làm con của gia đình Thiên Chúa. Điểm thần học này không chỉ dừng lại trên việc giải thích chữ nghĩa mà còn đi sát với đời sống con người, nhất là trong những lúc cô đơn, bị bỏ rơi. Kinh nhiệm này, chúng ta cũng học được nơi Chúa Giêsu trên thánh giá. Trong nỗi cô đơn cùng cực tưởng chừng như mất tất cả, Ngài thay mặt nhân loại mà thốt lên: “*Lạy Thiên Chúa, Lạy Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ rơi con”* (Mt 27, 46b)*,* nhưng từ nơi sâu thẳm, Ngài luôn xác tín về căn tính của mình để rồi sau đó, Ngài liền thốt lên: “*Lạy Cha, con xin phó thác hồn con trong tay Cha”* (Lc 23,46).

Liên quan đến việc cảm nghiệm về ơn gọi làm con yêu dấu, tác giả Jean Vanier đã chia sẻ về một trường hợp trong cộng đoàn của ngài. Vị tu sĩ này luôn cảm thấy thua kém và thua thiệt hơn hết mọi người, anh tỏ ra nóng giận thiếu kiên nhẫn với anh em trong cộng đoàn, bị suy sụp tinh thần và dần dà lẩn trốn các mối quan hệ. Nguyên nhân vấn đề là tổn thương tuổi thơ, anh luôn bị coi là kẻ thất bại. Điều này khiến anh có một hình ảnh nghèo nàn về bản thân. Trong thời gian huấn luyện, anh đã quyết tâm dành nhiều giờ cầu nguyện mỗi ngày để mong nhận được sự chữa lành từ Chúa. Và quả thật, Chúa không chịu thua lòng quảng đại và sự kiên trì của anh, Ngài đã mặc khải tận đáy lòng anh rằng anh là con rất yêu dấu của Người. Phải chăng chính lúc bản thân bị bỏ rơi và cô lập hoàn toàn thì con người lại được mặc khải về một chân lý nền tảng, về căn tính của mình là con rất yêu dấu? Quả thật, Thiên Chúa không hề bỏ rơi con người, chỉ có con người lãng quên Thiên Chúa. [[20]](#footnote-20)

Chúng ta tự hỏi: Không biết việc khám phá ra căn tính bản thân như *Người con yêu dấu,* có giúp gì cho các tu sĩ trong việc tài bồi *cảm thức thuộc về?* Chúng ta xác tín mà không sợ sai lầm rằng khi trải nghiệm là người con yêu dấu thì tu sĩ ấy sẽ sống sung mãn *cảm thức thuộc về Chúa.* Từ đó, họ sẽ sáp nhập và hội nhập mọi chiều kích cộng đoàn với một tâm thức mới và luôn ý thức xây dựng cộng đoàn theo mẫu thức Ba Ngôi nhờ Thần Khí.

# GÓC NHÌN ĐA CHIỀU VỀ THUẬT NGỮ MẶT NẠ

Trong cuốn Nhân cách đời tu 1, người viết đã có dịp chia sẻ 7 mặt nạ như 7 xu hướng thông thường mà chúng ta có thể dễ nhận ra trong đời sống cộng đoàn để có thể phản tỉnh tình trạng bản thân hay là học cách khám phá ra những chiếc mặt nạ nơi tha nhân, tất nhiên không phải để lên án nhưng để biết cách đối nhân xử thế và cảm thông với những yếu đuối của anh chị em đồng tu. Trong tập sách này, chúng ta sẽ đi thêm bước nữa là tìm hiểu về cách vận hành của nó và nhận ra yếu tố tích cực cách nào đó từ chiếc mặt nạ này vì có nhiều người đánh đồng chiếc mặt nạ với sự ảo tưởng và giả dối trong thời đại sống ảo như ngày nay.

Chúng ta cần khẳng định ngay rằng chiếc mặt nạ mà mỗi tu sĩ đeo lên mình là cần thiết và không có ai là không đeo những chiếc mặt nạ trong đời, chỉ có điều là cần hiểu nó theo góc nhìn nào.

Từ “person” (một con người) có gốc gác từ thuật ngữ “persona” trong tiếng Latin, mà persona có nghĩa là mặt nạ sân khấu. Hiểu theo cách nào đó, làm người tức là đeo mặt nạ, đã là con người thì đều đeo mặt nạ. Còn theo tiếng Hy lạp, prosopon là *chiếc mặt nạ* của một diễn viên. Sau này thuật ngữ *persona* được C. Jung dùng để triển khai một học thuyết còn tạo ảnh hưởng đến ngày nay. Nhà phân tâm học nổi tiếng người Thụy sĩ này đã nói: “*Mặt nạ [...] được thiết kế một mặt để gây ấn tượng nhất định với người khác và một mặt khác để che giấu bản chất thực sự của một cá nhân*”.[[21]](#footnote-21) Chúng ta cần chú ý 2 cụm từ “gây ấn tượng nhất định với người khác và “che giấu bản chất thật sự”.

Trước tiên, việc gây ấn tượng với người khác, tác giả cho rằng đây được hiểu là cái tôi xã hội. Cái tôi này được nhào nặn trong một nền văn hóa xã hội cụ thể, chính chủ thể đã đối phó và thích ứng để bản thân có thể tồn tại mà giảm bớt căng thẳng và hạn chế gây tổn thương cho cái tôi. Hiểu như thế, đặt trong bối cảnh cộng đoàn, chúng ta biết, có cái mặt nạ mà một tu sĩ cố vẽ ra và đeo lấy để phản ứng, đối phó hoặc đáp lễ với người anh chị em trong cộng đoàn. Thật vậy, mỗi dòng tu đều có hiến pháp, tu luật, linh đạo riêng…Và như thế, khi mỗi tu sĩ học hỏi những yêu cầu trên cộng thêm nhận thức của cá nhân mà trong trí tưởng tượng mỗi người cũng vẽ ra một hình mẫu nào đó để bản thân có thể dễ dàng đạt đến như một cái tôi lý tưởng. Một khi, cái tôi lý tưởng này chịu tương tác với thực trạng của mỗi người, chúng sẽ tạo ra nhiều “xung khắc” và với những hoàn cảnh do những người sống trong một cộng đoàn tạo ra mà đôi khi các tu sĩ phải có những tình huống đối phó và khi ấy, ta nói họ “diễn sâu” hay đeo mặt nạ. Như thế, chẳng có gì xấu xa cả. Khi ấy, chiếc mặt nạ đóng vai trò bảo vệ cho sự vẹn toàn và tránh tổn thương gây ra cho cái tôi hay nói cách dễ hiểu là tránh sự tự ái dẫn đến mất kiểm soát bản thân.

Chẳng hạn, câu châm ngôn thánh Don Bosco thường nhắc nhở con cái mình rằng *xin cho con các linh hồn còn mọi sự Ngài có thể lấy đi.* Với tư tưởng này các tu sĩ trong dòng của ngài cần tìm mọi phương cách để đạt được nguyện vọng, ý chí của Đấng sáng lập. Nhưng thực tế, nhiều tu sĩ cảm thấy khó khăn với điều này, họ cố tạo cho mình một phong thái xem ra đạo mạo để chứng tỏ thiện chí về việc giữ tinh thần của thánh nhân. Khi ấy, họ đeo chiếc mặt nạ có tên là thích thể hiện bản thân. Nếu họ vẫn ý thức và cố gắng từng ngày để sống như đòi hỏi của Người Cha của các thanh thiếu niên thì tốt, còn nếu cứ nhìn vào góc độ tính tiêu cực để tránh né mọi dịp chỉ để mưu cầu ích riêng thì đó là chiếc mặt nạ gây cớ vấp phạm.

Còn theo quan điểm của tác giả C. Jung, chiếc mặt nạ nhằm che giấu bản chất thật sự của bản thân thì không có nghĩa: một khi *diễn sâu* là chúng ta sống giả dối. Cha ông ta vẫn thường nói: *Xấu che tốt khoe.* Đây có thể hiểu là cách chúng ta tìm mọi cách để giữ thể diện của mình và giữ ánh nhìn thiện cảm và cách đánh giá tích cực nơi người khác. Chúng ta có quyền tự vệ để bảo toàn những hình ảnh đẹp trong mắt người anh chị em cùng chung sống. Nhưng nó sẽ thực sự trở nên tích cực khi là động lực giúp ta ý thức thực trạng bản thân và bám chặt vào Chúa để có một đời sống bề trong cũng như ngoại diện được tương đối đồng điệu hơn. Điều này không có liên quan gì đến đời sống luân lý, chỉ khi có ai đó vì quá câu nệ vào lời nói hay hành động của người khác mà phải nói dối thì đây là một điều tai hại. Tuy nhiên, ranh giới giữa các điều này thật mỏng manh nên người ta dễ sinh ra lấp liếm và mâu thuẫn với chính mình.

Ở đây, phát sinh một vấn đề trong cộng đoàn mà chúng ta thường hay nói là tình trạng “nín thở qua cầu”. Nghĩa là khi sống trong thời gian đào tạo và dưới sự giám sát của những người trong ban huấn luyện thì đương sự tỏ ra rất được đánh giá cao, nhưng khi đã thoát quyền kiểm soát, nghĩa là bước sang giai đoạn vĩnh khấn hoặc thụ phong linh mục… thì tình trạng đời sống của đương sự trở nên tuột dốc không phanh. Điều này làm cho nhiều nhà tâm huyết trong việc đào tạo các ứng sinh phải lo ngại, không biết do chương trình đào tạo hay do đương sự. Đây cần có một cuộc nghiên cứu thống kê cụ thể. Tuy nhiên, theo góc độ đang bàn về cái mặt nạ, chúng ta có thể lý giải rằng việc đeo mặt nạ để bảo vệ hình ảnh bản thân không phải là vấn đề, nhưng nguy hại hơn cả là sự dồn nén bên trong[[22]](#footnote-22) vì một mặc cảm nào đó, sự thiếu ý thức và nhận thức này đến một lúc nào đó bản thân mất dần kiểm soát và kết cục là có những hành vi khác thường, trái ngược lại với những gì mà họ cố gắng diễn sâu trong giai đoạn trước kia. Thay vì sự bỏ mình, nhẫn nhịn về sự yếu đuối của người anh chị em thì lại trở nên bốc đồng và báng bổ đối tượng không thương tiếc.

Một điểm tích cực cần ghi nhận đối với người đeo mặt nạ, đó là nó gắn liền với chức năng của chủ thể. Chẳng hạn, một tu sĩ đeo mặt nạ khi giữ vai trò làm một giáo sư đứng lớp, họ cần tạo một phong thái tự tin, sự đứng đắn cần thiết nhằm tạo sự chú ý và tôn trọng của người khác; mặc dù, bản thân vẫn còn nhiều giới hạn và đôi khi vẫn còn mang những tổn thương bản thân nhưng vẫn giữ một thái độ điềm tĩnh của một giáo sư cần phải có. Hoặc một tu sĩ giữ vai trò quản lý trong cộng đoàn; mặc dù, xu hướng bản thân là bo bo giữ lấy riêng cho mình, họ cũng tỏ ra là một người hết sức nhiệt tình trong việc ban phát. Và giải thích dưới góc nhìn đức tin, các chức vụ được giao sẽ giúp thanh luyện chính đương sự.

Có thể nói, *mặt nạ* được hiểu là *vai trò* của một người trong đời sống hằng ngày. “Chiết tự” chữ *vai trò,* chúng ta thấy rằng *vai* là vai diễn trong một bộ phim chẳng hạn, còn *trò,* có nghĩa là chiêu trò mà họ dùng để diễn vai đó. Ví dụ như cách biểu cảm gương mặt, ngôn ngữ cơ thể nhằm tạo tiếng cười nơi khán thính giả. Tóm lại, *vai trò* là cách thức một người dùng để đảm nhận và hoàn thành một chức năng nào đó được giao như một sứ mạng trong đời.

Tất nhiên, mặt nạ chỉ là bề nổi, còn cái tôi đích thực bên dưới và đằng sau, mới là kẻ điều phối mọi sự. Một nữ tu với vai trò cô giáo dạy trẻ, sơ có thể điều động và điều hành trong trách nhiệm được giao khi đứng lớp. Có thể nói, cô rất có uy trước mặt các học trò nhí nhưng về sống với chị em, nữ tu ấy cũng chỉ là một thành viên nhỏ bé trong cộng đoàn. Hai mặt nạ hay hai vai trò ấy chỉ là sự thích ứng để phù hợp với mỗi vai trò. Nhưng nếu nữ tu ấy lại lớn giọng như trong lớp học để đối đáp với một nữ tu khác thì đó là lỗi của sự *đồng nhất* trong vai trò. Điều này cũng thường xảy ra trong các cộng đoàn tu trì vì không phải ai cũng trưởng thành đủ để có thể kiểm soát hoàn toàn những cảm xúc hay hành vi thái độ của mình. Cuối cùng, cái tôi đích thực phải chịu trách nhiệm về những lỗi của bản thân khi đảm nhiệm các vai trò.

Vậy để dùy trì và phát triển cái mặt nạ theo nghĩa này, người ta chỉ cần trau dồi kỹ năng tương tác xã hội, và với chỉ số xoay xở và thích ứng cao, chủ thể dễ thành công.

Như thế, một người có thể có đồng thời nhiều vai trò khác nhau, chẳng hạn: một ông sếp nắm vai trò lãnh đạo trong một công ty, xí nghiệp; về gia đình, ông sống vai trò làm chồng và làm cha; và khi ở một mình ông giữ vai trò làm chủ bản thân. Điều đáng bàn đến ở đây là trong ba cái mặt nạ: ở ngoài xã hôi, gia đình và chính mình, thì đâu là con người thật của họ?

Còn xét theo hướng tiêu cực, cái mặt nạ là cách người ta dùng để che đậy sự xấu hổ, nhằm bảo vệ lòng tự trọng khỏi bị tổn thương. Có lẽ đây là động cơ lớn nhất để duy trì và phát triển cái mặt nạ mà các nhà tâm lý học quan tâm. Tại sao cần phải che đậy sự xấu hổ? Vì nếu cái mặt nạ không giúp bảo tồn hình ảnh bản thân thì sự xấu hổ sẽ quay vào bên trong làm vương hại đến hình ảnh chính mình; và nếu tình trạng ấy kéo dài sẽ dẫn đến nhiều hình thức tâm bệnh. Như thế, cái mặt nạ là tấm bình phong che đậy những khuyết điểm và yếu đuối của bản thân.

Với những người càng nắm vai trò chủ đạo hay quan trọng trong cộng đoàn, mà chúng ta hay gọi càng làm lớn cái tôi càng to, thì cái mặt nạ càng tinh tế. Thật vậy, vai trò càng uy thế thì xu hướng đồng nhất với mặt nạ càng mạnh. Có thể nói, tùy sự hiểu biết và trải nghiệm của mỗi cá nhân về văn hóa, truyền thống hay linh đạo của mỗi dòng tu mà mỗi cá nhân tạo ra một thứ mặt nạ để thích ứng.

Với cách hiểu này và theo khuynh hướng tự nhiên, không ai lại không có cái mặt nạ để che đậy một cái gì đó bên trong vì chúng không đạt được theo một quy chuẩn của cộng đoàn tu trì đề ra; trừ trường hợp những người mang tâm bệnh. Ngay cả những người mà chúng ta nhận thấy là sống cố chấp, bất chấp hay bất cần thì đó cũng là một thứ mặt nạ che đậy; trong trường hợp này, họ không ý thức đủ về tình trạng của mình hoặc phó mặc để cho phần bản năng vô thức điều khiển.

Dù sao mặt nạ vẫn cần thiết trong mọi tương giao tương tác về mặt xã hội, nhưng có những người khiêm tốn vì biết mình đủ, họ sẽ điều hướng cho con người thật của mình càng đi sát với cái mặt nạ (hình mẫu lý tưởng) mà do sự hiểu biết và kinh nghiệm bản thân tạo ra. Khi ấy thiện chí và ý hướng ngay lành của họ sẽ là cách diễn tả một khát vọng hoàn thiện bản thân. Đôi khi, có những người lại lấy cái mặt nạ khiêm tốn để đối xử với đồng loại nhưng sau đó là động lực muốn được người khác nhìn nhận về những việc mình làm. Thậm chí, có người dùng nó như cách để gây ảnh hưởng và thao túng cả tâm lý người khác khiến những ai thích được tâng bốc, khen thưởng sẽ trở thành đồng minh của họ.

Như thế, tất cả mọi người trong mức độ nào đó, đều đeo mặt nạ trong tương tác xã hội. Riêng các dòng tu, nơi tập trung sống cộng đoàn, cái mặt nạ càng dễ bị diễn giải theo nghĩa tiêu cực nhiều hơn vì họ sống với nhau cả ngày, ở bên nhau trong các giờ kinh và các giờ sinh hoạt chung. Vì thế, việc quan sát mà không phán xét người anh chị em thì quả là một điều rất khó, điều này đòi hỏi một sự trưởng thành trong cách nhìn nhận vấn đề và đánh giá con người một cách công bình và thẳng thắn. Tuy nhiên, thông thường, các tu sĩ càng có học thức và nhiều hiểu biết lại càng tô vẽ những chiếc mặt nạ rất lý tưởng để tương tác với mọi người, thế nên, không tránh khỏi những hình thức tự vệ. Điều này dễ tạo nên những khoảng cách nội tâm mà ít có không gian để chia sẻ và cởi mở.

Trong bộ phim “Fanny and Alexander”, một trong những phim hay nhất của đạo diễn Ingmar Bergman, có cảnh phim về một vị cha đạo nằm mơ. Trong giấc mơ, ngài cố gắng tháo tung chiếc mặt nạ đang đeo trên gương mặt nhưng làm cách nào cũng không thể tháo được nó. Cuối cùng, vị linh mục kéo luôn cả gương mặt mình ra cùng mặt nạ. Ta đeo mặt nạ để che giấu gương mặt thật của mình nhưng khi đã đeo quá lâu, cái mặt nạ ấy sẽ dính chặt vào gương mặt thật của ta, đến mức ta không còn cách nào nhấc lớp phủ lên mà không làm bị thương đến lớp được che phủ.

Có hai điều cần lưu ý trong đoạn phim này có thể làm bài học cho các tu sĩ.

-Một là, không cần tháo gỡ chiếc mặt nạ ấy ra. Chỉ có điều là ta cần chuyển hóa sao cho lành mạnh. Nghĩa là vị tu sĩ cần ý thức thực trạng yếu đuối của mình, không quá chịu ảnh hưởng và tác động của xã hội mà xa rời với lý tưởng đời sống tu trì. Tất cả chúng ta đều đang trên đường nên thánh, tập tành nhân đức, chính lòng khiêm tốn sẽ giúp bản thân tránh những tình huống cường điệu và ước lệ làm cho cái mặt nạ trở nên kệch cỡm và lố lăng.

-Hai là, cái mặt nạ, cái tôi xã hội ấy không là tất cả làm nên hiện hữu của ta. Vì thế, các tu sĩ không quá câu nệ vào những hình thức bên ngoại mà quên lãng hoặc giảm nhẹ sự kết nối tự bên trong. Thật vậy, chính đời sống nội tâm sẽ giúp bản thân dám đối diện với thực tại mà không sợ xét đoán và lên án. Ngay cả việc một tu sĩ đeo mặt nạ không vì thế bị người khác đánh giá là không sống thật với chính mình. Sống thật với chính mình không có nghĩa là bản thân cần phô bày sự thật về mình cho tất cả mọi người nhưng là thái độ bình thản và bình tâm khi đứng trước bất cứ tình huống nào hầu mưu toan phá vỡ sự hợp nhất bản thân.

Xét cho cùng, chỉ những ai đã có một chút cảm nghiệm về lòng thương xót của Chúa, và đã thiết lập một căn nhà nội tâm (tương giao thân tình với Chúa) theo tinh thần của thánh Catarina Siena, thì những chiếc mặt nạ tiêu cực sẽ dần được xóa bỏ vì khi ấy, họ khiêm tốn và chấp nhận tình trạng con người của *mình là* trước ánh nhìn của cộng đoàn, như Chúa thấy họ vậy.

# CẢM XÚC NÓI LÊN ĐIỀU GÌ TRONG TA

Có thể nói, đây là đề tài hết sức tế nhị nhưng một trong những yếu tố giúp một tu sĩ trưởng thành là khám phá và chấp nhận thực trạng đời mình. Thế nên, chúng ta sẽ từng bước đi vào những góc khuất của đời sống này để chân nhận thực tại và tìm ra những bước chuyển hóa hầu giúp thăng tiến trong đời tu.

Nếu như đời tu càng đề cao con đường hoàn thiện và nên thánh thì người ta chỉ thích phô diễn những gì là tốt đẹp để nhân danh việc sống tinh thần loan báo Tin Mừng, nhất là bằng đời sống gương mẫu theo bước Đức Kitô. Vô tình, các tu sĩ tránh né việc đối diện với những cảm xúc tiêu cực, và từ đó, họ tìm mọi cách để kiềm hãm đến mức gây tác hại cho bản thân bằng việc hủy hoại chính mình và phải đối diện với chứng trầm cảm kinh niên. Như thế, việc bộc lộ cảm xúc tiêu cực cách hết sức bản năng hay kiềm hãm và dồn nén đều gây tác hại nặng nề cách nào đó cho đời sống cộng đoàn, chi bằng chúng ta cần nhận thức cách đánh giá về mặt tâm lý và luân lý đối với những cảm xúc tiêu cực để tránh những lo lắng quá đáng khi bản thân bộc lộ chúng ra bên ngoài.

Nói như thế, không có nghĩa là chúng ta hoàn toàn khuyến khích các tu sĩ bộc lộ những cảm xúc tích cực. Thật ra, dù là tiêu cực hay tích cực, những cảm xúc ấy cần được kiểm soát mức độ nào đó với tiêu chuẩn của một tu sĩ được xem là trưởng thành. Thông qua những cảm xúc tích cực, chúng ta sẽ tìm hiểu cơ chế vận hành của những cảm xúc tiêu cực để có thể mỗi ngày làm chủ tình hình hơn. Có thể nói, một trong những cách thức tiếp cận mà các chuyên gia đề cao là tập quan sát từ nguyên nhân đến ngọn nguồn hiện tượng.

Chúng ta biết rằng có bốn yếu tố giúp hình thành một cảm xúc: cảm giác, trí tưởng tượng, nhận thức, ký ức và sau đó là phản ứng yêu ghét (cảm xúc). Có thể nói, mỗi yếu tố này sẽ nắm một chức năng trong chuỗi tâm lý giúp hình thành một cảm xúc. Chính sự tác động qua lại của ngoại cảnh (ngoại tại) hay sự chuyển biến của các hoạt chất trong cơ thể (nội tại) khiến tạo ra một cảm xúc mà chúng sẽ được biết đến là tiêu cực hay tích cực tùy theo tác nhân kích thích và nhận thức của mỗi người. Nếu như bạn đang tập thể dục thì một cơn gió mát có thể là một chất kích thích làm khô những giọt mồ hôi và làm dịu những căng thẳng và mệt mỏi trước đó. Nhưng nếu bạn đang bị bệnh cảm và ớn lạnh mà lại gặp phải một cơn gió thì chúng càng làm buốt tê cơ thể và gây nên sự khó chịu nơi chính bản thân, từ đó, có thể sinh ra cấu gắt với tất cả mọi người.

Để thấy rõ sự tác động của các yếu tố này giúp hình thành một cảm xúc, chúng ta có thể lấy một ví dụ cụ thể và phân tích. Chẳng hạn, vào một dịp các tu sĩ được nghỉ ngơi thư giãn và có giờ hàn thuyên tâm sự bên những ly cà phê nóng trong một không gian mát mẻ. Trước tiên, không gian mát mẻ tác động trực tiếp trên cơ thể và xúc giác của một tu sĩ, chàng cảm thấy dễ chịu và ngẫu hứng sáng tác một bài thơ, tu sĩ khác thì nhâm nhi ly cà phê và thưởng thức những vần thơ bay bỏng, tu sĩ khác nữa thì trầm tư hơn, từ bài thơ kia gợi nhớ về một ký ức xa xưa thời còn cấp sách đến trường và chia sẻ hồi lâu về những cảm nhận từ bài thơ trước đó…Những tác động và những cảm xúc của từng người trong họ cộng hưởng tạo nên một bầu khí và không gian thân tình. Mỗi cảm xúc theo quá trình xử lý của não bộ chỉ tồn tại khoảng chừng mười lăm phút cho đến khi mỗi người nhận được một tác động mới và như thế, cuộc vui được kéo dài nhờ những chuỗi tác động tâm lý lên mỗi người.

Có thể nói, cảm xúc là phần phản ứng cạn cợt của chuỗi tâm lý. Công việc của nó là đốt cháy và phóng thích một nguồn năng lượng để diễn tả thái độ của chủ thể rằng hài lòng hay không hài lòng, thích hay không thích…Ở đây, sự hài lòng hay sự thích thú lại tùy thuộc vào nhận thức và kinh nghiệm của mỗi người. Bởi thế, cũng một sự tác động từ cơn gió mà lại làm cho người này dễ chịu khoan khoái, người kia lại rên rỉ vì đau nhức trong mình. Chưa hết, cũng cùng một cơn gió ấy lại giúp cho một tu sĩ lãng mạn kết nên một bài thơ…Thế nên, cách thích ứng của một người trong từng hoàn cảnh sẽ là yếu tố xác định phần nào tính cách và sự trưởng thành trong cách làm chủ thế nào đối với những tác động và cảm xúc thường trực.

**Nhu cầu biểu cảm**

Là con người, ai cũng có nhu cầu diễn tả cảm xúc của mình cách tự nhiên phù hợp với bối cảnh tác động mà mình đang sống. Kể cả những người mà chúng ta gọi là vô cảm thì họ cũng sống trong tình trạng dửng dưng cách nào đó. Đôi khi do ảnh hưởng của nền văn hóa mà nhiều người phải trở nên giả dối và đóng kịch, điều này thật nguy hại đến cách đánh giá nhân cách của một người. Chẳng hạn, ngay từ nhỏ bạn đã được dạy rằng làm con trai không được khóc, phải tỏ ra mạnh mẽ và từ đó, chúng tạo ra một đứa bé cọc cằn và cố chấp. Lớn lên, lại những câu nói đại loại như thế, đàn ông không được biểu lộ cảm xúc ủy mị, không được khóc ngay cả trước cái chết đau thương của người thân. Hơn nữa, là một tu sĩ thì khóc trước mặt người khác là một sự xúc phạm…Vô tình, những câu nói sai lạc từ những nhận thức sai lầm như thế đã tạo nên những con người robot. Thật nguy hại! Nếu những cảm xúc ấy không được bộc lộ ra bên ngoài bằng những lời lẽ hay hành động cách nào đó thì năng lực của những cảm xúc ấy thường quay vào bên trong nhằm tấn công cơ thể đương sự. Chúng gây ra những hình thức rối loạn tâm thể lý, đưa đến những triệu chứng viêm loét dạ dày, huyết áp cao, đột quỵ…Phần lớn những triệu chứng ấy là hậu quả của việc dồn nén cảm xúc, khiến những năng lượng ấy không được giải tỏa. Ngoài ra, chúng còn tẩu thoát qua những hành vi rối nhiễu thần kinh và chủ bại như ăn uống thái quá, nghiện các chất kích thích, manh động tình dục…Đôi khi, năng lượng cảm xúc ấy ẩn núp dưới kiểu nói châm biếm, thô tục và tác phong tiêu cực…[[23]](#footnote-23)

Chúng ta liệt kê một danh sách những hậu quả tiêu cực của việc dồn nén cảm xúc để muốn nhấn mạnh và đề cao việc biểu lộ cảm xúc. Vì vậy, bản thân cần hiểu rõ những tác hại của việc dồn nén và lợi ích của việc được tự do giải tỏa năng lực cảm xúc mạnh mẽ của mình một cách lành mạnh hầu giảm thiểu áp lực bùng nổ bên trong con người của mình.

**Cảm xúc buồn chán trong nhà Chúa**

Có thể nói, đây là một hình thức cảm xúc tiêu cực mang tính truyền nhiễm và hủy hoại đời sống cộng đoàn. Thật vậy, cảm xúc tiêu cực này biểu hiện rõ ngay trên khuôn mặt, trong lời nói và cả thái độ sống nữa, điều này tạo nên một bầu khí ngột ngạt cho nhịp sống cộng đoàn và trong các tương quan nhân loại. Những triệu chứng ấy chỉ là dấu hiệu bên ngoài phản chiếu một tình trạng tâm hồn vắng bóng Thiên Chúa cách nào đó. Nói thế, phải chăng chúng ta đã qui kết các tu sĩ ấy cách bất công không?

Chúng ta biết rằng bất cứ đời sống nào cũng có những khó khăn, thách đố và những khủng hoảng khác nhau. Trong cộng đoàn đông người, tính phức tạp của việc tương tác với các cá tính càng gắt gao hơn. Đứng trước những yếu tố bất lợi ấy hoặc ngay đến cả những thất bại dưới nhiều hình thức, một tu sĩ được đánh giá là tương đối trưởng thành cũng cần có những thái độ tỏ ra là người làm chủ tình hình, nghĩa là cần tỏ ra những thiện chí vượt qua và hóa giải phần nào những khó khăn trong cuộc sống chứ không thể tỏ ra buồn chán đến mức thất vọng rồi buông xuôi. Nói như thế, không có nghĩa rằng chúng ta dung túng cho việc che dấu hay dồn nén cảm xúc. Điều này sẽ đi ngược với việc chúng ta vừa khuyến khích các tu sĩ biểu lộ cảm xúc nhưng lưu ý hai chữ “lành mạnh”. Vì có những người hiểu sai vấn đề khi cho rằng để sống thật với chính mình, bản thân cần bộc lộ cả những phần hết sức bản năng; trái lại, cũng có những người lại khéo che đậy bằng cách đeo mặt nạ như chúng ta vừa bàn ở phần trên. Có thể nói, cả hai thái độ này đều làm “méo mó” nhân cách đời tu cách nào đó.

Vậy thế nào là cách hiểu biểu lộ cảm xúc lành mạnh? Có thể nói, chính thái độ của bạn phù hợp với hoàn cảnh đang đối diện thì được xem là lành mạnh. Chẳng hạn, việc bạn bị một tu sĩ vu khống về một điều bất công mà bản thân phải gánh chịu, bạn có thể diễn tả cảm xúc khó chịu bằng cách to tiếng và dùng mọi lý lẽ cách nào đó để làm rõ vấn đề. Nhưng bạn sẽ quá đà khi bị lôi kéo vào một cuộc đấu khẩu liên miên đến mức không còn tôn trọng chân lý mà chỉ dùng bạo ngôn công kích lẫn nhau. Nghĩa là thay vì dùng những dẫn chứng xác thực để làm rõ vấn đề nhằm bảo vệ thanh danh và lòng tự trọng, người ta lại công kích bôi nhọ những quá khứ không mấy tốt đẹp của nhau và xa rời ý hướng ban đầu.

Đến đây, chúng ta sẽ đưa ra những nguyên nhân dẫn đến cảm xúc buồn chán để hậu thuẫn cho điều chúng ta đã khẳng định ở trên: đây là biểu hiện của những tâm hồn vắng bóng Thiên Chúa cách nào đó.

-Bạn vừa trải qua một thất bại lớn:

Thất bại trong đời sống nói chung hay trong đời tu nói riêng là một điều hết sức tự nhiên. Có thể nói, khi có sự chênh lệch giữa mục tiêu và hoàn cảnh thực tế hay cơ hội giúp thực hiện mục tiêu đó thì sẽ dẫn đến thất bại. Trước tiên, chấp nhận thất bại là một kỹ năng của người trưởng thành cần phải có, sự buồn chán chỉ là cảm xúc thoáng qua, nhưng cần phải hoạch định lại mục tiêu sao cho gần với thực tế đời sống hầu bản thân có thể làm chủ tình hình. Nếu sự buồn chán xảy ra dài lâu đến mức dẫn đến trầm cảm nơi một tu sĩ chẳng hạn thì chúng ta có thể thấy rõ đó là một sự kiêu ngạo cậy vào sức mình, với người đời còn biết câu: “*Mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên”* mà chẳng lẽ một tu sĩ không biết nhận ra ý muốn của Chúa trong từng biến cố lớn nhỏ trong đời tu. Thay vì chán nản, bản thân cần lượng giá xem có phải ta quá kiêu ngạo cậy vào sức mình mà bỏ mất ơn Chúa.

-Bạn không biết mình thật sự muốn gì:

Một tu sĩ sống trong cộng đoàn mà không biết mình thực sự muốn gì thì quả là một thiếu sót lớn, điều này khiến dẫn đến buồn chán trong đời tu thì qui trách cho ai? Phải chăng trong nhà dòng không sắm sẵn những phương tiện cần thiết giúp bản thân sống hạnh phúc và nên thánh? Biết bao nhiêu người đang đồng tu với bạn cũng buồn chán hết chăng? Nếu thế, cộng đoàn ấy không còn lý do để tồn tại. Vậy nếu như người khác vẫn tiến nhanh và tiến xa trên đường hoàn thiện nhờ việc khám phá ra điều tôi muốn là chính điều Chúa muốn thì có gì mà bạn phải kêu than rằng bản thân cảm thấy buồn chán.

-Khi bị tổn thương vì một mối quan hệ:

Việc bị tổn thương trong cộng đoàn khi sống các tương giao là điều không thể tránh khỏi. Điều khác biệt giữa người sinh ra buồn chán và người khác là do bản thân luôn ý thức tình trạng của mình. Trong khi tu sĩ này tỏ ra buồn chán và buông xuôi mặc cho thời gian là phương thuốc chữa lành thì một tu sĩ có đức tin sẽ biết bám vào Chúa là vị lương y Thần Linh. Nơi Ngài, các tu sĩ sống phó thác sẽ tìm thấy được chỗ nghỉ ngơi bồi dưỡng, còn người kia chỉ biết gặm nhấm những vết thương.

-Bạn có quá nhiều thời gian rảnh rỗi:

Một tu sĩ nhiệt tâm phụng sự Chúa và chăm lo hoàn thành tốt nhất sứ vụ của mình thì không thể nói đến thời gian rảnh rỗi khiến sinh ra nông nổi để mà buồn chán trong nhà Chúa đâu! Có chút thời gian rảnh nào, họ cũng lo tài bồi cho bản thân nào là các kỹ năng, nào là nâng cao tri thức, nào là tìm cách làm việc bác ái hỗ trợ anh chị em đồng tu…Như thế, họ không thể viện cớ là có nhiều thời gian rảnh rỗi mà sinh ra buồn chán.

-Chán nản mệt mỏi do sức khỏe không tốt:

Không bề trên nào bắt chúng ta làm việc quá sức, nếu sức khỏe không tốt, bản thân cần đối thoại với bề trên để đề ra phương án hợp với sức mình. Nếu do đau ốm, bệnh tật thì sẽ có những người do bề trên chỉ định để chăm lo cho sức khỏe cho chúng ta. Điều này không có gì khiến chúng ta phải chán nản. Đôi khi sự chán nản ấy lại là bằng chứng cho những nhận thức lệch lạc, chẳng hạn như việc mặc cảm vì mình thua kém hay việc mất cơ hội để thể hiện bản thân trong sứ vụ nào đó. Dù bất cứ lý do nào, buồn chán luôn là một thái độ khó chấp nhận trong đời sống chung.

Với 5 nguyên nhân dẫn đến việc buồn chán mà các nhà xã hội học và tâm lý học đề ra và được đối chiếu với đời tu, đồng thời với những phân tích trên, chúng ta thấy rằng buồn chán là một dấu hiệu chỉ cho thấy những tâm hồn vắng bóng Thiên Chúa cách nào đó. Như vậy, việc buồn chán của họ sẽ mang tính lây lan và dần hủy hoại đời sống cộng đoàn là điều dễ hiểu.

Tưởng cũng cần phân tích qua cơ chế tạo nên một cảm giác buồn chán để chúng ta có thể hiểu biết và dần dà tập kiểm soát cảm xúc tiêu cực này trong đời tu.

Có thể nói, hầu hết mọi cảm giác chúng ta có thể cảm nhận đều do tác động của bên ngoài như khẳng định của thánh Tôma Aquino: *Những gì diễn ra trong nội tâm đều đến từ các tác động bên ngoài lên các giác quan.* Cụ thể là cảm giác buồn chán. Chúng ta có thể nhìn lại và đánh giá những bước khởi đầu trong đời tu, chỉ cần vắng một giờ kinh hay giờ chung nào đó trong nhịp sống của cộng đoàn thì tâm hồn cũng thấy thiếu sót và lỗi lầm. Nhưng dần dà, việc đánh mất tình yêu thuở ban đầu đã khiến cho các tu sĩ nhàm chán nhịp sống hằng ngày trong cộng đoàn. Điều này cũng dễ hiểu với một nhịp sống đều đặn dễ làm những tâm hồn thuộc trường phái cảm xúc thêm sinh lòng chán ngán rồi chểnh mảng. Trong khi đó, các tu sĩ thuộc trường phái ý chí thì tiến nhanh hơn trong đời sống tâm linh. Do đâu ?

Chúng ta thấy rằng các tu sĩ đều chịu tác động và chi phối bởi tất cả các sinh hoạt đều đặn trong cộng đoàn, nhưng ai vì quá bám chặt vào cảm xúc, họ sẽ có cảm giác chán nản vì những gì đều đặn không tạo cho họ những cảm giác mới, trong khi bản thân họ vốn có xu hướng đi tìm cảm giác và cảm hứng mới mẻ. Còn những ai thiên về ý chí, họ sẽ điều hướng bản thân đến những gì tốt đẹp nhất bằng cách học hỏi những ý nghĩa và giá trị trong mọi sinh hoạt của đời tu để từ đó, họ tìm niềm vui và hạnh phúc trong đời sống mà chính họ tự do chọn lựa. Có lần người viết đã có cơ hội ngồi trao đổi với một vị cao niên trong cộng đoàn, nhân dịp lễ mừng Ngọc khánh Khấn dòng. Khi hỏi: Hơn 50 năm sống trong nhà dòng, thầy có cảm thấy nặng nề khi tham dự các giờ kinh chung không ? Thầy trả lời: Không, vì mỗi ngày tôi sống và đong đầy với tất cả tình yêu Chúa và các linh hồn. Thiết tưởng, chính tình yêu Chúa và các linh hồn sẽ là động lực để sống và hóa giải mọi khó khăn trong đời tu.

Nói như thế, chúng ta không có ý khuyến khích các tu sĩ sống duy ý chí, nhưng là cần tạo một sự hài hòa và quân bình trong toàn diện con người với tất cả tính chất của thể lý, tâm lý và tâm linh. Có thế, các tu sĩ cảm giác buồn chán có thể tìm được vui thỏa trong những nỗ lực sống hy sinh hằng ngày.

**Nóng giận**

Ngày nay, người ta thường đồng hóa cơn giận với hành vi bạo lực, từ đó, đã tạo nên những luận điệu bất công đối với những người đang tập kiểm soát những cơn giận của mình. Một khi lên án những người có hành vi bạo lực, vô tình chúng ta “ném đá” những người đang đối diện với cơn giận thường ngày.

Có thể nói, cơn giận là một loại cảm xúc lành mạnh đáng được chúng ta trân trọng. Vấn đề là chúng ta cần hiểu lành mạnh theo nghĩa nào? Lành mạnh, vì cơn tức giận giúp chủ thể biểu hiện một thái độ dứt khoát không khoan nhường với những gì bản thân xem là sai trái. Nói cách khác, họ nhân danh sự thật mà diễn tả sự nóng giận hầu ngăn chặn sự bất công lây lan. Có người sẽ cho rằng tên ấy lấy mục đích mà biện minh cho phương tiện. Thật ra, nếu phương tiện ở đây, là sự tức giận hiểu theo nghĩa xấu thì quả là điều đáng loại trừ; còn nếu cơn nóng giận lại là biện pháp mạnh nhằm ngăn chặn một tình trạng có nguy cơ xấu đi thì đây là một cảm xúc đáng được quan tâm.

Quan sát trong gia đình, từ việc người mẹ giáo dục con cái, chúng ta có thể nhận ra phần nào mặt tích cực của cảm xúc này. Một người mẹ kia nóng giận la lối lớn tiếng đến mức cuối cùng đòi đuổi đứa con trai mới lớn ra khỏi nhà. Phản ứng của đứa bé thế nào? Nó quay lại và nhìn thẳng vào mắt mẹ nó hồi lâu, rồi chạy đến xà vào lòng mẹ và nói: Con xin lỗi mẹ. Phải chăng sự nóng giận của người mẹ đã được đứa con đón nhận? Thật ra, đứa bé ấy đã nhận thấy một thông điệp nằm sâu dưới lớp vỏ nóng giận của người mẹ là một lời trách yêu.

Một trường hợp khác, có người mẹ nóng giận đánh đứa con một trận no đòn, bà lấy làm lạ, mọi khi nó khóc ré lên thật to vì đau quá nhưng hôm nay, không thấy nó có phản ứng gì. Một lát sau, đứa bé lớn tiếng phân trần: Sao mẹ đánh con mà không cho con giải thích? Sau đó, bé giải thích sự việc, bà mẹ mới nhận ra rằng mình vội vàng kết án đứa bé khi chỉ nghe thông tin một chiều. Như thế, phản ứng nóng giận của đứa bé, phải chăng là dấu chỉ của đứa con bất hiếu? Chắc hẳn là không, vì sự thật sẽ biện minh cho tất cả.

Ở cấp độ cao hơn và trên bình diện rộng hơn, chúng ta cũng có thể quan sát và đánh giá cơn tức giận của Chúa Giêsu được tường thuật trong Tin Mừng. Quả thật, Người đã tức giận mà lật tung những đồ đạc đang được bày bán khi các vị lãnh đạo cho phép những người này “hành nghề” trong khuân viên đền thờ khiến nơi cầu nguyện biến thành nơi buôn bán. Rõ ràng, sự nóng giận ấy không hề bị những người có mặt phản kháng; trái lại, họ càng ngạc nhiên vì hành động mang tính cách mạng của Người. Với một truyền thống sai lạc từ thời cha ông, Chúa Giêsu chủ động áp dụng biện pháp mạnh, tất nhiên, không phải để dẹp ngay tình trạng lạm dụng đó nhưng là truyền tải một thông điệp quan trọng: “*Đền thờ đích thực là nơi cầu nguyện cho muôn dân*”. Ở đây, chúng ta muốn khẳng định rằng cảm xúc tức giận không hề xấu, trái lại, nó còn mang tính xây dựng. Điều quan trọng là sự tức giận cần được hợp lý hóa nhờ biết áp dụng đúng người, đúng việc và đúng chỗ nữa! Có thể nói, qua việc Tin Mừng tường thuật cho chúng ta cơn nóng giận của Chúa Giêsu, cách nào đó, tác giả Tin Mừng thứ tư muốn giúp ta nhận ra trọn vẹn nhân tính của Người, cả trong cảm xúc nóng giận rất đời thường của một con người.

Từ đó, chúng ta suy ra một thực tế khác: cơn giận là cần thiết cho cuộc đối thoại lành mạnh. Thật vậy, cơn nóng giận thường tạo ra mâu thuẫn mà mâu thuẫn một cách hợp lý, chấp nhận được lại là điều không thể thiếu trong tương quan lành mạnh giữa những con người bất toàn. Có thể, xem ra cuộc đối thoại trở nên căng thẳng và nặng nề do một cá nhân nổi giận nhưng lại là “cú thắng” cần thiết giúp điều hướng một tập thể đang có vấn đề mà chỉ có đương sự mới khám phá ra. Cuối cùng, người nổi giận ấy được gắn cho một cái danh: người cá tính.

Như thế, tính lành mạnh của cảm xúc này không hệ tại ở hiện tượng bên ngoài nhưng tùy thuộc vào ý hướng ngay lành của chủ thể. Điều này đòi hỏi đương sự phải thực sự ý thức và chịu trách nhiệm về hậu quả đi kèm. Nói cách khác, họ cần chủ động và lượng giá tùy tình hình, nhưng không phải lúc nào cũng thành công vì còn tùy thuộc vào phản ứng của đối tượng khi đứng trước hiện tượng này. Để đạt được ý hướng muốn thay đổi tình thế, chủ thể cần khôn ngoan và tinh tế hầu kiến tạo tinh thần thẳng thắn khi tương tác với nhau và tái tạo bầu khí lành mạnh trong cộng đồng.

Ngoài ra, chúng ta cũng cần xác tín rằng cảm xúc nóng giận là phần bản năng Chúa đặt để trong con người. Chắc hẳn, nó có một ý nghĩa nào đó trong tiến trình phát triển bản thân. Trong tác phẩm *Cộng đoàn đời sống thánh hiến,* cha Felix Podimattam đã khẳng định rằng sự nóng giận bao hàm một phán đoán theo cảm tính nhằm giành lại giá trị của tôi, bảo vệ và tái khẳng định giá trị của tôi.[[24]](#footnote-24) Như thế, nóng giận một lần nữa được giải thích là một cảm xúc lành mạnh khi chủ thể dùng để bảo vệ và củng cố hình ảnh bản thân. Nói cách khác, nóng giận là một phản ứng cần thiết giúp bản thân tồn tại và phát triển trên bình diện thể lý và cảm xúc.

Trái lại, chúng ta cũng thấy trường hợp người nổi giận vô lý. Chẳng hạn, một ông bố bực mình vì bị xếp la mắng, ông về nhà đổ hết lên đầu bà vợ vì những chuyện không đâu. Đến lượt bà vợ lại tức mình la lối và đánh đập đứa con trong nhà. Thằng bé cũng uất ức chẳng biết sao chạy ra đá thật mạnh vào con chó đang nằm ngủ. Con chó lại đau quá kêu la inh ỏi và chạy xông ra đường cắn phải một thằng bé con bà hàng xóm. Thế là bà hàng xóm lại có cớ mắng vốn ông chủ. Cuối cùng, ông lại phải tốn tiền chở thằng bé đi chích ngừa. Nhưng cái giá của sự nóng giận vô cớ ấy không dừng lại ở những loại thuốc chích ngừa được qui ra bằng tiền, nó còn ảnh hưởng đến danh dự và cả tính mạng người khác nữa.

Đó là những cơn giận quá đáng thiếu kiểm soát dẫn đến những hành vi bạo lực mang tính hủy hoại. Tức giận sinh ra tức mình, tức mình sinh ra bực mình, và bực mình sinh ra tự hủy hoại chính mình. Bạn dồn hết sức bình sinh và cơn nóng giận mà đá quả bóng vào tường, bóng bật ra va vào đầu bạn. Thế là gậy ông lại đập lưng ông! Đó là dấu hiệu của sự thiếu kiên nhẫn bản thân.

Sự tức giận ấy có thể là một dạng vi rút cực mạnh đang hoạt động trong máu khiến bạn mất đi khả năng miễn nhiễm với mọi cảnh huống cuộc đời. Nó có thể là căn bệnh di truyền trong một gia đình vốn càm ràm kêu ca hay đấm đá bạo tàn. Hạt giống mang tên tức giận cũng có thể được tưới tắm bởi những cơn nóng giận nho nhỏ khi: bị trễ một chuyến đò, làm bể một vật dụng…Người ta dễ nóng giận và đổ lỗi cho người hay vật nào đó như thể mình vô tội. Chính những cảm xúc thiếu kiểm soát của chủ thể xem ra nhỏ nhặt ấy lại kéo theo một hậu quả to lớn và lâu dài.

Nếu như cơn tức giận quá đáng khiến dẫn đến những hành vi bạo lực mang tính hủy hoại thì cũng có những cơn giận dồn nén đến mức sinh ra sát hại bản thân và tha nhân.

Có thể ví người dồn nén cơn giận như kẻ ngậm pháo trong bụng chờ một ngày ngòi nổ sẽ phá tan bản thân bằng những hành động mang tính hủy hoại. Ở cấp độ nhẹ, chúng ta có thể nhận ra người dồn nén cơn giận qua cách xử lý tình huống mang tính khắc nghiệt thiếu khoan nhượng, và qua những hành động kỳ quặc mang tính phá phách, giễu cợt, khiếm nhã... Ở cấp độ cao hơn, sự dồn nén có thể dẫn đến mưu sát. Chẳng hạn một cậu học sinh vốn trầm tính ít nói lại là cớ cho bạn bè châm chọc, anh tỏ ra lạnh lùng với những đòn trêu chọc của chúng bạn. Tuy nhiên, đến một ngày “chó cùng cắn càn” anh tra tay đâm một người bạn ngay trước mặt đám đông.

Quả thật, người ta thường dồn nén cảm xúc tức giận vì sợ người khác chê là thô lỗ, sợ mất thể diện; vì tôi là một người đứng đắn, tri thức trổi vượt, đạo đức cùng mình…chỉ vì họ nhận thức sai về cảm xúc tức giận. Thế nên, họ câm miệng cả những gì bất công trong cuộc sống hay chấp nhận yên thân để bảo vệ cái danh dự ảo của mình. Để tránh tình trạng đáng tiếc này xảy ra, mỗi người cần khoan dung khi xét đoán, cần thận trọng khi lên án ai đó đang nóng giận như thể họ là một kẻ xấu xa.

Chúng ta thường gán nhãn quan luân lý cho một cơn giận khi xét đoán cảm xúc ấy là xấu, và từ đó, chính bản thân dồn nén cảm xúc này mà sinh ra những hậu quả tác hại khôn lường. Thật ra, theo các nhà tâm lý học, cảm xúc chỉ được đánh giá ở mức độ lành mạnh hay không, tiêu cực hay tích cực; điều này còn tùy thuộc vào ý hướng và động lực của chủ thể. Còn việc qui về tội của một cảm xúc tức giận khi chúng biểu lộ thái quá khiến chủ thể không thể kiểm soát được, từ đó, sinh ra hành vi bạo lực, chính hành vi sát hại làm tổn thương người khác này mới cấu thành tội.

Như thế, xét chính tại cơn giận thông thường là điều được các nhà tâm lý học khuyến khích đương sự bộc lộ (hơn là dồn nén phát sinh tâm bệnh), nghĩa là cần thiết cho một người phát triển nhân cách lành mạnh. Điều này còn tùy thuộc vào khả năng đương đầu với cơn giận và kiểm soát của chủ thể. Đó là ý nghĩa của việc chịu trách nhiệm về đời sống của mình. Và đó là lý do mà cha Martin H. Padovani trong tác phẩm *Chữa lành cảm xúc bị tổn thương,* đã không ngừng khẳng định cơn giận là một nhân đức.[[25]](#footnote-25) Thật vậy, có những người “cá tính mạnh”, họ cảm nhận bản thân chỉ thực sự sống thật với chính mình khi nóng giận cách hợp lý vì sự thật và sự thiện ở đời; còn hơn là im lặng, một sự im lặng đáng sợ của người tốt khi đứng trước tình trạng bất công hằng ngày như lời mục sư Martin Luther King đã cảnh báo.

Tuy nhiên, trong một vài trường hợp, việc ai đó có cảm xúc nóng giận lại là cách diễn tả sự bất lực. Đôi khi, do thiếu sự quan tâm và đồng tình của người khác mà họ tỏ ra tức giận như cách để lôi kéo sự chú ý của tha nhân. Chính điểm này đã minh chứng cho tình trạng kém tự trọng nơi người nổi giận. Cách hạ hỏa nhanh nhất là cho họ một lời khen ngợi nào đó.

Từ đó, chúng ta có thể suy ra gốc rễ của vấn đề là do đương sự quá đặt nặng vào cái tôi của mình khiến hay thổi phồng thực tại, quan trọng hóa vấn đề…Một khi không còn làm chủ được tình hình thì đồng nghĩa với việc họ mất dần khả năng kiểm soát bản thân. Và một khi mất dần khả năng kiểm soát bản thân cũng là lúc để cho cơn giận hoành hành, tác oai tác quái.

Nhìn chung, chúng ta đã phần nào có một hướng nhìn “quân bình” hơn với những ai có phản ứng nóng giận khi nhận ra rằng có một hình thức cảm xúc nóng giận được các nhà tâm lý coi là lành mạnh, nhưng không vì thế, chúng ta không tìm cách kiểm soát tình trạng này. Lời khuyên của thánh Phaolô thật chí lý: “Anh em nổi nóng ư? Đừng phạm tội: chớ để mặt trời lặn mà cơn giận vẫn còn” (Ep 4, 26).

**Phương thế tối ưu**

Để khắc phục tình trạng mất kiểm soát này, chúng ta cần những giây phút ngồi tĩnh lặng, trở về với lòng mình hầu tìm ra những manh mối tạo nên cái cảm xúc ấy. Bạn cứ để mặc cho trí tưởng tượng vẽ vời trong cái tiểu vũ trụ của bạn, cơn giận có thể khuếch trương đến mức khiến bạn muốn giết hại tha nhân nhưng bạn đừng manh động; thay vì chạy theo để tìm cách áp chế chúng, bạn chỉ cần quan sát toàn bộ cơ chế hoạt động của chúng, rồi phơi bày chúng lên bề mặt ý thức, cơn giận từ đó cũng rơi rụng khi bạn cảm nhận sự vô thường của chúng. Cơn giận vỡ vụn chỉ còn lại những giọt nước mắt của lòng sám hối. Chính khi bản thân ý thức mình có phần lỗi trong sự việc ấy khi bạn trở nên mềm lòng mà vội vã kết án ai đó rồi nổi cơn thịnh nộ. Và khi lượng giá về những hậu quả kinh khủng mà cơn giận có thể gây nên, chúng sẽ giúp bạn tập chịu trách nhiệm cho chính cảm xúc của mình. Chính cái nhìn bao dung như biển cả giúp bạn ôm trọn những gì là rác rưởi để gởi lại vào bờ làm màu mỡ cho đất phù sa và chính bạn cũng bắt đầu thực hiện một cuộc thanh luyện cần thiết giúp chữa lành.

Đến đây, chúng ta cần khuyến khích nhau trong việc viết nhật ký. Thật vậy, chúng không chỉ giúp giải tỏa năng lượng tiêu cực mà trong quá trình viết, chúng ta sẽ vận dụng nhiều phần lý trí để phán đoán và lượng định vấn đề. Một khi cảm xúc được lý trí và ý chí chi phối, cơn nóng giận sẽ nguôi ngoai.

Đôi khi cảm thấy mệt mỏi, chúng ta buông xuôi không muốn tập kiểm soát nữa và thốt lên: Giá chi tôi bị tê liệt phần nóng giận luôn cho rồi! Bác sĩ thần kinh Scott Peck và cũng là nhà tâm lý học, người đã được nhiều người biết đến qua tác phẩm nổi tiếng: “Con đường chẳng mấy ai đi”, đã đưa ra một thí nghiệm thú vị rằng khi chích một luồng điện làm tê liệt phần trung ương nóng giận này đứa bé sẽ trở nên ù lì và hoàn toàn chịu sự sai khiến của người khác. Nếu không thể chấp nhận sự thụ động và lệ thuộc hoàn toàn vào người khác thì chúng ta cần biết cách chấp nhận và sống chung với phần trung ương nóng giận. Nếu nóng giận là bản năng thì tiết chế được là bản lĩnh.

Theo các nhà tâm lý, khi đang trong cơn nóng giận, người ta có thể giải tỏa năng lượng tiêu cực này trong việc chơi thể thao hoặc những hoạt động mang tính bạo lực. Nhưng xét cho cùng, chúng chỉ phóng thích một chút năng lượng bị dồn nén, chứ không làm bản thân khuây khỏa; trái lại, chúng lại dễ tạo nơi người nóng giận một sự hả hê về việc giải phóng hình ảnh người xúc phạm đến ta. Chi bằng, giải pháp tối ưu giúp nâng cao nhân phẩm và bảo vệ hình ảnh bản thân, đồng thời, giữ được sự trân trọng nơi anh chị em đồng tu và hòa khí trong cộng đoàn, đó là chia sẻ cho một người bạn thân. Người này chỉ cần lắng nghe mà không ngắt lời, phán xét hay có phản ứng chống đối. Có thể nói, đây là lỗi thoát duy nhất có khả năng giải phóng năng lực gây nổ, khiến bản thân cảm thấy lắng dịu và mãn nguyện. Còn nếu không thực hiện như vậy, tình thế sẽ phản tác dụng. Vì có trường hợp, khi người nóng giận muốn chia sẻ về những gì anh đang bức xúc, thay vì nghe và tạo bầu khí thông cảm và đồng cảm, người này lại biện minh cho tác nhân gây nên sự bức tức nơi người muốn chia sẻ. Vô tình, anh lại làm cho tình thế trầm trọng hơn.

Chúng ta lắng nghe một trải nghiệm của cha Jame E. Sullivan đã được ghi lại trong tập sách *Hành trình tự do.* Một trong những biến cố đau đớn nhất trong đời, là khi tôi cảm thấy bị một người bạn phản bội. Bấy giờ tôi thấy cần phải bộc lộ nỗi đau của mình với một linh mục bạn…Đáng tiếc là tôi đã chọn một người bạn không biết lắng nghe. Hình như anh linh mục bạn tôi cố ý tỏ ra trung lập, nên anh cứ lặp đi lặp lại rằng, anh bạn kia thực sự là người tốt, và anh tin rằng anh bạn kia không cố ý xúc phạm tôi và chắc chắn là tôi không hiểu đúng toàn bộ câu chuyện. Tôi tin là anh có ý ngay lành, nhưng trong lúc này thì những điều anh nói là những điều tôi không cần nghe. Tôi càng cảm thấy đau khổ, bởi vì tôi không thể làm cho anh ta hiểu là tim tôi đang rỉ máu. Tôi phải dừng lại cuộc nói chuyện và kìm nén những cảm xúc ấy trong lòng. Cuộc nói chuyện ấy giống như một cơn ác mộng.[[26]](#footnote-26)

Qua đó, chúng ta nhận thấy rằng việc lắng nghe là một nghệ thuật mà khiến người nói cảm thấy mình được tôn trọng, và ngay cả khi người nói đã chia sẻ những gì tiêu cực nhất, cũng cảm thấy được an tâm vì có người biết lắng nghe, biết thông cảm và đồng cảm vì người bạn ấy có khả năng đi vào thế giới của người đang chia sẻ. Khi ấy, người tức giận không còn phải dè dặt và tự vệ nhưng được sống là chính mình và được hoàn toàn tự do. Biết đâu, nhờ việc lắng nghe chân thành, chúng lại giúp kẻ tức giận nhìn lại bản thân. Sau khi lắng đọng, các gợn sóng êm dần và để lại mặt hồ sáng trong, đương sự sẽ dễ nhận ra thực trạng của mình, nhận ra một phần lỗi của bản thân mà sống tâm tình sám hối.

**Hai chứng nhân**

Trong lúc vất vả cố tìm cho mình một cách hóa giải tình huống, nghĩa là tập kiểm soát và dần buông bỏ cái tôi để thảnh thơi rảo bước trong cõi vô thường, bạn hãy quan sát và lượng giá về cách các bậc thánh nhân đã vượt qua thế nào.

Đức Phật là bậc chân tu đã được giác ngộ, một ngày kia đối mặt với một kẻ tiểu nhân, trong lúc ngài ở trong phòng, hắn gõ cửa, ngài vừa mở ra, hắn bộc lộ cơn tức giận bằng những lời nói thô tục với đấng thánh một cách không thương tiếc như thể những đợt nước lũ cuồn cuộn hầu toan vỡ bờ nhưng đối lại, ngài không nói lời nào. Sau khi hắn đã mệt vì uổng công phí sức. Đức Phật từ tốn nói:

-Nếu một người muốn cho người khác một thứ gì đó mà người kia không nhận, thứ ấy sẽ là của ai?

-Sẽ trả về lại người cho thứ đó. Chàng thanh niên trả lời.

-Vậy những gì anh đã cho tôi, tôi không nhận, tôi trả lại anh.

Người thanh niên bỏ đi và không bao giờ quay lại nữa!

Quả thật, một bậc giác ngộ không gì ở thế gian khả dĩ xoay chuyển họ.

Hay truyện kể về thánh Clementê thuộc tu sĩ dòng Chúa Cứu Thế. Có lần ngài đi khất thực, đúng hơn ngài rảo quanh khắp thành phố để xin tiền giúp trẻ em mồ côi. Thánh nhân dừng lại ở một quán nhậu. Ngài đến gần bên những chàng thanh niên đang say sưa bên ly rượu và chuyện trò rôm rả, ngài nói:

-Chào các anh, tôi là một linh mục được sai đi giúp trẻ em mồ côi ở thành phố này, các anh có thể quảng đại gom góp chút gì cho những trẻ em mồ côi không?

Vừa nói xong, cha nhận nơi chàng thanh niên một bãi nước bọt vào mặt. Cha bình tĩnh lấy khăn tay ra lau sơ sài trên khuôn mặt rồi từ tốn nói:

-Phần ấy anh dành cho tôi, còn phần của các em mồ côi thì sao?

Cả bọn thanh niên ngỡ ngàng trước vẻ bình thản của cha. Chúng xin lỗi cha ríu rít, nghe nói sau đó chàng thanh niên có cử chỉ khiếm nhã với ngài đã tình nguyện theo ngài.

Có thể nói, một người với ý thức từ bỏ chính mình để phục vụ cho lợi ích và phần rỗi nhân loại thì sự sỉ nhục và xúc phạm ấy chỉ là cơ hội giúp họ thể hiện lòng quảng đại đích thực mà thôi. Thật vậy, những tác động, kích động từ bên ngoài không đủ mạnh làm các bậc thánh nhân nổi giận. Một khi các ngài đã sống với những lý tưởng cao đẹp thì không gì ở thế gian có thể làm dao động thân tâm; quả thích hợp với câu nói: **“Tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến”**.

# TÌNH BẠN

Một khi đã đáp lại lời mời gọi đến từ Thiên Chúa, các tu sĩ sẽ sống và dấn thân cho một dòng tu và sinh hoạt trong một cộng đoàn nào đó. Như thế, họ đã “xem nhẹ” tình máu mủ, huyết thống trong gia đình để đổi lấy tình yêu Đức Kitô mà sống trong một cộng đoàn. Thế nhưng, vào đây, họ không thấy Đức Kitô mà chỉ thấy những con người không hề quen biết mà vì Đức Kitô, họ sẽ tập sống chung với những con người ấy. Họ bắt đầu một cuộc phiêu lưu tình bạn không có hồi kết cho đến khi nào họ không còn sống trong cộng đoàn hay cái chết sẽ khiến họ lìa xa nhau.

Bất cứ tu sĩ nào trước khi bước vào đời tu cũng đã trải nghiệm nhiều trong tình bạn nhưng phần lớn họ chỉ chọn bạn hợp theo tiêu chí của mình, nếu được áp dụng trong đời tu thì sẽ tạo nên sự co cụm mà như thế tình bạn chỉ dừng lại ở sự tương tác giữa hai người. Tuy nhiên, một khi sống trong cộng đoàn, tình bạn ấy không chỉ được gợi hứng từ yếu tố nhân bản mà trên hết, phải được thúc đẩy bằng tình yêu Đức Kitô, chính đây là động lực khả dĩ đánh giá một tình bạn lành mạnh. Nếu Đức Kitô đã chết hầu mang ơn cứu độ cho mọi người thì tình bạn của chúng ta đã được tình yêu vô vị lợi ấy thúc đẩy, cũng sẽ được biểu lộ phổ quát cho mọi người mà trước tiên là những anh chị em trong cộng đoàn mình chung sống. Khi ấy, dẫu tình bạn ấy phát sinh từ những không gian chia sẻ riêng tư cũng chỉ là cách tiếp thêm năng lượng tích cực cho cộng đoàn huynh đệ phổ quát.

Đôi khi, do ảnh hưởng của trào lưu tục hóa, nơi các tu sĩ cũng có những trường hợp tình bạn mang nặng tính nhân loại mà người ta dùng hạn từ “yêu riêng” để chỉ về họ. Thật khó để định lượng đâu là mức độ trung dung và lành mạnh để diễn tả một tình bạn trong cộng đoàn. Bất cứ động thái nào của sự quan tâm giữa các tu sĩ với nhau đều được nhiều người khác quan sát thấy. Điều này sẽ giúp các tu sĩ thanh lọc những cách diễn tả đôi khi quá đáng và thanh luyện động lực bên trong, sao cho luôn tạo sự hài hòa trong đời sống chung.

Một dấu chứng cụ thể giúp ta đánh giá một tương giao lành mạnh là cả hai người đều mở ra cho các tương giao khác, nghĩa là hướng mở chứ không phải khép kín giữa hai người mà thôi. Nếu điều kiện này bị lãng quên hay bỏ qua thì sẽ sinh ra những điều lén lút không lường được. Thực tế cho thấy, có những tình bạn trong cộng đoàn không được “công khai hóa” dễ gây phản cảm mà có nhà dòng phải mất cả chục năm mới phát hiện hai tu sĩ sống như vợ chồng. Vì trong cộng đoàn là người đồng giới thế nên nếu không tỉnh táo, sẽ là môi trường giúp hoạt động trá hình nhằm phục vụ cho những nhu cầu không thể dung nạp trong đời tu. Nhưng không vì những trường hợp ngoại lệ ấy mà cộng đoàn quá dè dặt đến mức không dám biểu lộ sự quan tâm đúng mức khi những thành viên thực sự có nhu cầu trong một giai đoạn nào đó. Ở đây, chúng ta cũng cần ghi nhận những thời điểm mà Giáo hội bị khủng hoảng do nạn lạm dụng tình dục gây ra, đã khiến các nhà đào tạo quá thận trọng trong việc lượng giá những tương giao được xem là tình bạn trong cộng đoàn. Đôi khi chỉ vì vài tu sĩ thường đi chung với nhau mà các nhà đào tạo lại can thiệp không đúng lúc hoặc quá nhạy cảm khiến một số tu sĩ phải cắt đứt hoặc tạo khoảng cách với một số người mà trong thực tế, họ đã giúp nhau vượt qua những khó khăn và khủng hoảng trong một giai đoạn nào đó của đời tu.

Có thể nói, nhu cầu diễn tả tình cảm và cảm xúc của mỗi người là yếu tố không thể thiếu trong một tình bạn nhân bản cũng như siêu nhiên. Vui với người vui, khóc với người khóc theo tinh thần của thánh Phaolô là cả một nghệ thuật để sống chung. Tuy nhiên, tình bạn không chỉ để thỏa mãn nhu cầu tình cảm chân chính, nhưng quan trọng là giúp nhau khám phá ra bí ẩn của tâm hồn để hướng đến sự hoàn thiện. Vậy, bằng cách nào giúp nhau khám phá ra bí ẩn của tâm hồn? Thưa: trở nên bạn đồng hành của nhau như Chúa Giêsu trở nên bạn đồng hành cho hai môn đệ trên đường Emmau.

Thật vậy, trong mỗi chúng ta có những góc khuất mà chỉ thông qua việc chia sẻ và cảm thông, cả hai mới dần dà thấu cảm và giúp nhau hướng đến sự hoàn thiện. Chúng ta sẽ ngỡ ngàng khi một nữ tu sống đời chiêm niệm và đạt đến ơn thần bí cao siêu mà lại khuyên nhiều người rằng: *Tôi muốn khuyên những ai sống đời nội tâm…nên đi tìm bạn để cùng trao đổi, tìm những người cùng chí hướng, chung con đường lý tưởng.* Chúng ta khó tin rằng một vị thánh thần bí như thánh nữ Têrêsa Avila mà lại khuyên các tu sĩ tìm bạn để chia sẻ, điều này có thể phá đi không gian thinh lặng của bầu khí chiêm niệm, nhưng ngài luôn ý thức nơi đâu có hai người tụ họp nhân danh Chúa và lo việc linh hồn thì Người ở giữa và chúc lành cho họ.

# NHỮNG TỔN THƯƠNG LÀM HAO TỐN NĂNG LƯỢNG

Chúng ta có thể khẳng định mà không sợ sai lầm rằng tất cả chúng ta đều bị tổn thương cách nào đó và một khi gia nhập một cộng đoàn tu trì, các tu sĩ bị tổn thương cộng hưởng với nhau thành cộng đoàn tổn thương. Tất nhiên, chúng ta không qui kết và “vơ đũa cả nắm”, vì có những người vững mạnh không bị tiêm nhiễm nọc độc của thế gian, nhưng xét cho cùng, như Chúa Giêsu là Đấng vô tội cũng nên cớ cho các tội nhân đến mức chịu án tử. Thánh Phaolô đã quả quyết rằng Ngài là Đấng vô tội nhưng đã mang lấy thân tội lỗi, cũng theo cách ấy, Ngài là Đấng không bị tổn thương lại chấp nhận mang thương tích không chỉ nơi thân xác mà cả tinh thần nữa. Nói như thế để chúng ta có thể thấy rằng sống trong một cộng đoàn bị tổn thương, nếu không bị tổn thương cũng bị ảnh hưởng chung từ những tổn thương của người khác. Ý thức tầm quan trọng của vấn đề, chúng ta cần dừng lại lâu hơn để nhờ việc ý thức những yếu đuối của mình và người khác mà khiêm tốn xin Chúa thương chữa lành.

Chúng ta có thể khẳng định mà không sợ sai lầm rằng trong đời sống vốn vô thường này, ai trong chúng ta cũng đều bị tổn thương cách nào đó. Tuy nhiên, có nhiều phản ứng khác nhau nơi mỗi tâm hồn khác nhau. Điều này không miễn trừ cho các tu sĩ. Theo đánh giá chủ quan, có thể do các tu sĩ tự tin rằng mình học đầy đủ kiến thức đạo và đời, đồng thời, trang bị những kỹ năng giúp thi hành sứ vụ rất thành công. Thế nên, khi có dấu hiệu bị bệnh tâm lý, họ thường khó nhận ra hoặc khó thừa nhận tình trạng của mình. Một khi không chấp nhận tình trạng tâm bệnh của mình thì họ khó tìm được sự chữa lành. Có thể, do nhạy bén, họ qui về một thứ tội luân lý nào đó và tìm sự yên ổn lương tâm trong Bí tích Hòa giải, nhưng xét cho cùng, những vết thương tâm lý trong việc tương giao với người khác vẫn còn đó.

Do áp lực của cộng đồng mà các tu sĩ đôi khi lại che giấu những tổn thương của mình. Thật vậy, họ được mọi người ngưỡng mộ là người của công chúng, có tâm và có tầm. Thế nên, lúc nào xuất hiện trước đám đông, họ đều là những người truyền cảm hứng và sống quan tâm người này, khích lệ người kia, nhưng trớ trêu thay, họ lại không chữa lành được cho chính mình. Nếu họ vẫn đang trong tình trạng tổn thương thì việc thi hành sứ vụ sẽ càng trở nên nguy hại. Họ tỏ ra cắu gắt, bực bội…phần lớn không phải do người khác nhưng chính sự bất an trong tâm hồn họ khiến họ trở nên những người “xấu tính xấu nết” theo cách đánh giá của các giáo dân hay tu sĩ khác. Có một số tu sĩ càng học cao có những địa vị trổi vượt trong cộng đồng và có tầm ảnh hưởng lớn, họ lại càng khéo che đậy những tổn thương bên trong và cố gắng đeo “những cái mặt nạ” dễ thương để được người đời khen ngợi nhưng sâu thẳm bên trong, họ là kẻ tự lừa dối chính mình. Một điều cần xác tín rằng không ai có thể diễn sâu mãi nhưng người khác dễ nhận ra tình trạng tổn thương của họ thông qua suy nghĩ, lời nói và hành động. Quả thật, một người đang sống trong tình trạng tổn thương họ khó có thể sống thông cảm và đồng cảm với người khác; trái lại, họ trở nên bạo động, bất cần…và có những hành động mang tính hủy hoại bản thân và người khác.

Đó là chưa nói đến các tu sĩ bị tổn thương dễ dàng phóng chiếu tình trạng hỗn loạn nội tâm của mình lên người khác. Bởi vậy, câu nói của các chuyên gia tâm lý đáng được chúng ta suy gẫm: *Điều mình thấy về người khác là thứ đang phản ánh nội tâm của mình.* Nếu như lòng bạn đang ngổn ngang những điều tiêu cực thì bạn cũng dễ nhìn nhận và đánh giá mặt tiêu cực nơi người khác. Trái lại, nếu bạn sở hữu một tình trạng tâm an và lành mạnh thì góc nhìn về người khác thông thường cũng tích cực và mang tính xây dựng.

Nói như thế, không có nghĩa là các nhà đào tạo chỉ nhận những ứng sinh trưởng thành và không bị tổn thương tuổi thơ. Có thể nói, một trong những tiêu chuẩn ngoại lệ nhưng khá quan trọng mang tính sống còn của một ơn gọi là thiện chí và thiện tâm của ứng sinh ấy. Vậy thì, những tổn thương nào đó của ứng sinh cần được các nhà đào tạo quan tâm, đồng thời giúp họ đối diện và chữa lành trong những năm đầu tiến trình đạo tào. Thật ra, các nhà huấn luyện ngay cả chuyên nghiệp đến đâu cũng không thể làm thay cho đương sự vì sự chữa lành tiềm ẩn bên trong mỗi người. Những vị đồng hành chỉ có thể khêu gợi từ bên trong họ những hạt mầm thiện tính đó là cách giúp họ chữa lành và vượt qua.

Có những góc nhìn trái chiều và cực đoan trong lãnh vực này đã gây nguy hại cho nhân cách sau này của các tu sĩ. Có người quá ngây thơ đến nỗi phó thác tất cả cho Chúa về tình trạng bất lực của người thụ huấn, và nghĩ rằng lời cầu nguyện của bản thân sẽ giúp cho tình trạng của đương sự được cải thiện và hòa nhập với nhịp sống cộng đoàn. Cũng có những người lo lắng thái quá đến mức thiếu bình tĩnh xử lý tình huống khi nhận ra tình trạng của ứng sinh hoặc tỏ ra thiếu tin tưởng người dưới quyền, điều này làm thui chột năng lực bản thân họ và làm cho tương giao trở nên nặng nề; do không được tin tưởng mà người thụ huấn trở nên cứng cỏi và tự vệ với người đồng hành. Hoặc cũng có những người cho rằng chính tính kỷ luật trong đời sống cộng đoàn sẽ thanh luyện họ nhưng các nhà đào tạo quên rằng đời sống cộng đoàn trong trường hợp này chỉ tạo nơi họ những thái độ rập khuôn và những thói quen máy móc. Không phải việc giữ luật nghiêm túc và tham gia các sinh hoạt của cộng đoàn mà đương sự được chữa lành tự bên trong đâu. Bởi vì có những tu sĩ bị tổn thương mà chưa được đối diện và chữa lành, không thể sống đời cầu nguyện, điều này gây nguy hại cho đời sống nội tâm và khi gặp khủng hoảng, họ dễ dàng sa ngã và đánh mất ơn gọi.

Bất cứ cộng đoàn tu trì nào cũng đều đề cao sự hiệp nhất và yêu thương. Mà tình trạng bị tổn thương là một cản trở lớn tạo nên những chia rẽ trong cộng đoàn. Có thể nói, những tổn thương tạo ra tình trạng phân mảnh và chia rẽ tự bên trong lòng mỗi thành viên. Như vậy, cứ một thành viên bất an (phạm tội và trở nên xa cách Chúa) và bất mãn (càm ràm, kêu trách…) sẽ gây trở ngại cho sự hiệp thông của cộng đoàn, và sống yêu thương lại càng trở nên xa lạ hơn. Chúng ta biết rằng một người bị tổn thương chưa được chữa lành thì đang sống trong tình trạng thiếu yêu thương bản thân, chắc hẳn không thể sống và diễn tả tình yêu thương đúng nghĩa trong đời sống cộng đoàn.

Trong cộng đoàn không thể thiếu những trường hợp cá biệt hay ngoại thường, mà nhiều người đổ lỗi cho các nhà đào tạo. Có những tu sĩ bị tổn thương mà phải “nín thở qua cầu” để vượt qua và trở thành thành viên trong một cộng đoàn ngang qua việc khấn trọn đời. Có thể tự bản thân họ có cảm giác mình không ổn nhưng không biết khởi đầu thay đổi từ đâu và thế là họ rơi vào tình trạng sống tự vệ và an phận trong sự “bất ổn” của mình. Mà một trong những cơ chế tự vệ họ hay dùng là *hợp lý hóa.* Chẳng hạn, trong cộng đoàn mọi người thường đề cao sự nâng đỡ và hỗ trợ nhau trong việc phục vụ, người ấy biết thế, nhưng tự hợp lý hóa bằng cách: muốn giúp người khác tôi phải là một người mạnh mẽ và tôi đang không khỏe nên tốt hơn: hãy tự lo cho chính mình. Và rồi, họ tiếp tục sống trong tình trạng cũ của một nếp sống ích kỷ. Qua phân tích và dẫn dụ này chúng ta nhận ra điều làm nên phiên bản của họ hiện nay là chính họ quyết định. Bởi đó, chúng ta không thể đổ lỗi cho các nhà đào tạo vì cả một giai đoạn đào tạo biết bao người nhưng sao những người khác, tạm cho rằng thành công trong đời tu còn một vài trường hợp cá biệt lại không đạt yêu cầu về nhân cách như cộng đoàn mong đợi.

Thật ra, chúng ta cũng có thể qui một phần trách nhiệm cho các ban huấn luyện khi các ngài có xu hướng đào tạo đồng loạt cho mọi đối tượng. Điều này có thể làm mất đi tính cá vị của mỗi người. Giáo hội cũng luôn trăn trở khi trong các hội dòng thiếu người đồng hành đúng nghĩa. Thật vậy, một lệnh truyền chung chung không thể nào phù hợp cho mọi đối tượng ứng sinh với những khí chất, văn hóa, nhận thức…khác biệt. Khi ấy, vị đồng hành đào tạo hay thiêng liêng đóng một vai trò quan trọng. Dù quan trọng đến đâu, các ngài cũng không có quyền quyết định điều gì thay cho người thụ huấn. Như vậy, yếu tố quyết định cho tình trạng hiện nay của đương sự vẫn là do bản thân chịu trách nhiệm.

Chúng ta không thể nào lường hết được những ảnh hưởng tiêu cực do những thành phần cá biệt tạo nên, sự hiện diện của những người “khó ở” đó sẽ khiến bầu khí của cộng đoàn trở nên nặng nề và ngột ngạt. Người ta thường kháo láo nhau: “*Bỏ thì thương mà vương thì tội”.* Và qui kết rằng họ không có ơn gọi sống ở cộng đoàn tôi. Nói như thế là chúng ta phủ nhận sự liên đới hiệp thông trong cộng đoàn và không hiểu gì về cách hành động của Thiên Chúa. Thật vậy, chúng ta hưởng mọi hoa lợi và phúc lợi từ nhau thì sao những thiếu sót của ai đó lại bắt họ chịu một mình. Theo tinh thần hiệp thông của Giáo hội, nếu cùng chia sẻ nơi bàn ăn và Bàn Tiệc thì chúng ta cũng chung chia những thao thức, những thử thách và vấp ngã của nhau. Còn nói về cách hành động của Chúa, việc một người tiến đến hành vi cam kết trọn đời để sống trong một Hội dòng nào đó, chắc hẳn không nằm ngoài ý muốn của Thiên Chúa. Có điều là những người có trách nhiệm không lường hết được những biến đổi của từng thành viên, một khi có những biểu hiện bên ngoài thì tình trạng ấy đã quá nặng, khi ấy, thánh Biển Đức mời gọi mọi tu sĩ hay cầu nguyện và phân định.

Thiết tưởng, chúng ta cần nêu ra một vài mẫu người và phân tích sơ bộ để nhận thấy sự nguy hại của những thành viên bị tổn thương khiến nguy hại đến nhịp sống trong cộng đoàn dòng tu. Ở đây, không có ý dán nhãn ai, nhưng với những khám phá và tổng hợp từ các chuyên gia tâm lý, chúng ta có thể luận bàn ngõ hầu làm sáng tỏ vấn đề.

Như chúng ta biết có những người vì bị tổn thương trong quá khứ mà họ trở nên nghi ngờ mọi sự và mọi người. Đứng trước vấn đề gì liên quan đến ai, họ đều đặt những thắc mắc mang tính võ đoán và tiêu cực. Vô hình trung, họ làm cho bầu khí tương giao và hợp tác trong sứ vụ trở nên nặng nề. Từ những chuyện nhỏ nhặt tưởng chừng như không cần thiết và chẳng “ảnh hưởng đến ơn cứu độ”, họ lại thổi phồng như thể cộng đoàn sắp tiêu tan.

Có những tu sĩ bị bệnh hoang tưởng, xem mình biết mọi sự nên nói luyên thuyên, thao thao bất tuyệt, đồng thời có những động thái tỏ vẻ khinh thường người khác, và hậu quả là không ai dám đến với họ. Họ có nói cũng chỉ xoay quanh chủ đề chuyên môn của mình và tự nhận mình “làm chủ diễn đàn”. Kỹ năng tương giao và tương tác không có, họ trở nên người sống lập dị và dần dà xa rời nhịp sống cộng đoàn.

Cũng có những người mà các nhà tâm lý học ví như cỗ xe tăng, đi đến đâu là họ nghiền nát mọi sự đến đó. Nghĩa là họ luôn tỏ ra người mạnh mẽ, có lập trường sống vững vàng. Họ không chấp nhận ý kiến trái chiều; ai có ý phản biện, họ qui kết là “phản động”, đồng thời, liền tìm mọi lý luận để đả phá. Họ sống ảo tưởng, muốn thay đổi thế giới hơn là chính mình. Cộng thêm nhu cầu thích thể hiện, họ không tránh khỏi tình trạng của mẫu người vừa bàn trên kia, thích làm chủ diễn đàn và không chịu lắng nghe người khác. Gặp ai góp ý họ điều gì, họ không cần biết người kia có hợp lý hay không, liền tìm những điểm yếu của người kia mà công kích.

Ngoài ra, có những người mặc cảm tự ti, họ luôn có trong mình một hình ảnh bản thân nghèo nàn, cho dù có ai nói tích cực hay khen ngợi họ điều gì, họ cũng cảm thấy mình không xứng đáng. Từ đó, họ chạy theo những việc làm bên ngoài, lấp đầy thời gian trống để tìm chút đánh giá từ góc nhìn của người khác rằng mình còn giá trị. Nhìn từ góc độ sứ vụ, họ có vẻ thành công, nhưng lại xa rời căn tính đời tu, vì đã đánh mất chính mình trong công việc.

Tóm lại, những tổn thương không được đương sự đối diện và chữa lành sẽ khiến bản thân khó sống *hòa thuận* với chính mình, *hòa đồng* với người khác, *hòa điệu* với vũ trụ và tất nhiên, họ khó có thể sống *hòa hiệp* với Thiên Chúa.

# THA THỨ

Đối tượng cần được tha thứ mà các tu sĩ nhắm đến không như những người sống ngoài đời. Ngoài đời, với những tương giao trong nhiều môi trường hoạt động khác nhau, họ sẽ có những “kẻ thù” cần phải được tha thứ. Còn trong dòng tu, ai là những người mà các tu sĩ cần biểu lộ sự tha thứ. Thưa: Đó là những người làm ta tổn thương. Những ai đã làm ta tổn thương? Thưa: Những người ta thương và những người thương ta (theo cha Henri J.M. Nouwen). Thật vậy, những người đã từng là bạn chia sẻ tâm tình nhưng một ngày họ biết rằng người thứ ba biết chuyện riêng tư của họ, thế là họ trở thành những kẻ gây tổn thương và thù nghịch nhau.

Các tu sĩ bị tổn thương này một khi chưa thực sự chữa lành cách nào đó thì rất khó tha thứ cho người anh chị em đã gây ra tổn thương. Thông thường, giải pháp các bề trên chọn là tách riêng họ ra các cộng đoạn khác nhau để tránh né vấn đề nhưng thực sự một khi họ không dám đối diện thì vấn đề vẫn còn đó, thậm chí, một khi bị dồn nén, tình trạng vết thương càng bị khoét sâu hơn. Có thể, nhờ việc ít tiếp xúc, cũng như không còn hình ảnh người kia trước mặt thì cảm xúc sẽ lắng đọng và nỗi nhớ sẽ nguôi ngoai. Tuy nhiên, điều này chỉ tạm hoá giải dựa trên lý trí mà tha thứ thuộc chiều kích của con tim.

Có những người hiểu về hành vi tha thứ vì thấy trong mình không thể xoá bỏ hình ảnh về kẻ gây tổn thương. Ở đây, chúng ta cũng cần một vài thông tin về góc độ khoa học để thấy cách vận hành của bộ não. Mỗi lần chúng ta nghĩ về đối tượng gây tổn thương từ việc giáp mặt hay ký ức sống động ùa về khi liên hệ một sự kiện nào đó. Có thể là người kia đã không còn hiện diện ở đây, những dấu tích vẫn còn, chẳng hạn, những việc họ làm và sinh hoạt của họ đã ăn sâu trong đầu bạn thì chỉ cần một kích thích nào đó cũng đủ làm tim bạn hồi hộp và nghẹt thở, thì làm sao mà quên được.

Thật ra, tha thứ không có nghĩa là phải quên đối tượng đã từng làm ta bị tổn thương. Tác giả Anh Bằng đã có một câu trong một bài hát rất ý nghĩa: *khi cố quên là khi lòng nhớ thêm.* Tại sao nhớ hay quên thuộc phạm vi cái đầu mà lòng lại nhớ thêm, *lòng* thuộc phạm vi con tim? Chúng ta biết rằng đây là một tiến trình. Cụ thể là việc ta nhớ hay quên thì cái đầu không phân biệt được, nhưng một lần liên hệ đến đối tượng ấy thì sẽ khoét sâu một lần và cứ thế, đối tượng càng sống động hơn. Một khi đối tượng càng sống động thì càng kích động lên con tim tạo nên những cảm xúc. Nếu đối tượng được ta thương yêu thì sẽ tạo nên những cảm xúc thăng hoa tích cực và trái lại, nếu là một đối tượng đã từng gây tổn thương thì sẽ tạo nên một chuỗi những cảm xúc và phản ứng tiêu cực. Nếu đương sự không làm chủ được những đợt cảm xúc tiêu cực này thì sẽ dễ gây nguy hại sâu nặng đến tương giao, đồng thời, làm cho bầu khí cộng đoàn thêm nặng nề và mất bình an.

Có một cách hiểu nguy hại khác liên quan đến vấn đề tha thứ, đó là khi tha cho kẻ làm điều ác là dung túng lỗi lầm của họ. Khi nghĩ như thế, vị tu sĩ ấy vô tình đặt mình trong vị thế quan toà để lượng giá mức độ tội phạm của bị cáo mà quên đi một sự thật hết sức căn bản rằng người anh chị em ấy cùng sống với ta trong một cộng đoàn; bao nhiêu vinh phúc đều cùng nhau hưởng, giờ một lỗi lầm lại *trăm dâu đổ đầu tằm* ư? Quả thật, khi chấp nhận chung sống, chúng ta cùng chung hưởng mọi niềm vui và chung chia trách nhiệm với mọi lỗi lầm của người anh chị em. Hơn nữa, trong bất cứ một cuộc cọ xát nào, phần lỗi đều dành cho hai bên cách này hay cách khác. Vì vậy, khi không chấp nhận tha thứ cho người anh chị em chung sống, cách mặc nhiên, chúng ta xem mình là kẻ vô tội. Xét tường tận một vấn đề cách công minh, chúng ta sẽ nhận ra bản thân luôn có phần lỗi gián tiếp hay trực tiếp. Như thế, một khi chấp nhận tha thứ cho người cũng là cơ hội để cho người khác tỏ lòng trắc ẩn với ta. Chỉ có tình yêu mới thực sự hoá giải mọi vấn đề.

Có một nguyên nhân sâu xa hơn khi đương sự khó tha thứ cho người khác, đó là họ không thể tha thứ cho chính mình. Với một tâm hồn còn mang nặng những vết thương như thế thì không thể nào đủ mạnh và sáng suốt để nhìn đến người khác, nói chi đến việc sẵn lòng thứ tha cho người. Tác giả Martin H. Padova cho chúng ta biết: *cách trừng phạt bản thân tốt nhất là việc từ chối tha thứ cho chính mình.[[27]](#footnote-27)* Họ nghĩ rằng tôi không xứng đáng được tha thứ, vì vậy công kích lòng tự trọng của mình, và điều này càng làm cho bản thân cảm thấy mình không có giá trị. Thay vì khi phạm tội, bản thân ý thức tình trạng của mình mà qui hướng về lòng thương xót Chúa, họ lại quay quắt trong chính mình, lấy mình làm trung tâm. Sự lệch tâm này càng làm cho họ xa rời ánh nhìn của Chúa và từ đó, cũng chạy trốn anh chị em mình. Thoạt tiên, chúng ta thấy họ có một thái độ tưởng chừng hết sức chân thành về những lỗi phạm, thế nhưng, đó không phải là cách thể hiện đúng đắn về lòng thống hối tận căn cần phải có, mà là một phản ứng thiếu tín thác vào lòng thương xót Chúa. Quả thật, vì nếu bản thân nhận được hoa trái của lòng thương xót ấy, chắc hẳn đã sẵn sàng đi bước trước để tha thứ cho người anh chị em. Vì không ai có thể sống và thực sự cảm nghiệm tình yêu Chúa mà còn giới hạn dung lượng của trái tim; khi ấy trái tim họ bao trùm cả tạo thành, tất nhiên, cả tội lỗi và tội nhân.

Khi ấy, chúng ta sẽ hiểu phần nào lời khuyên của Chúa Giêsu là cầu nguyện cho kẻ thù và kẻ ngược đãi mình. Trước hết, cầu nguyện cho kẻ làm mất lòng ta không có nghĩa là khơi lại nỗi đau và ký ức đen tối mà bản thân có về người khác nhưng là đặt họ dưới sự chúc lành của Chúa, và rằng chúng ta chỉ có thể tha thứ bằng sức mạnh của Đấng Phục sinh. Sau nữa, một khi cầu nguyện, nghĩa là đặt mình trước sự hiện diện của Chúa, chúng ta được biến đổi để có được ánh nhìn của Chúa khi chiêm ngưỡng mọi vẻ đẹp của các thụ tạo, và rằng người anh chị em ấy có đầy thiện chí đáng được ta chấp nhận như Chúa đón nhận họ và chấp nhận ta. Ngoài ra, khi tha thứ cho người, chúng ta biểu dương chính tình yêu Chúa đã hy sinh chịu chết cho nhân loại, cho ta và cả người ấy nữa. Đến lượt ta, ta không chỉ tha thứ cho họ về những xúc phạm đến mình mà còn sẵn lòng chịu chết thay cho họ. Có thể nói, vẻ đẹp này của Tin Mừng luôn thách thức lòng can đảm và niềm trắc ẩn nơi mỗi người chúng ta.

# THÔNG GIAO

Đây là thuật ngữ riêng của triết gia K. Jasper. Với những lời phát biểu và đòi hỏi của tác giả, bản thân người viết thấy rất thích hợp để chúng ta khám phá ra vẻ đẹp này nơi cộng đoàn của những người sống đời thánh hiến.

*Thông,* có thể hiểu là sống cảm thông để đạt đến hiệp thông. Còn *Giao,* được hiểu là siết chặt tương giao để đạt đến sự giao hảo. Như thế, theo tinh thần của Giáo hội, *thông giao* là một lý tưởng mà mọi cộng đoàn tu trì đáng ước ao. Mà theo đề nghị của triết gia này chỉ có một cách đạt đến tình trạng này, đó là *đấu tranh yêu thương.*

Thoạt nghe, chúng ta có thể hiểu ý của tác giả muốn đề nghị cách học yêu thương, vì quả thật, yêu thương không phải là một việc dễ dàng. Còn dùng chữ *đấu tranh,* chỉ là cách nhấn mạnh về một nỗ lực của con người. Nhưng thực ra, triết gia hữu thần này muốn đề nghị một cách thông giao đúng nghĩa triết học hiện sinh.

Thật vậy, đấu tranh là yếu tố để *giao,* còn yêu thương là yếu tố để *thông.* Xét theo góc độ thông thường của một tương giao, cả hai bên phải có một sự hiểu biết nào đó để có thể siết chặt một tương quan thân tình, nếu không chỉ là hình thức xã giao, vì một lời khen, một lời khích lệ nào đó cũng chỉ dừng lại ở phương diện nhân bản. Ở đây, *giao* đúng nghĩa đòi hỏi phải chấp nhận một tiến trình bào mòn “hữu thể” mà trong tu đức, chúng ta hiểu là việc bỏ mình. Việc bỏ mình này không cho phép các tu sĩ sống nhường nhịn hay tháo lui trong việc tương tác với người khác. Vì khi nhường nhịn hay tháo lui, các tu sĩ không dám đối diện với vấn đề của tương giao và như thế, họ không thể có một sự thông cảm và đồng cảm thực sự. K. Jasper đã mạnh mẽ phát biểu: “*Những tương giao thiếu ‘xung khắc’ là những tương giao thiếu sâu sắc; đó là ‘những bát cháo chưa bỏ muối.’”*[[28]](#footnote-28)Còn trong truyền thống dòng tu, chúng ta thường nghe các nhà tu đức ví đời sống cộng đoàn là gồm những viên sỏi sắc cạnh, mỗi cá nhân với những khuyết điểm, giới hạn…sẽ được “cọ xát” và sẽ tròn dần theo thời gian. Đó là một cuộc bỏ mình liên lỉ, với ơn Chúa, mọi sự sẽ thành toàn.

Khi đó, *yêu thương* để được *giao* nhau là một kết quả đầy hứa hẹn cho những ai thiện chí luôn nỗ lực không ngừng hợp tác với ơn Chúa để phần nào cảm nghiệm sự hiện diện và chúc lành của Ngài trong đời sống cộng đoàn.

# HIỆP THÔNG

Chúng ta cần khởi đi từ định nghĩa như cách nhằm giới hạn và qui ước chung về cách hiểu trong bài viết này. Hiệp thông (hoặc thông công) là một thuật ngữ được sử dụng trong Kitô giáo để chỉ về mối quan hệ giữa tín hữu với Thiên Chúa và giữa những người trong Giáo hội với nhau. Hiệp thông có tiếng gốc Hi Lạp là κοινωνία *koinonia* xuất hiện trong Thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô; còn tiếng Latinh *communio*, nghĩa là “cộng đoàn” hay là “tham gia vào cộng đoàn”. Như vậy, theo tiếng La tinh cộng đoàn và hiệp thông là một. Điều này càng đề cao đặc tính hiệp thông mang tính quyết định và là bản chất của đời sống cộng đoàn. Nói cách khác, cộng đoàn không sống hiệp thông thì không còn là cộng đoàn nữa. Nhưng tùy nhận thức mỗi người mà có những cách thức hiệp thông khác nhau. Nếu mỗi nhân vị có nét độc đáo riêng biệt thì cũng có những nét hiệp thông khác biệt. Tuy nhiên, để tránh những cách thức tiêu cực do hiểu sai hạn từ này, chúng ta cần lược qua vài cách hiểu như hiện nay.

Có những người nói rằng hiệp thông là đồng nhất. Nếu hiểu theo nghĩa này thì nhà tù là nơi đồng nhất hơn cả, từ đồng phục, ăn uống, sinh hoạt nhất nhất như nhau nhưng ở đây là nơi người ta cho là giảm giá trị nhân phẩm nhất. Xét trong cộng đoàn, đôi khi người ta đánh giá một cộng đoàn từ tính nhịp nhàng của lời kinh hay sự đồng bộ trong tu phục hoặc cùng một thời khóa biểu, một sinh hoạt ổn định…mà bảo rằng cộng đoàn này hiệp thông và hiệp nhất thì thật là võ đoán. Những hình thức bên ngoài ấy chỉ nói lên một tổ chức có cơ cấu và kỷ luật.

Cũng có người hiểu sai khi đồng hóa tinh thần đoàn kết với hiệp thông. Đoàn kết chỉ dừng lại ở sự hiệp lực nhằm đạt một mục tiêu đề ra dưới sự thống nhất của một thành phần ưu tuyển nào đó, và đôi khi không tránh khỏi những thói a dua và hùa theo phe này nhóm nọ… Theo nghĩa tinh thần hơn, chúng ta có hạn từ đồng tâm nhất trí hay tâm đầu ý hợp, đây cũng chưa diễn tả hết nét hiệp thông trong cộng đoàn. Nếu các thành viên chỉ có hiệp lòng hiệp ý mà không quy về Chúa thì cũng không thể gọi là hiệp thông được. Có thể nói, ơn gọi của mỗi tu sĩ khởi đi từ sáng kiến và lời mời gọi của Thiên Chúa Ba Ngôi, thế nên cộng đoàn tu trì chỉ tồn tại và phát triển đúng nghĩa khi lấy các Ngài làm khuôn mẫu trong sự tham dự, chia sẻ, trao ban và lãnh nhận.

Bởi đó, có một định nghĩa về hiệp thông là tham dự, chia sẻ, trao ban và lãnh nhận giữa các thành phần trong một tập thể. Định nghĩa này đã nêu bật được tác động qua lại giữa các thành phần trong cộng đoàn. Có thể nói, đây là dấu chỉ của một cộng đoàn dấn thân, trong đó, thay vì tìm lợi ích cho riêng mình, họ tìm lợi ích cho người khác, và như thế, nhờ tác động qua lại mà không ai bị bỏ rơi hay bị tách rời khỏi nhịp sống cộng đoàn.

Trước tiên, chúng ta cần hiểu biết và giải thích chiều kích hiệp thông trong việc tham gia việc hiệp lễ với Mình và Máu Chúa Kitô. Điều này mang tính cơ bản và quyết định cho sự hiệp thông trong một cộng đoàn phụng vụ. Khi ấy, họ lấy Đức Kitô làm trung tâm cho mọi sinh hoạt của cộng đoàn. Quả thật, Ngài trở thành chất xúc tác, động lực mạnh mẽ và là chất keo kết dính mọi thành phần với nhau, không chỉ là kết dính mọi thành phần bằng kết cấu cách hữu cơ mà còn phải đi đến một mức độ *đồng tâm nhất trí;* lấy ý Chúa làm lẽ sống cho cộng đoàn và chọn tình yêu trao ban làm lý hữu và tồn tại của đời sống cộng đoàn. Từ đó, các tu sĩ sống trọn lời mời gọi của thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II trong tông huấn viết về đời sống thánh hiến: *Các người sống đời thánh hiến phải trở thành những chuyên viên của tình hiệp thông.*

Cũng trong cách hiểu ấy, một khi chúng ta nhìn nhận Đức Kitô là Đầu và Giáo hội là thân mình, thì sự hiệp thông của một cộng đoàn được hiểu như sự trao truyền sự sống thần linh nơi Đức Kitô. Và nếu cuộc đời của Chúa Cứu Thế được gói gọn trong hạn từ *đi tìm và thi hành thánh ý Chúa Cha* thì mọi thành viên trong cộng đoàn cũng bằng mọi cách *gặp gỡ, đối thoại và phân định* để tìm ra ý muốn của Chúa Cha và mau mắn thi hành bởi biết rằng ý muốn của Ngài là muốn cho mọi người được hưởng ơn cứu độ. Như thế, một khi các tu sĩ bước vào cuộc hiệp thông với Chúa, sẽ giúp bản thân đi vào bên trong hầu thiết lập một sự hiệp thông nội tại, từ đó, sẽ mở ra cho tương quan nhân loại. Có thể nói, đây là tiến trình giúp các tu sĩ sống tinh thần hiệp thông đích thực.

Nhiều người lý tưởng và đánh giá hời hợt khi nhìn nhận rằng sống trong một cộng đoàn làm gì không thường xuyên gặp gỡ nhau. Có lẽ, đúng hơn phải xác định rằng phần lớn là các thành viên chỉ mới giáp mặt nhau và có những cái cười hay vài câu nói mang tính xã giao; còn sự gặp gỡ đúng nghĩa thì cần phải có không gian và thời điểm thích hợp.

Xét ở góc độ rộng lớn hơn, sự vận hành của một cộng đoàn phần lớn đều được qui về vị bề trên, ngài có hội họp đấy nhưng phần lớn chỉ mang tính độc thoại và những lệnh truyền từ trên ban xuống thì được toàn thể cộng đoàn thi hành, đó là cách diễn tả sự hiệp thông hàng dọc, từ trên xuống. Còn sự gặp gỡ đúng nghĩa để giúp sống chiều sâu của hiệp thông thì tất cả mọi người cần bỏ bớt hoặc làm lưu mờ cái tôi của mình để cho “cái ta” được lớn lên.

Để được thế, nhiều khi sự gặp gỡ phải giúp các thành viên xóa dần khoảng cách và thậm chí, loại trừ những cách phân biệt giữa những thành phần ưu tú trong cộng đoàn và các thành viên khác. Việc bình thường hóa các đối tượng trong một buổi họp cộng đoàn nhằm xây dựng tinh thần hiệp nhất yêu thương thì không có gì đáng lo ngại. Ở đây, chúng ta chỉ đề cao đến khả năng vận hành và năng động nhóm của vị bề trên nhằm tạo một bầu khí tâm lý thoải mái để gặp gỡ và trao đổi nhằm xây dựng cộng đoàn. Mặc dù thực tế, mọi người trong cộng đoàn đều là những thành viên trưởng thành, nghĩa là ít ra biết được vị thế và vai trò của mình trong cộng đoàn. Điều này đòi hỏi từ phía bề trên một sự nhạy bén và nắm bắt tốt tình hình về sự vận hành của cộng đoàn mình. Vì dù sao, ngài là nguyên lý hữu hình về sự hiệp thông và hiệp nhất của cộng đoàn.

Một khi bầu khí gặp gỡ giữa các thành viên đã được khởi động và vận hành tốt thì việc *lắng nghe* và *đối thoại,* là một hệ quả tất yếu và tự nhiên sẽ diễn tiến tốt đẹp. Nhằm tạo bầu khí huynh đệ và cảm thông giữa các thành viên, vị chủ tọa cần có những mục tiêu và tiêu chí cụ thể giúp vận hành cộng đoàn trong tinh thần Tin Mừng, nghĩa là ở đâu có hai hay ba người tụ họp nhân danh Chúa thì có Ngài ở giữa họ. Thông thường, ở bất cứ tập thể nào đều có những thành phần cấp tiến và bảo thủ. Vị chủ tọa cần nắm bắt tình hình để tính hài hòa trong cộng đoàn luôn là bầu khí chủ đạo giúp mọi người lắng nghe và đối thoại. Ngoài ra, chúng ta cũng cần lưu ý trong cộng đoàn có những thành phần có tầm ảnh hưởng mạnh và lời phát biểu của họ có trọng lượng hơn – điều này giúp cộng đoàn dễ dàng tìm ra ánh sáng, nhưng chẳng may họ lại là những người có khuynh hướng tạo bè phái nhằm gây áp lực lên tập thể thì có thể tiến độ cuộc họp sẽ nhanh nhưng sự đồng lòng chỉ là chân lý thuộc về số đông. Điều này lại là dấu hiệu giúp cộng đoàn *phân định* theo tinh thần của thánh Inhaxiô Loyola, nghĩa là Thần Khí và ý Chúa thể hiện không phải trong sự ồn ào bên ngoài mà là sự bình an đến từ bên trong; điều này đòi hỏi một sự tỉnh táo và sáng suốt của vị chủ tọa hầu giúp cộng đoàn ngày càng hiệp thông và hiệp nhất theo tinh thần xây dựng và phát triển cộng đoàn.

Có một điều kiện rất căn bản và mang tính quyết định giúp đạt đến chiều kích hiệp thông đích thực: *hiệp thông chính mình*. Chủ đề này đã được bàn sâu rộng trong tác phẩm *Bạn hãy là chính mình,* cùng tác giả. Trong tác phẩm ấy, người viết muốn nhấn mạnh việc hiệp thông với chính mình như là bước ngoặc quan trọng giúp bản thân sống đúng đắn và chân thật với những xác tín của mình để được là chính mình. Ở đây, chúng ta cần đi xa hơn bước nữa để từ hiệp thông với chính mình mà mở ra với sự hiệp thông cộng đoàn. Một trong những nguy cơ hằng đe dọa sự hiệp thông cộng đoàn là đánh mất đi tính cá vị và độc đáo của từng cá nhân. Chính vì vậy, việc hiệp thông với chính mình sẽ là ưu tiên hàng đầu cho việc mở ra với những chiều kích rộng lớn hơn mà không đánh mất chính mình.

Thiết tưởng chúng ta cần đi sâu hơn trong việc nêu bật và phân tích những cản trở sự hiệp thông chính mình, đặc biệt trong thời đại bùng nổ thông tin và đề cao giá trị của truyền thông. Trước tiên, chúng ta nhận thấy việc nhận thức mặc định sẽ gây cản trở sống hiệp thông. Sự mặc định này đã có từ trong sinh hoạt gia đình. Những phản ứng trong các cuộc hội họp gia đình của họ đều được “sống lại” trong sinh hoạt cộng đoàn. Vì thế, những hình thức ấu trĩ và vô thức này gây thiệt hại cách nào đó cho đời sống hiệp thông trong cộng đoàn.

Yếu tố thứ hai này còn nguy hại hơn vì chi phối đời sống tâm lý của vị tu sĩ, đó là *sự lo sợ.* Có thể nói, cảm xúc lo sợ gây trở ngại cho việc truyền thông, vì cảm xúc ấy làm hạn chế khả năng nhận thức của chúng ta, khiến bản thân không thể đánh giá người khác và tình huống một cách chính xác.[[29]](#footnote-29) Từ đó, chúng ta có thể suy ra việc lo sợ của một tu sĩ sẽ ảnh hưởng tiêu cực thế nào trong nhịp sống hiệp thông cộng đoàn.

Nếu như sự lo sợ chỉ làm ô nhiễm bầu khí hiệp thông thì điều chúng ta sắp bàn đến lại còn ảnh hưởng nguy hại đến nội dung và thông điệp của các cuộc họp, đó là nhiều thành viên sống trong tình trạng *tự vệ.* Thật vậy, khi các thành viên trong cộng đoàn sử dụng cơ chế tự vệ một cách rộng rãi, bấy giờ sự thật sẽ bị bóp méo và việc truyền thông sẽ gặp trở ngại.[[30]](#footnote-30) Và một khi việc truyền thông không còn mang tính trung thực thì việc hiệp thông nếu có, cũng chỉ là hình thức thôi.

Bởi đó, từ những gì vừa trình bày, chúng ta nhận ra tầm quan trọng của việc mỗi cá nhân tích cực đóng góp trong tiến trình hiệp thông của cộng đoàn. Và trong tinh thần hiệp thông, chúng ta cũng xác tín rằng: *“Việc truyền thong có mục đích cổ võ sự hiệp thông giữa các thành viên, nhờ những kinh nghiệm và giá trị chung mà họ cùng cảm nghiệm. Khi truyền thông đưa đến sự hiệp thông đích thực, bấy giờ chúng ta đang xây dựng một cộng đoàn yêu thương.”* [[31]](#footnote-31)

#  LỆ THUỘC

Do ảnh hưởng của văn hóa làng xã và khuynh hướng duy đám đông, có lẽ vì thế con người Việt Nam có xu hướng thích sống tập thể, và có hệ lụy là sống lệ thuộc cách nào đó. Sống trong tập thể như cộng đoàn dòng tu, khuynh hướng lệ thuộc lại có điều kiện thuận lợi để phát huy hơn. Chẳng hạn, có cách nghĩ tiêu cực của người lệ thuộc: “*Có cả cộng đoàn đọc kinh, đông mà, mình nghỉ giờ kinh chung cũng đâu ảnh hưởng gì”.* Suy nghĩ kiểu này, vô hình trung, họ từ coi mình là đồ thừa và tự đánh mất đi tính cá vị của mình. Nói cách khác, họ đánh mất chính mình trong chính cộng đoàn mình đang sống.

Chúng ta có thể dễ dàng nhận ra mẫu người này trong đời sống cộng đoàn. Có thể nói, người lệ thuộc hoạt động mạnh mẽ và tương giao rộng rãi với hết mọi người. Thoạt tiên, chúng ta tưởng rằng họ là người bác ái luôn tìm dịp giúp đỡ người khác và cũng chẳng buồn bã, giận dỗi ai. Nhưng nếu quan sát kỹ, chúng ta nhận ra họ là người ham mê công việc, sẵn sàng bỏ giừo chung để gúp đỡ một ai đó bất cứ khi nào. Thật ra, họ đã lấy những việc làm đó để lắp đầy khoảng trống nội tâm của họ. Lại nữa, họ làm thế để tìm lợi khen ngợi và sự công nhận nơi người khác. Nói cách khác, họ tìm kiếm căn tính và lòng tự trọng của mình nới người khác.[[32]](#footnote-32) Có những dấu hiệu bên ngoài giúp nhận ra họ và phân biệt với những người bác ái vì tình yêu Chúa, đó là họ hay câu có, không hài lòng với chính mình vì họ cứ bị thúc ép phải làm mà không tìm được niềm vui và bình an thực sự. Ngoài ra, người lệ thuộc còn có một khuynh hướng đáng lo ngại là khống chế và thao túng người khác cách vô thức, nghĩa là họ dùng việc giúp đỡ người khác và khiến người khác phải lệ thuộc quyền của họ. Thậm chí, họ mưu toan áp đặt ý nghĩ của mình lên người liên hệ, cốt để làm cho người khác đánh giá cao về họ và bản thân họ cũng cảm thấy mình có ý nghĩa và giá trị.

Để hiểu rõ hơn các hình thức thể hiện của người lệ thuộc, trước tiên, chúng ta xét đến cấp độ thể lý. Có thể nói, nghiện là hình thức nô lệ. Bất kể thứ gì trên đời, một khi lạm dụng quá sẽ gây nghiện và có hại đến bản thân và gián tiếp ảnh hưởng đến cộng đoàn nếu là một tu sĩ. Chúng ta biết rằng Thiên Chúa đặ để trong con người một mô hình vận hành hết sức năng động và thú vị. Chẳng hạn, khi ta vấp ngã vì trơn trượt làm cho cơ thể đau đớn thì não bộ sẽ tiết ra chất endorphin để hóa giải bớt cảm giác đau đó; hoặc khi có việc phải suy nghĩ đến mức căng thẳng thì não bộ sẽ tiết ra chất sérotonin để làm dịu thần kinh. Biết được cơ chế vận hành này ngành y dược đã bào chế ra những loại thuốc chống trầm cảm hay gây kích thích, nhưng một khi lạm dụng thuốc, chúng sẽ làm rối loạn các chu kỳ sinh học của cơ thể, tiêu diệt các tế bào thần kinh và có thể làm suy yếu hoặc hỏng luôn cả bộ nhớ. Một vài lần đầu sử dụng chất kích thích đại loại như thế đã giúp họ thăng hoa cảm xúc lên tới đỉnh. Nhưng dần dà, do lạm dụng thuốc, họ trở thành những kẻ nghiện, và lệ thuộc chúng suốt đời.

Một tu sĩ nghiện thì có ảnh hưởng gì đến đời tu ? Một ví dụ đơn sơ cũng sẽ cho chúng ta một thoáng nhìn nguy hại, đó là việc một tu sĩ nghiện rượu, đầu óc không còn tỉnh táo, cũng mất đi khả năng kiểm soát suy nghĩ, lời nói và hành động thì tương giao với anh em sẽ mất dần độ tin cậy. Rồi vì ngại với anh em nên họ tránh tham gia các giờ chung và dần dà tách mình ra khỏi nhịp sống cộng đoàn.

Ở đây, chúng ta cũng cần nói đến sự lệ thuộc qua ba xu hướng tự nhiên: danh, lợi và thú. Chúng ta có thể hiểu sự lệ thuộc vào chữ *danh,* mang màu sắc quyền lực. Một khi vị tu sĩ cứ ngày ngày đau đáu nghĩ đến chuyện thể hiện bản thân trong chức vụ, rồi tìm mọi dịp khoe mẻ về chút tố chất quản trị của mình thì thật nguy hiểm, thay vì phó thác cho cách hành động của Chúa và ý thức rằng mọi quyền bính trong Giáo hội đều xuất phát từ Chúa thì họ lại mất nhiều thời gian và công sức để thu phục người này, để chiêu dụ người nọ. Có người vì không được trọng vọng mà sinh ra cay đắng, nghiệt ngã, càm ràm và sống tiêu cực khiến tiêm nhiễm bầu khí độc hại cho cộng đoàn. Một sự lệ thuộc như thế hoàn toàn mang tính thế tục. Và một khi đời tu không lấy Chúa làm đủ thì việc tìm kiếm trong danh vọng cũng là điều dễ hiểu. Cám dỗ này cách nào đó không chừa một ai.

Chữ *Lợi,* là đại diện cho những người chủ trương duy thực dụng. Sự lệ thuộc này dễ nhận ra hơn từ những gì một tu sĩ đang sở hữu. Có thể nói, mọi sự trên trần gian là quà tặng Thiên Chúa ban cho con người để hưởng dụng, và là phương tiện giúp con người đến cùng Chúa. Tuy nhiên, một khi con người càng ngày càng xa rời Ngài thì đó là dấu hiệu của một sự bám víu. Sự lệ thuộc này một phần nói lên hấp lực của vật chất có khả năng đánh thức lòng tham sẵn có trong con người. Đồng thời, chúng giúp trắc nghiệm và lượng định xem ai là người thanh thoát đủ để sống cho Chúa trong đời tu. Ngoài ra, sự lệ thuộc này còn lột trần thái độ nước đôi khi chọn cả Thiên Chúa lẫn tiền của. Cũng có một sự lệ thuộc tinh tế hơn thuộc lãnh vực tinh thần, đó là khi một tu sĩ thủ đắc một nhân đức nào đó, thay vì quy hướng sự tốt lành ấy cho Chúa thì lại qui về mình, rằng mình đạo đức, tốt lành…Nhưng dù lệ thuộc với bất cứ hình thức nào thì một cọng chỉ hay một dây xích sắt cột vào chân con chim, cũng đều là vật cản khiến chúng không bay lên được.

Còn đối với chữ *thú,* chúng gợi ngay trong đầu ta về sắc dục. Có những tu sĩ được sinh ra với một khí chất mạnh mẽ, có khuynh hướng mạnh hơn người khác về lãnh vực này. Thế nhưng, Giáo hội vẫn trù liệu mọi phương thế cần thiết giúp vượt qua và thăng hoa khuynh hướng xem ra rất bản năng này. Vài chục năm trước đây, sách báo còn giới hạn nên việc các tu sĩ tiếp cận với hình ảnh và những chủ đề nhạy cảm rất hạn chế; ngày nay, mọi sự trưng bày trước mắt các tu sĩ, chỉ cần một cú nhấp chuột hay vuốt nhẹ là cả một thế giới đen tối. Các nhà đào tạo vì biết những nguy hiểm đó mà rất hạn chế cho ứng sinh trong thời gian đầu tiếp xúc với mạng xã hội, phần còn lại phó thác cho tác động của Chúa và sự tự đào luyện ý thức của mỗi cá nhân. Nhưng một khi được sử dụng mạng xã hội cách phổ biến thì các ứng sinh như chú hổ nhốt lâu ngày bị bỏ đói nên vồ vập vội vã khiến mất kiểm soát bản thân, rồi việc tiếp xúc với các tương giao không lành mạnh dẫn đến những vụ tai tiếng mang tính toàn cầu. Sự lệ thuộc này để lại những tổn thương tâm lý khá sâu cho cả hai bên, và với ảnh hưởng nét văn hóa Á đông, sự kín ẩn lại càng khó chữa lành khiến tác động tiêu cực đến đời tu và gương mù cho những người liên hệ.

Chúng ta tiếp tục bàn đến sự lệ thuộc ở cấp độ cao hơn thuộc phạm vi tâm lý, cụ thể là các tương giao. Sống trong dòng tu, một số người quen sống dựa dẫm, họ đi tìm các nhóm mang tên là đồng hương hay cùng sở thích gì đó, nếu dừng lại ở sự nâng đỡ nhau để giúp thăng tiến trong đời tu thì tốt đẹp nhưng lại đi xa trong việc tạo bè phái, lập nhóm hoạt động ngầm…thì đó là những hình thức lệ thuộc gây chia rẽ cộng đoàn.

Có một hình thức tương giao sâu đậm hơn, người ta thường nói đến một sự lệ thuộc trong tương giao cha bố tinh thần, soeur mẹ thiêng liêng… Khởi đầu đều phát xuất từ ý hướng ngay lành là nâng đỡ nhau trong ơn gọi tu trì. Nhưng thường nảy sinh những sự lạm dụng mà chỉ cần quan sát khách quan cũng thấy là có những điều bất ổn. Điều này là một biểu hiện của sự lệ thuộc tình cảm. Đôi khi các tu sĩ trẻ nại vào đó để tìm một sự an toàn nào đó, nếu không muốn nói là giả tạo vì chỉ có Chúa mới là chốn con tựa nương đúng nghĩa và đích thực nhất.

Tại sao xem đây là sự an toàn giả tạo ? Chúng ta biết rằng có những người lệ thuộc, tự xem mình là yếu thế nên dựa vào thế giá cha này, soeur nọ có uy thế và “tiếng nói” trong cộng đoàn để tìm cảm giác an toàn nào đó. Nhưng xét sâu xa của sự lệ thuộc ấy đến từ một mặc cảm yếu kém hay có một quan niệm và hình ảnh bản thân nghèo nàn. Có thể nói, nguyên nhân chính của mọi sự lệ thuộc chúng ta đang bàn đến đều khởi đi từ *lòng tự trọng.* Thật vậy, một khi bản thân không đủ tự tin để nhìn nhận những điểm mạnh của mình và đủ khiêm tốn để lượng giá những điểm yếu của bản thân thì họ đi tìm những đánh giá bên ngoài bằng sự khen ngợi hay tâng bốc từ người khác và những tương giao linh tông, huyết tộc. Có thể nói, đây là biểu hiện của một sự thiếu trưởng thành tâm cảm mà hệ lụy là đương sự sẽ bị phân tâm và rắc rối ở chiều kích cộng đoàn và tâm linh.

Cũng có một nguyên nhân khác dẫn đến sự lệ thuộc tình cảm này là do tổn thương tuổi thơ và một quá khứ mang nhiều ẩn khuất, nếu những đối tượng này không được các nhà đào tạo quan tâm đúng mức thì đương sự chỉ cố che giấu và tạo một mặt nạ mà cộng đoàn có thẻ chấp nhận được rồi diễn sâu và diễn lâu trong thời gian chịu sự đào tạo. Và một khi đương sự đã được hội đồng chấp nhận cho khấn vĩnh viễn, trở thành thành viên thực thụ của cộng đoàn rồi thì không còn tình thế cứu vãn. Nói như thế, không phải chúng ta khẳng định rằng người ấy không có ơn gọi ở cộng đoàn này. Thật ra, Chúa đã không muốn thì Ngài có cách để loại thành phần ấy ra khỏi cộng đoàn. Như vậy, việc họ được vĩnh khấn là một điều Chúa muốn và chuẩn nhận; thế còn tình trạng dở khóc dở cười kia qui trách nhiệm cho ai ?

Chúng ta biết rằng để có một “quả” ngon, phải hội đủ hai yếu tố “nhân” và “duyên”. *Nhân,* ở đây là nguyên nhân là cái mầm ban đầu, cụ thể ở đây chính là tình trạng tâm hồn của ứng sinh. *Duyên,* ở đây là môi trường bên ngoài tác động vào, trong trường hợp chúng ta đang bàn, là môi trường đào tạo (cộng đoàn), các người trong ban đào tạo và cả chương trình huấn luyện và đào tạo. Ngoài ra, chúng ta cũng không quên vai trò của vị đồng hành. Xét đến đây, chúng ta mới thực sự trân trọng những gì chúng ta xem là hoa quả đúng nghĩa, là đào tạo nên một tu sĩ trưởng thành thực sự. Phần còn lại, chúng ta hãy phó thác cho quyền năng của Chúa, Đấng làm chủ lịch sử và biến đổi mặt địa cầu.

Giờ đây, chúng ta xét đến cấp độ cao nhất thuộc phạm vi tâm linh. Chúng ta biết rằng càng xét đến những cấp bậc cao hơn thì sự lệ thuộc càng tinh tế hơn. Trong hành trình tâm linh, Giáo hội đề ra rất nhiều phương pháp tiếp cận từ gương của các thánh và các nhà thần bí. Nhưng dù sao, những thứ đó cũng chỉ là phương tiện giúp chúng ta đạt đến Chúa, nhưng vì tính lệ thuộc đã biến thành một thứ tập quán khiến con người bám chặt vào một phương pháp nào đó, đồng thời, loại bỏ tất cả những cách thức khác, điều này dễ tạo nên một sự lệch lạc về nhận thức thực tại. Và khi đó, bản thân không còn khả năng phân biệt điều chính yếu – cái phụ thuộc. Triết lý nhà Phật cho chúng ta một kinh nghiệm rất quý báu: *phùng Phật sát phật,* nghĩa là gặp Phật thì sát phật. Phật viết hoa được hiểu là Thực tại, còn phật viết thường là những phương pháp hay kinh pháp…Như vậy, trong hành trình đi tìm chứng nghiệm Đấng Tuyệt Đối, chúng ta được chỉ vẽ rất nhiều con đường để đạt đến đích. Vậy một khi đã chạm đến Đấng ấy thì phải loại bỏ những gì cản bước chúng ta, đó có thể là kinh kệ, tượng ảnh…Có lẽ, gương sáng của thánh Thoma Aquino sẽ giúp chúng ta hiểu hơn điều đang bàn đến. Hạnh tính kể lại rằng vào những năm cuối đời, ngài đã quyết định buông bỏ hết để sống chiều kích chiêm niệm. Một vị thử ký của ngài đến hỏi ngài rằng:

-Bộ Tổng luận thần học chỉ còn vài chương, vậy cha có ý định tiếp tục viết cho xong không ạ ?

-Ngài nói: Bây giờ tôi xem tất cả những thứ đó như rơm rác vậy.

Và ngài tiếp tục sống chiêm niệm với một Đấng mà ngài hằng viết về và được mô tả cách nào đó trong bộ Tổng luận này.

Từ đây, thánh nhân không còn câu nệ vào câu chữ hay lệ thuộc vào kiến thức uyên thâm nữa, chúng chỉ có giá trị trong suy tưởng của con người. Trái lại, ngài sống bằng con tim với những trải nghiệm sâu xa về một Đấng quan phòng yêu thương mà trước đây ngài không ngớt lời rao giảng và ca tụng trong các án văn chương nữa.

Cũng trong chiều kích tâm linh này, chúng ta liên hệ mở rộng ra đến đời sống luân lý. Để nhấn mạnh đến tính lệ thuộc trong đời sống đạo đức thường ngày, giới nhà đạo hay dùng hạn từ *nô lệ cho tội lỗi.* Nếu như việc lệ thuộc vào những gì liên quan đến đời sống thể lý, tâm lý và tâm linh nói chung sẽ dẫn đến những rắc rối và cản trở trong đời sống tu trì thì với việc *nô lệ cho tội lỗi* sẽ có nguy cơ phá hủy toàn bộ những gì là tốt lành nơi một tu sĩ vì nó ảnh hưởng đến chiều kích mang tính đời đời. Theo quan điểm tu đức trước đây, đời sống của một tu sĩ cần phải loại bỏ mọi thứ dẫn đến tội trọng và cả tội nhẹ kịp suy mà chỉ còn vướng phải những tội do yếu đuối của thân xác thôi, chẳng hạn: việc ăn uống vô độ khiến không giữ mình trong việc ép xác để thanh thoát mà đến cùng Chúa. Còn ngày nay, do quá nhiều cạm bẫy giăng ra trước mắt các tu sĩ thì việc sống trong dịp tội và phạm những thứ tội nặng nề lỗi đến lời khấn là chuyện bình thường. Chẳng hạn như việc xem những hình ảnh xấu xa kích thích sự ham muốn dễ dẫn đến sa ngã lỗi phạm về đức khiết tịnh.

Chúng ta cũng cần ghi nhận tình trạng nô lệ này là một quá trình. Ban đầu chỉ là những bóng mây kích thích lên giác quan rồi lởn vởn trong tâm trí, đến một lúc nào đó, chúng trở thành đối tượng của lòng ham muốn, thế rồi, vị ấy tiếp tục chơi trò rượt đuổi đến một lúc, bản thân quy phục và nô lệ hoàn toàn. Từ đó, chúng sẽ kéo vị ấy đến những chân trời mà ở đó chỉ có “hai ta”. Kết cục, chúng đã thành công khi kéo vị này xa rời lý tưởng đời tu và những đòi hỏi của Tin Mừng.

Xét cho cùng, tính nô lệ này chỉ được biện minh trong Chúa như thánh Têrêsa Avila đã nói: *Con xin làm nô lệ của Tình Yêu.* Sự nô lệ này không làm hủy hoại tính nhân bản của con người, trái lại, còn giúp con người sống sung mãn khi cậy dựa hoàn toàn vào tình yêu của Đấng là Tân Lang hiến mình làm giá chuộc muôn người. Vậy, một khi sống dưới quyền cai trị của một ông chủ hiến mạng sống mình vì mình thì chắc hẳn, tên nô lệ ấy cần sống hết mình thế nào để đáp lại tình yêu của Đấng đã chết thay cho mình.

# THÀNH KIẾN

Chúng ta có thể hiểu *thành kiến* một cách đơn giản, *kiến* ở đây là một ý kiến, quan điểm hay góc nhìn về sự vật hiện tượng hay con người, còn *thành* có thể hiểu là khung thành, nghĩa bóng là sự đóng khung. Theo một nghĩa phát sinh, *thành,* ở đây cũng có thể hiểu là hoàn thành và như thế, không gì dời đổi được. Như thế, *thành kiến* có thể được hiểu là ý kiến hay quan điểm bị đóng khung trong một phàm trù cố hữu nào đó. Nhưng vì chúng được áp dụng cho con người vốn sống với cảm xúc yêu – ghét; từ đây, chúng ta có thể phân làm hai loại: tốt và xấu.

Thật vậy, dù có góc nhìn và đánh giá tốt hay xấu hơn thực tại thì đều mang tính lệch lạc. Có thể vì do hiệu ứng hào quang mà có nhiều người đã đề cao và ủng hộ thần tượng của mình đến mức giải thích những sai lỗi của họ thành đúng, có lý hay giảm trừ tính trầm trọng của vấn đề. Điều này dễ dẫn đến một tương giao được xây dựng không dựa trên sự thật dễ lung lay và gây tổn thương cách nào đó. Còn nếu quan sát và đánh giá vấn đề xấu hơn tình trạng vốn có thì sẽ làm vương hại đến những người liên hệ và cũng tạo ra nơi chủ thể một nhận thức sai lầm. Schopenhauer thật chí lý khi nói: “*Nhà tù lớn nhất trên thế giới là nhận thức của con người”.* Như thế, sự nhận thức sai lầm còn giam hãm tinh thần của chủ thể đến mức nào !

Vì chủ đề *thành kiến* này được liên hệ trong đời sống cộng đoàn, chúng ta chỉ xét đến những mối tương giao qua lại giữa các tu sĩ.

Ở một góc độ nhân bản hơn, thành kiến được giải thích là việc chúng ta tiếp cận một vấn đề mới bằng những hiểu biết và kinh nghiệm cũ. Để giúp bạn đọc dễ hiểu hơn về khái niệm này, xin mượn sự kiện chương trình của chiếc máy tính để minh hoạ. Việc thành kiến ví như việc chúng ta dùng một chương trình lỗi thời để đưa vào ứng dụng của một chương trình mới. Điều đương nhiên sẽ xảy ra là máy tính của chúng ta sẽ báo lỗi vì không thể ứng dụng vào thực hành được. Cũng vậy, khi một tu sĩ có một sự hiểu biết nào đó về một tu sĩ khác nhưng một thời gian sau gặp lại, mặc dù cả hai bên đều thay đổi nhiều theo định luật biến dịch, thế mà, họ lại gặp gỡ nhau và trao đổi qua lại với những hiểu biết và những dữ kiện cũ, cuối cùng đã sinh ra xung khắc và bất hoà đến mức không thể hàn gắn lại. Đó là một hình thức bất cập của thái độ thành kiến.

Điều này cũng dễ nhận ra trong gia đình khi mà người vợ cứ nhai đi nhai lại những lỗi của người chồng. Thái độ thành kiến ấy đã khiến gãy đổ bao gia đình vì cả hai bên đều không chấp nhận con người hiện tại của nhau mà chỉ sống với những quá khứ không được tích cực lắm. Còn trong đời sống dòng tu, những thành kiến đại loại như thế đã dẫn đến những thái độ trực thượng, nghi kỵ, gian dối…Hậu quả là họ không thể trao đổi, hợp tác trong việc chung, nặng hơn nữa, là tình trạng trừ khử nhau: có chị thì không có tôi, anh ấy ở đầu này thì tôi phải ở đầu kia…Nếu hiểu biết và kinh nghiệm cũ không nuôi dưỡng khả năng chấp nhận và yêu thương nhau thì chúng ta không nên để nó chiếm quá nhiều trong dung lượng tâm thức. Quả thật, khi thành kiến về một ai đó, chúng ta đã đánh mất một cơ hội để yêu thương họ. Mà người bị thiệt hại đầu tiên lại là chính mình.

Dẫu biết những tác hại khôn lường của thái độ tiêu cực này, nhưng sao nhiều người vẫn mắc kẹt mà không tìm được lối thoát ? Tại sao đã bị lừa một lần thì chừa đến già ? Có thể nói, đó là lỗi của cơ chế tâm lý không giải mã và phân biệt được đối tượng nào nguy hại hay lành mạnh. Khi ấy, xu hướng chung là họ sẽ nghi ngờ mọi sự. Tuy nhiên, thay vì tìm mọi dẫn chứng để thuyết phục mình rằng đây là đối tượng mới mẻ thì họ lại tự vệ, cố hữu, giữ khoảng cách an toàn, và như thế, họ có thể đánh mất những cơ hội để tiếp xúc một người đáng yêu.

Chúng ta sẽ dừng lại lâu hơn để giải thích cách vận hành của tâm thức nhờ đó mà tập giải mã những vấn nạn trong cuộc sống. Thật vậy, bộ não của chúng ta có một cơ chế sàn lọc thông tin, chẳng hạn sau khi đã tiếp xúc một bậc tri thức nào đó chúng ta có thể khẳng định rằng người ấy nói chuyện hay nhưng cách sống lại không phù hợp với những những gì cá nhân xác tín, nghĩa là ngôn hành bất nhất. Hiểu biết và trải qua kinh nghiệm ấy đã cho vị tu sĩ một xác tín rằng người học thức cao nói hay mà không làm được. Nếu vị này vì thiếu tỉnh táo sẽ có thái độ thành kiến trên một tu sĩ tri thức khác rằng: “Lão này chắc cũng vậy, sẽ ngôn hành bất nhất thế thôi!”. Và như thế, vô tình họ đánh mất đi tính đơn sơ và thành thật khi nhận định một con người mà họ chưa từng tiếp xúc gần gũi.

Thói thành kiến này càng nguy hại hơn khi các tu sĩ cả ngày sinh hoạt chung với nhau trong vài mét đất, họ khó có thể giữ được tâm thế quân bình khi đánh giá một người anh chị em trong cộng đoàn. Khi ấy, người thành kiến sẽ tự cô lập những cảm hứng sáng tạo, mất đi tính ngạc nhiên của một người trưởng thành, làm “bóc hơi” năng lực ý chí chuyển hoá đối tượng. Thật ra, việc người thành kiến bảo vệ và cố hữu trong kinh nghiệm cũ kỹ của mình vốn chỉ để bảo vệ cảm xúc cạn cợt của bản ngã, đồng thời, vuốt ve một chút sự tự tin nào đó về những hiểu biết của bản thân. Xét cho cùng, họ là những người đáng thương vì đã giam mình trong một nhận thức lỗi thời và một tâm thức lầm lạc. Ngoài ra, do sự ích kỷ vốn có, họ còn khoá chặt trái tim khiến không ai có thể bước vào cuộc đời họ, vì bất cứ ai cũng có thể làm cho họ tổn thương thêm một lần nữa.

Sau một thất bại nào đó trong tương giao, phản ứng tự nhiên của một người là tự vệ và nghi ngờ mọi sự nhưng cần vượt qua tình trạng này bằng những phương pháp chữa lành để tài bồi kỹ năng phản biện, nghĩa là đặt lại mọi vấn đề xoay quanh việc thất bại rồi nhận định và lượng giá, hầu đưa ra một tầm nhìn mới cho tương lai với việc nâng cao nhận thức và mở rộng dung lượng trái tim. Đối với người trưởng thành, một thất bại là một cơ hội thuận tiện giúp bản thân xây dựng sự tự tin và lòng quảng đại. *Tự tin* vì hiểu biết thêm về một tình huống bất trắc để xoay xở tốt hơn và *quảng đại* vì ý thức giới hạn của bản thân, đồng thời, chấp nhận và cảm thông với những giới hạn của người khác. Điều này giúp bản thân luôn đặt mình vào vị trí của người khác để có góc nhìn đa chiều, nhờ đó, những hiểu biết và nhận thức về sự vật hiện tượng hay một con người bớt phần chủ quan hơn. Khi đó, mỗi cuộc tiếp xúc với người anh chị em đồng tu là một phiêu lưu đi tìm ẩn số của mỗi nhân vị, mỗi hình ảnh của Thiên Chúa. Ngài đã yêu thương mọi người và qui tụ họ sống trong một cộng đoàn yêu thương.

# XÉT ĐOÁN

Có thể nói, một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự chia rẽ và mất bình an trong cộng đoàn đó là sự xét đoán. Đây cũng là điều làm cho nhiều người dễ ngộ nhận nhất vì chính Chúa đã dạy rằng không được xét đoán và như thế, không ai được quyền xét đoán người khác dưới bất cứ hình thức nào.

Thật ra, vấn đề nào cũng có hai mặt, ngoài mặt tiêu cực mà nhiều người hay bàn đến, sự xét đoán cũng có mặt tích cực. Trước tiên, chúng ta cần xác định ngay xét đoán nằm trong phạm vi nhận thức của con người. *Xét,* ở đây được hiểu là xem xét. Còn *đoán,* được hiểu là phán đoán. Như thế, một khi xét đoán là chúng ta làm công việc của vị bác sĩ. Họ xem xét vấn đề bằng cách dùng mọi giác quan để tìm dữ liệu làm cơ sở phán đoán một căn bệnh đang tiềm ẩn nơi bệnh nhân. Họ vận dụng mắt để quan sát nước da, màu mắt…; dùng tai để nghe tiếng nói thều thào hay nhát gừng của người bệnh…sau đó, họ dùng phương pháp loại trừ và nếu chưa rõ, họ cần phải xử lý trên các mẫu xét nghiệm được lấy kết quả từ các máy móc hiện đại. Có kết quả rồi, họ sẽ dựa vào đó để chẩn đoán bệnh. Có thể nói, các bước trên thì bác sĩ nào cũng có thể xử lý được, nhưng đọc kết quả thì đòi hỏi một sự chuyên môn mà đa phần người ta dựa vào đây để đánh giá đẳng cấp của vị bác sĩ. Lướt qua công việc tiến hành của một bác sĩ, người viết muốn nói rằng xét đoán là một công việc rất khoa học. Thế nhưng, con người lại để cho cảm xúc lấn át mọi phán đoán của nhận thức mà dẫn đến những hậu quả khôn lường. Thật vậy, cảm xúc là phản ứng yêu thương hay ghét bỏ, nó có thể làm lệch hướng mọi nhận xét khiến dẫn đến sự xét đoán đầy cảm tính.

Khi nói đến một hành vi xét đoán, chúng ta cần xét đến những yếu tố ngoại tại và nội tại. Những yếu tố ngoại tại có thể là tác động của hoàn cảnh và chi phối của người khác. Xin đơn cử câu chuyện của một vị bác sĩ chuyên khoa. Một ông bố cũng trạc tuổi trung niên có đứa con bị đau nặng mà các bác sĩ định bệnh cần mổ gấp. Vì tính nghiệm trong của ca bệnh mà các bác sĩ cần sự can thiệp của vị trưởng khoa. Bệnh viện báo lại cho ông bố của bệnh nhân về tình hình rất khó khăn vì phải chờ vị trưởng khoa sắp xếp việc nhà. Người đàn ông tỏ ra bực mình và hết lời mắc nhiếc vị bác sĩ và bệnh viện thiếu trách nhiệm. Giờ hẹn mổ đã được lên lịch, mọi người chờ vị bác sĩ ấy vào phiên. Vừa thấy vị bác sĩ bên ngoài, người cha của bệnh nhân mắng xối xả, bác sĩ ấy không đáp một lời và vào ngay phòng mổ. Mổ xong, bác sĩ cởi y phục và vội vã ra đi. Người đàn ông nóng tính ấy chặn đường và hỏi thăm kết quả. Bác sĩ chỉ nói một câu: xin chú chờ y tá sẽ có báo cáo chi tiết, đoạn nhanh chân rời khỏi đó. Rồi vị y tá cũng đến bên thân nhân của bệnh nhân, cô lại nghe ông này than phiền về hành vi thiếu nhân bản của vị bác sĩ, vị y tá ôn tồn nói: xin chú thông cảm, ngài tranh thủ hoàn thành ca mổ, bây giờ về vội vã để tổ chức an táng cho người vợ. Người cha đau khổ kia xa xầm nét mặt và hối lỗi về những hành vi quá đáng của mình khi đối xử với vị bác sĩ điềm đạm kia. Người đàn ông này đã vội xét đoán về vị bác sĩ khi chưa biết và thông cảm với hoàn cảnh của người khác.

Trong đời sống tu trì cũng vậy, ai cũng tự tin rằng mình biết tất cả những gì liên quan đến người anh chị em chung sống mà đôi khi đã vội vàng xét đoán và lên án bất công. Thấy người anh em sáng nay đọc kinh trễ, thì một tu sĩ phán ngay: chắc đêm qua lại có phi vụ nào rồi mà chẳng tìm hiểu để biết rằng thầy ấy phải mất ngủ cả đêm vì đau bụng đi ngoài. Hoặc thấy một sơ vồn vã tiếp khách thì các sơ khác nói với nhau: chị ấy thiếu thốn tình cảm và tìm sự bù trừ nơi tương giao bên ngoài mà không biết rằng chính sơ ấy đang hiếu khách để an ủi người kia có người thân qua đời. Có thể nói, sự xét đoán vội vã chỉ mang lại sự chia rẽ và hiểu lầm khiến mất dần sự thuận thảo trong các tương giao giữa các anh chị em sống chung trong cộng đoàn.

Hơn nữa, để xét đoán một sự kiện liên quan đến một ai đó, yếu tố nội tại rất quan trọng và cần thiết. Thông thường, chúng ta quá nại vào những gì mắt quan sát và tai nghe gián tiếp đâu đó mà đã võ đoán, phán xét người anh chị em cách bất công. Có trường hợp một vị bề trên hiểu lầm do sự báo cáo sai lạc và thiếu cơ sở của các sơ không ưa một chị trong cộng đoàn, chị này phải giằng co trong một thời gian để đưa ra quyết định có nên ở lại cộng đoàn nữa không. Nếu như sơ này có được người hiểu biết, đồng hành và thông cảm để giúp mình củng cố tinh thần và giữ vững ơn gọi thì quá tốt. Đằng này, họ lại hùa theo bề trên mà xét đoán và kết án vội vã khi chưa có đủ chứng cớ thì vô tình dẫn người chị em đến đường cùng và việc quyết định ra đi của người chị em này thuộc trách nhiệm của ai. Cho dù sau đó bề trên và hội đồng có xin lỗi và sửa sai bằng cách nhận lại người chị em này thì thử hỏi tổn thương bên trong, ai là người phải gánh lấy.

Chúng ta đã có nhiều dẫn chứng cho những tác hại khủng khiếp do việc xét đoán gây ra. Ở đây, chúng ta cần phân tích chuỗi cơ chế tạo nên một xét đoán sai lầm để có thể giúp bản thân điều chỉnh phần nào với tật xấu không thể thiếu trong các cộng đoàn dòng tu này. Trước tiên, chúng ta cần giải thích câu nói của Chúa Giêsu: hãy lấy cái xà trong mắt của ngươi trước đã, rồi anh sẽ thấy rõ, để lấy cái rác ra khỏi mắt người anh em (X. Mt 7,4b). Có người giải thích rằng cần xét mình và tránh làm điều xấu đó rồi mới có nói đến cái xấu của người khác. Nếu nghĩ như thế thì không bao giờ có việc sửa lỗi trong cộng đoàn vì không ai là hoàn hảo và đủ tự tin để nói về những lỗi lầm của người khác vì bản thân cũng nhiều tội. Thật ra, chúng ta cần hiểu cái xà mà Chúa muốn gắn cho ai có khuynh hướng thích chơi trò xét đoán người khác, đó là nhận thức sai lầm. Cái xà là cái hiểu biết định kiến mà đôi khi ta đã áp đặt lên người anh chị em chung sống. Gỡ bỏ cái định kiến đó đi thì ta sẽ sáng suốt để phân tích cái rác trong mắt người kia. Cuối cùng, cái rác ấy lại là tàn dư của việc cái xà cản mắt chúng ta nhìn thấy rõ về thực trạng của người anh chị em ta.

Có một cách giải thích theo tâm lý học cũng cần ghi nhận ở đây, đó là hình thức phóng chiếu. Nghĩa là khi chủ thể tránh nhìn vào bên trong để lượng giá bản thân về một vấn đề nào đó, họ sẽ phóng chiếu lên người đối diện. Chẳng hạn, một nữ tu hay soi mói lỗi lầm của người chị em mình chỉ vì sơ này không dám đối diện với góc khuất của bản thân. Hoặc việc một tu sĩ ảo tưởng mình vô tội mà nhân danh việc tốt lành là xây dựng cộng đoàn mà nói xấu người này lên án người khác một cách vô căn cứ khiến gây xáo trộn và mất bình an trong cộng đoàn. Nếu dành vài phút tự phê bình bản thân, mỗi người sẽ nhận ra những lỗi đó nơi mình và sẽ thông cảm hơn với những lỗi phạm của người khác.

Có một qui tắc giúp ta tránh những xét đoán và lên án sai lầm, đó là tránh nhắm vào đối tượng mà chỉ dựa vào hành vi của đối tượng. Nghĩa là trong một khoảnh khắc nào đó, họ có hành vi sai lầm thì cứ xét đoán những gì liên quan đến hành vi ấy chứ đừng phủ lên họ một cái nhìn so sánh khi thêm vào thái độ yêu ghét của bản ngã. Thật vậy, chúng ta dễ dàng bao dung với lỗi phạm của người này, nhưng lại gay gắt và khắt khe với lỗi phạm của người khác, điều này dễ phát sinh bè phái trong việc bênh vực cho người đồng quan điểm hay yêu thích riêng tư. Một khi chúng ta có khuynh hướng dán nhãn luân lý lên người khác là có nguy cơ lên án và loại trừ người anh chị em mình.

Dường như chỉ có những người đã từng là nạn nhân và bị tổn thương do sự phán xét và lên án bất công mới thực sự dễ đồng cảm với những lỗi lầm của người khác. Khi ấy, họ nhận ra việc góp ý chân thành và thẳng thắn mới thực sự xây dựng và củng cố niềm tin, tình huynh đệ, sự hài hoà và bình an trong cộng đoàn.

# KHỦNG HOẢNG GIAI ĐOẠN HẬU KHẤN TRỌN

Trước khi đi vào chi tiết của vấn đề, người viết cũng cần bộc bạch vài tâm tình. Xét theo tính hợp lý của dàn bài tác phẩm này thì phần này nên đặt sau phần *Bảy thách đố trong đời sống cộng đoàn*. Còn nếu xét theo giai đoạn và đối tượng, người viết sẽ đặt trong phần *Các yếu tố tâm lý trong các giai đoạn huấn luyện.* Tuy nhiên, do tính hệ trọng của vấn đề, vả lại, để độc giả có thể hiểu và nắm bắt rõ vấn đề, tác giả cần đặt phần này sau một loạt các mục trình bày về những vấn đề trong đời sống cộng đoàn, để thấy rằng những vấn đề vừa trình bày trên, có một sự liên tục và khai sáng cho vấn đề mà chúng ta đang bàn.

Bên cạnh đó, chủ đề tế nhị này được nhiều bề trên các cộng đoàn đề nghị tác giả nghiên cứu sâu rộng, và nhờ vào việc đồng hành với một số tu sĩ trong giai đoạn này mà bản thân cũng muốn đưa ra vài quan điểm cá nhân xoay quanh vấn đề này.

Trước hết, chúng ta hiểu từ ngữ “khủng hoảng” (*crisis*) theo hai nghĩa: nghĩa tiêu cực, là những yếu tố đưa đến sự suy thoái và tan rã; nghĩa tích cực, là những yếu tố giúp phân biệt để đi đến một chọn lựa khác, đưa tới một sức sống mới, để phát triển và lớn lên. Thật vậy, khủng hoảng không chỉ có nghĩa là tâm trạng mất quân bình, mất định hướng hoặc có nhiều mâu thuẫn nội tâm, nhưng còn là một thách thức trở nên chính mình, một đòi hỏi quyết liệt cần phải có một thái độ mới trước những thay đổi trong cuộc sống.

Chúng ta biết rằng theo nhà tâm lý học Erik Erikson trong đời sống con người nói chung, đều trải qua nhiều cuộc khủng hoảng như những bước tiến dần đến một nhân cách trưởng thành. Đời tu cũng vậy, có nhiều giai đoạn khủng hoảng nhưng ở đây, chúng ta muốn nhấn mạnh đến cuộc khủng hoảng ở giai đoạn sau khấn trọn. Có thể nói, giai đoạn này khá quan trọng vì chúng quyết định đến tính bền vững của đời tu và phẩm chất mà các tu sĩ sống và thủ đắc trong đời sống cộng đoàn.

Chúng ta thấy có nhiều hình thái khủng hoảng khác nhau, nhưng có lẽ cuộc khủng hoảng khó vượt qua và có ảnh hưởng mạnh nhất chính là cuộc khủng hoảng ý nghĩa hiện sinh của mình. Cuộc khủng hoảng này có thể miêu tả như thế này: sau khi nỗ lực phấn đấu vượt qua những khó khăn thử thách trong một hành trình dài của đời tu, chúng ta đạt đến được mục đích căn bản của đời tu là tuyên khấn (khấn trọn).

Có nhiều thay đổi sau cuộc khủng hoảng trong giai đoạn khấn trọn, điều này tuỳ thuộc vào thái độ của từng tu sĩ hoặc tránh né hay trực diện vấn đề này. Biến đổi theo chiều hướng tiêu cực hay tích cực đều tuỳ thuộc tình trạng tâm hồn và thái độ cởi mở với thực tại nơi vị tu sĩ. Thật vậy, có những người cảm thấy trống rỗng, thiếu ý nghĩa, động lực sống và chưa thể định hình chỗ đứng của bản thân để định hướng cho những bước tiến tương lai, thì họ bắt đầu dựa vào ơn Chúa, làm sống lại chiều kích chiêm niệm, qua việc cầu nguyện, họ nhận ra ý Chúa trong bước đường tương lai. Trái lại, có những vị tu sĩ khác đã tìm cách chạy trốn và tìm sự an toàn trong tình trạng tầm thường đến mức báo động. Họ kéo lê đời tu như thể người không có ơn gọi sống trong cộng đoàn này. Họ không có một không gian dành riêng cho Đấng đã gọi và chọn họ sống trong hội dòng này. Họ chạy theo sứ vụ và lấp đầy ngày sống của mình bằng những thứ bên ngoài như việc phục vụ từ sáng đến tối, đồng thời, chịu tác động và bị lôi kéo từ những tương giao bên ngoài cộng đoàn, và càng nguy hiểm hơn nữa với những người khác phái trong giới tu sĩ hay linh mục với một ý hướng ban đầu xem ra rất ngay lành.

Có một trường hợp của một nữ tu của một hội dòng, nữ tu ấy phải trải qua một giai đoạn khó khăn trong tương giao với một vài chị em trong cộng đoàn. Người nữ tu này trở nên khép kín và thụ động trong tương giao, nếu không muốn nói là tự cô lập mình. Đồng thời, gia đình ông bà cố gặp khó khăn về tài chính. Có một thanh niên việt kiều tình nguyện giúp đỡ gia đình vượt qua giai đoạn đó. Người nữ tu này rất biết ơn và xem người này như vị ân nhân. Sau thời gian liên hệ qua lại, hai người lại nảy sinh tình cảm. Thế là nữ tu ấy đến gặp một vị linh hướng và hỏi: Con có ơn gọi đi tu không ? Đó là một trong muôn vàn trường hợp trở nên cạm bẫy trong đời tu !

Trong bài phát biểu của Đức Thánh Cha Phanxicô tại phiên họp khoáng đại của Bộ về các Hội Dòng thánh hiến và các Tu Đoàn tông đồ ngày 28-01-2017, có đoạn viết rằng: “Chúng ta có thể nói khá đúng rằng vào thời buổi này sự trung tín đang bị thử thách […]. Chúng ta đang đối diện với một “sự xuất huyết” đang làm cho đời sống thánh hiến và sự sống của chính Giáo Hội bị yếu dần đi. Những chuyện rời bỏ trong đời sống thánh hiến khiến chúng ta cảm thấy ưu tư. Đúng là có một số người rời bỏ như là một hành động của sự nhất quán, bởi vì họ nhận ra rằng, sau khi nghiêm túc phân định thì họ chưa bao giờ có ơn gọi. Tuy nhiên, những người khác, qua một khoảng thời gian thì không còn trung thành nữa, nhiều khi chỉ sau vài năm sau khi tuyên khấn vĩnh viễn.”[[33]](#footnote-33) Điều đó cho thấy sự quan tâm của ngài đối với những nam nữ tu sĩ trong giai đoạn này. Chính đây cũng là động lực giúp bản thân cần tìm hiểu và phân định lại những gì Chúa muốn nói qua dấu chỉ thời đại này.

Chúng ta sẽ từng bước phân tích những nguyên nhân từ bên ngoài cho đến bên trong để nhận ra tính hệ trọng của vấn đề đang bàn. Trước tiên, chúng ta cần xác định giai đoạn sau khấn trọn cũng là giai đoạn tuổi trung niên mà theo y học, các tu sĩ bước vào giai đoạn tiền hoặc mãn kinh. Y học đã đưa ra sự biến đổi và xáo trộn của các tiết tố trong giai đoạn tiền hoặc mãm kinh nơi phụ nữ và ngay cả đàn ông. Mặc dù yếu tố sinh lý này chỉ tuỳ phụ nhưng với một số đối tượng lại gây tác động mạnh mẽ lên cảm xúc và thái độ thường ngày. Có thể chỉ do từ một “sự khó chịu” trong cơ thể cách nào đó lại khiến cho vị nữ tu nào đó mất đi việc kiểm soát cảm xúc mà phản ứng tiêu cực với người chị em, rồi dẫn đến sự cô lập lẫn nhau. Đây là bước đầu khó khăn nếu không vượt qua, họ sẽ dễ bị “con chó sói trầm cảm” tấn công. Và khi đó, họ thu mình về và đánh mất mọi tương giao kể cả việc cầu nguyện, tương quan với Chúa.

Cũng có những tu sĩ bước vào đời tu như cuộc chạy trốn hoàn cảnh gia đình, họ mang những vết thương sâu do cha mẹ hay người thân để lại. Do việc huấn luyện và đạo tạo quá khắt khe khiến họ không cởi mở để cho các nhà đào tạo giúp chữa lành. Bởi đó, người đồng hành cần thực sự tinh tế để “khai thác” những góc khuất này hầu giúp đương sự đối diện, và cho họ biết chính họ là chủ nhân của mọi cuộc chữa lành với sự cộng tác ơn Chúa. Có thể nói, việc này cần được giải quyết rốt ráo trước khi bước sang giai đoạn mặc áo tập. Bởi vì trong năm tập, các ứng sinh chú trọng đến đời sống tu đức theo linh đạo dòng mà một trong những phương thế quan trọng là việc cầu nguyện và sống kết hợp với Chúa. Nếu một tâm hồn còn bị thương tổn nặng nề, họ chỉ quay quắt trong chính mình thì làm sao sống việc cầu nguyện và tạo tương giao lành mạnh với anh chị em. Như vậy, họ sẽ đánh mất đi chiều kích cộng đoàn và đời sống bám chặt vào Chúa. Cũng có thể họ cố “nín thở qua cầu”. Đến khi khấn trọn rồi, họ sẽ buông xuôi và mất định hướng. Một khi không còn tìm được ý nghĩa và niềm vui trong đời dâng hiến, họ bị cám dỗ bỏ tu để tìm sự dễ dãi bên ngoài hơn là sống mà phải đáp ứng những yêu sách của cộng đoàn.

Có thể nói, phần lớn các cuộc khủng hoảng đều khởi đi từ chính đương sự mà một trong những yếu tố được các văn kiện bàn về đời tu gần đây của Giáo hội nhắc đến, đó là *Đánh mất tình yêu thuở ban đầu.* Chúng ta biết rằng một khi đương sự đã quyết định khấn trọn và được cộng đoàn thay mặt Giáo hội và Chúa chuẩn nhận thì không còn phải đặt lại vấn đề đương sự có ơn gọi tu trì hay không mà là vị tu sĩ ấy đã đáp trả thế nào với hồng ân cao cả và đặc biệt ấy. Thực tế cho thấy, một phần do đương sự thiếu quảng đại trong việc đáp trả tình yêu và phần khác do thiếu sự hy sinh trong đời sống dâng hiến mà dần dà rút lại nhưng gì đã quyết tâm hiến dâng trong ngày tuyên khấn. Đúng như lời Chúa Giêsu nói muối mà nhạt đi thì lấy gì mà muối lại…Còn trong Tông huấn về đời sống thánh hiến, thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã nói: “*Khi cái ‘vĩnh viễn’ trở nên yếu đuối thì bất cứ lý do gì cũng đủ để rời bỏ con đường đã chọn”.[[34]](#footnote-34)* Chiều kích *vĩnh viễn* ấy, ở đây, được hiểu là tình yêu dành cho Chúa. Quả thật, một khi đương sự đã xa rời đời sống cầu nguyện và chẳng thiết tha với việc trung thành trong giao ước đã ký kết thì việc rời bỏ lý tưởng đời tu là một việc sớm hay muộn gì cũng sẽ xảy ra.

Trong văn kiện *Hồng ân trung tín và niềm vui kiên trì* của Bộ các hội dòng đời sống thánh hiến và các tu đoàn tông đồ, số 14 có đoạn viết: *“Không thể nào bỏ qua ảnh hưởng của nền văn hóa quy ngã có khuynh hướng đề cao khoái cảm và đòi hỏi tự do không giới hạn, đặc biệt trong phạm vi cảm xúc và đời sống tình dục.” [[35]](#footnote-35)* Mặc dù, đây chỉ là yếu tố tác động bên ngoài nhưng sự ảnh hưởng sâu rộng của nó chính Giáo hội xác nhận cách khách quan rằng đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc xuất tu của một số tu sĩ và linh mục. Ở đây, theo đánh giá của một số nhà đào tạo, các tu sĩ hay linh mục này đã thiếu trưởng thành trong việc kiểm soát những cảm xúc để rồi dễ chạy theo những cám dỗ mà văn hoá thời đại chào mời. Do việc không biết mình đủ, nhất là những điểm yếu của bản thân để trau dồi nhân đức và bám vào ơn Chúa để chiến đấu và vượt qua. Từ đó, đương sự đã sa ngã, và vì trốn tránh trách nhiệm và thiếu lòng khiêm tốn mà dẫn đến việc xuất tu như một giải pháp nhằm tránh liên luỵ đến thanh danh của hội dòng mình đã sống, và đây là lối thoát duy nhất.

Cũng từ nhận định của văn kiện trên, chúng ta rút ra được 2 nguyên nhân khác, đó là *ảnh hưởng văn hóa quy ngã* và *đòi hỏi tự do không giới hạn.* Thật vậy, sau khi khấn trọn, các tu sĩ tưởng mình không còn trong giai đoạn đào tạo nữa, mọi ý nghĩ và ước muốn của người trong cuộc dễ lấy bản thân mình làm điểm quy chiếu, và nhân danh tự do cá nhân mà hành động bất chấp truyền thống của cộng đoàn và hội dòng, xa rời những chuẩn mực luân lý và đánh mất luôn giá trị đời tu.

Còn một yếu tố nội tại quan trọng hơn mà người ngoài cuộc khó thẩm định chỉ sau khi đương sự xuất dòng, mọi người mới ngộ ra, đó là động lực tu không chắc chắn hoặc thiếu lành mạnh. Có thể trong vô thức, người ấy bị thúc đẩy bởi sự khao khát đáp ứng các nhu cầu mà họ không thể thực hiện khi còn ở ngoài đời. Chẳng hạn, việc họ cố gắng tìm cách tiến thân trên con đường tri thức nhưng một khi đã đạt được rồi, họ rời khỏi đời tu như rút lui một trận đấu thuộc phạm vị thế tục. Hay trường hợp của một tu sĩ dòng Tên do tác giả Carlos G. Valles dòng Tên, trong tác phẩm *Chúng tôi đã gặp thấy Chúa,* đã mục kích*.*Ngài kể: Tôi có một người anh em trong dòng rất gương mẫu và tận tụy trong việc bổn phận và đời sống tu trì, đến nỗi các bề trên đã giao phó cho anh ấy nhiệm vụ tinh tế nhất là hướng dẫn và đào tạo các tu sĩ trẻ của dòng mà vai trò này đòi buộc đương sự phải khôn ngoan và thánh thiện. Anh đã hoàn thành nhiệm vụ này một cách chu đáo và kính cẩn, nhờ đó, anh làm hài lòng các vị bề trên và những người dưới quyền của anh. Có thể nói, với những gì vị tập sư này đạt được, người đời có thể cho rằng ngài sống bình an và hạnh phúc trong ơn gọi vì đã đạt được những quyết tâm bản thân và những nguyện vọng của cộng đoàn đề ra. Thế mà, một hôm anh đã chia sẻ với tác giả: “*Tôi chưa bao giờ có, kể cả lúc này, ơn gọi làm tu sĩ dòng Tên. Người có ơn gọi này chính là mẹ của tôi”.* Và khi mẹ của cha ấy mất, cũng là lúc ngài quyết định xuất dòng để sống với những hoài bão của mình.

Thiết tưởng cũng cần nhìn nhận rằng bất cứ cuộc ra đi nào đều có lỗi từ hai phía ít nhiều: đương sự và cộng đoàn. Trên đây, phần lớn chúng ta phân tích những yếu tố ngoại tại và nội tại xoay quanh đương sự nhưng cũng cần lưu ý đến yếu tố cộng đoàn. Theo văn kiện *Hồng ân trung tín và niềm vui kiên trì* của Bộ các hội dòng đời sống thánh hiến và các tu đoàn tông đồ, đã khẳng định một phần do chất lượng của cộng đoàn. Thật vậy, một khi cộng đoàn là môi sinh giúp các tu sĩ duy trì, củng cố và phát triển ơn gọi mà lại bị ô nhiễm cách nào đó, đương sự sẽ cảm thấy bị ngột ngạt, không được sự nâng đỡ hay dìu dắt của cộng đoàn, dễ sinh chán nản trong Nhà Chúa. Trong lúc bản thân đang bị tổn thương thì hoàn cảnh khó khăn ập tới khiến cuộc khủng hoảng càng trở nên trầm trọng đến mức khó vượt qua. Tuy nhiên, nếu bản thân còn bám vào Chúa thì ắt sẽ vượt qua vì Ngài đã hứa: *Ơn Ta đủ cho con,* nhưng nếu không xác tín điều này thì đương sự sẽ chọn giải pháp xuất dòng.

Xét đến cùng, cho dù cộng đoàn có sống thiếu chất lượng mà đương sự đủ mạnh nhờ việc bám vào Chúa thì cũng sẽ vượt qua. Lịch sử Giáo hội đã được chứng minh qua gương thánh Gioan Thánh Giá và thánh Têrêsa Avila, các ngài đã quyết tâm cải tổ nhà dòng trong lúc các cộng đoàn nơi các ngài sống, trở nên sa sút. Như thế, yếu tố cá nhân vẫn mang tính quyết định hơn.

Theo gợi ý từ các triết gia hậu hiện đại và các nhà tâm lý hiện sinh, cuộc khủng hoảng hiện sinh này có thể vượt qua nhờ việc điều chỉnh về nhận thức thực tại cuộc sống. Cụ thể trong đời tu, mỗi tu sĩ cần tái khám phá giá trị sinh ơn cứu độ của đời tu với công cuộc loan báo Tin Mừng của Giáo hội. Từ đó, trái tim của người tu sĩ được mở rộng cho thế giới đến vùng ngoại biên để mọi người nhận biết ơn cứu độ của Đức Kitô. Bên cạnh đó, mỗi tu sĩ cần tái khẳng định vai trò và vị thế của mình trong cộng đoàn và trong lòng Giáo hội, ngõ hầu mỗi thành phần ưu tuyển này phát huy hết nét độc đáo và đặc sủng của mình trong vườn hoa Giáo hội. Ngoài ra, với phong thái sẵn sàng đương đầu với mọi khó khăn nhờ bám vào ơn Chúa, sống kết hợp với Ngài, và nhờ sự hậu thuẫn của cộng đoàn, các tu sĩ sẽ vượt qua mọi thử thách. Với sự kiên trì và lòng khao khát sống trung tín đời tận hiến của mỗi tu sĩ, những cuộc khủng hoảng chỉ là những dịp trắc nghiệm, như lửa thử vàng, giúp các tu sĩ được tinh luyện và vững mạnh hơn trong ơn gọi sống đời thánh hiến.

# CỘNG ĐOÀN LÀ MỘT GIA ĐÌNH

Có nhiều người đã không thể chấp nhận cách định nghĩa *cộng đoàn là một gia đình.* Họ xem đây chỉ là lý tưởng trên sách vở. Theo cách giải thích tiêu cực hơn, có người chỉ xem cộng đoàn như một nơi để bù trừ những tình cảm nhân loại. Nếu xét ở góc độ thuần nhân loại và theo tiêu chuẩn thông thường của một gia đình thì quả thật, cộng đoàn dòng tu không thể hiểu là một gia đình. Tuy nhiên, nếu hiểu cộng đoàn là nơi tập hợp những con người được Chúa chọn để sống lý tưởng Phúc Âm và Ngài là cha và chủ thì cộng đoàn ấy không những chỉ là gia đình mà còn mô phỏng gia đình thiên quốc nữa. Chính trong ý hướng này mà thánh Biển Đức đã muốn mỗi cộng đoàn đan tu là một gia đình đúng nghĩa.

Tu sĩ là những người đã xem “nhẹ” tình cảm gia đình hầu đặt “nặng” tình yêu thúc đẩy của Chúa trên hết mà bước theo Ngài và dấn thân trong một cộng đoàn, nhưng nếu cộng đoàn ấy không được đương sự nhận thức và sống như một gia đình thì thật là nguy hiểm. Tất nhiên, để ai đó nhận thức và nhìn nhận một môi trường mới như nhà của mình thì cần thời gian, nhưng nếu đương sự không tìm trải nghiệm trong cộng đoàn với tư cách là thành viên thực sự thì việc đứng núi này trông núi nọ là điều dễ hiểu. Nếu chỉ dừng lại ở yếu tố thời gian thì xem ra, theo bản tính tự nhiên, con người sẽ rập khuôn và sống thuần theo bản năng; trái lại, đòi buộc mỗi người cần ý thức trách nhiệm xây dựng môi trường mình sống, dần dà, với những tâm tình xứng hợp sẽ tạo hiệu ứng về một cảm thức thuộc về cộng đoàn và xem như là nơi được trở về với tất cả sự trân trọng và yêu thương.

Người viết muốn dùng hạn từ *trải nghiệm* vì ý thức rằng đây là một bước dấn thân phục vụ cộng đoàn như việc làm ích và trách nhiệm xây dựng của một thành viên trong gia đình vậy. Vì có những người bước vào đời tu mà đặt mình ở một vị thế tách biệt, họ chỉ biết đánh giá tốt – xấu, hay – dở mà không hề biết đời sống ấy có ý nghĩa gì với cuộc đời mình. Họ quên rằng có những cái bên ngoài trông có vẻ thô kệch nhưng lại chứa đựng một giá trị lớn lao. Họ chỉ nhìn thấy một bề trên nặng lời với một tu sĩ mà không nhận ra thiện chí của hai tâm hồn hướng thượng. Bởi vậy, bạn đừng nghe ai nói cộng đoàn là một gia đình mà tin ngay nhưng hãy *trải nghiệm* bằng chính con người bạn.

Đi tu không phải là đoạn tuyệt với gia đình, mà là thay đổi trọng tâm của đời sống tình cảm.[[36]](#footnote-36) Nếu đi tu mà phải đoạn tuyệt hay khước từ mọi liên hệ với gia đình thì đây quả là một quan niệm ngay ngô, nếu không muốn nói là phi nhân bản. Tất nhiên, mọi liên hệ tình cảm trong gia đình vẫn nên giữ một mức độ vừa phải, chấp nhận được. Thế đâu là tiêu chuẩn cho mức độ này? Điều này tùy thuộc vào nhiều yếu tố: - ngoại tại: kỷ luật của cộng đoàn, văn hóa địa phương…; - nội tại: tính cách, quan niệm…của mỗi cá nhân. Nhưng với phương tiện hiện đại thời nay, mọi sự tùy thuộc vào tính tự chủ của đương sự. Nghĩa là tránh việc lệ thuộc tình cảm gia đình quá nhiều và tham gia quá đáng vào những sinh hoạt của gia đình hầu không cản trở đương sự tháp nhập trọn vẹn vào cộng đoàn thánh hiến. Thực tế cho thấy, có những người xao nhãng sứ vụ cộng đoàn giao mà giây mình vào việc giải quyết những vấn đề của gia đình, dần dà mất đi sự liên kết và hiệp thông hữu cơ trong nhịp sống cộng đoàn, đồng thời, những lợi lộc thế gian và bã vinh quang trần thế có thể bóp nghẹt hay hút dần nhựa sống dấn thân phục vụ Nước Trời.

Đến đây, chúng ta có thể khẳng định mà không sợ sai lầm rằng: dù cộng đoàn thánh hiến không thể thay thế cho gia đình ruột thịt nhưng phải là nơi giúp mọi thành viên sống trưởng thành trong đời sống tình cảm. Tất nhiên, trong cộng đoàn có nhiều thành phần và nhiều thế hệ nhưng một trong những mục tiêu trong thời gian đào tạo là giúp ứng sinh trưởng thành tâm cảm. Nghĩa là họ phải dần dà sống độc lập trong mọi sinh hoạt và trách nhiệm trong mọi việc mình làm. Thật nguy hiểm cho một cá nhân không biết mình đủ, họ sẽ *hòa tan* thay vì *hòa nhập* vào một cộng đoàn. Họ sẽ dựa dẫm vào nơi nào xem ra vững chãi mà hùa vào phe này nhóm nọ làm băng hoại cộng đoàn. Khi đó, cộng đoàn không còn được sống như một gia đình là nơi an toàn để một thành viên trở về nghỉ ngơi mà là một nơi khiến nhiều người tìm cách thể hiện mình và ảnh hưởng trên người khác.

Đến đây, chúng ta cần ghi nhận có một sự bù trừ là có người có xu hướng dựa dẫm và sống lệ thuộc, họ đi tìm người cha người mẹ thiêng liêng trong cộng đoàn. Ở góc độ nhân bản và thiêng liêng, họ có thể giúp nhau phần nào để sống và hòa hợp trong cộng đoàn, nhưng một khi có dấu hiệu “chiếm hữu”, nghĩa là giành riêng cho mình thì đó là một nguy hiểm; thay vì nâng đỡ và bảo bọc nhau sống trọn vẹn lý tưởng đời tu, họ lại khép kín và o bế nhau trong một không gian ngột ngạt nào đó mà “tự thỏa mãn” cho nhau.

Với những mẫu người trên, có thể nói, họ là những người tự nhiên gặp nhau là có thiện cảm. Tuy nhiên, trong cộng đoàn không thể không có những người ác cảm. Họ đã “bị dội” ngay từ cái nhìn ban đầu. Nhưng không vì thế, họ ngăn cản chúng ta trải nghiệm chiều kích cộng đoàn là một gia đình. Họ có thể không đồng hành với ta trong những khoảnh khắc quan trọng của đời tu, nhưng họ lại có thể là dụng cụ Chúa dùng để thanh luyện chúng ta. Chính sự hiện diện của họ sẽ giúp ta kiểm soát những cảm xúc đôi khi vì vui quá mà mất khôn, cũng có thể nhờ họ mà ta khả dĩ khám phá ra những mặt yếu và giới hạn của mình.

Với thời gian dài sống trong cộng đoàn, chúng ta không chỉ xác tín cộng đoàn là một gia đình theo nghĩa là môi trường hay bầu khí thuận lợi để phát triển toàn diện con người mà còn cảm nghiệm ngay chính nội tại bản thân, nghĩa là một khi đạt đến mức trưởng thành, mỗi cá nhân đóng vai trò làm cha, khi thì làm mẹ và cả việc làm con. Thật vậy, khi đưa ra một quyết định mang tính hệ trọng trong đời sống, chúng ta phát huy vai trò của một người cha, hay khi gặp những khó khăn, vấp ngã, chúng ta tự an ủi mình như một người mẹ, hoặc những khi bị tổn thương, chúng ta cảm thấy bị xúc phạm thì như người con cần đến một bàn tay xoa dịu và một trái tim biết cảm thương.

# CỘNG ĐOÀN CỦA ĐẤNG PHỤC SINH

 Có thể nói, hình ảnh về hai môn đệ trên đường Emmau là một minh hoạ cụ thể cho phần nào hành trình của các tu sĩ. Thật vậy, cũng như hai môn đệ ấy, các tu sĩ cũng có những ước vọng hay hoài bão cho một tương lai khi chấp nhận dấn thân sống trong một cộng đoàn tu trì, đồng thời, muốn xây dựng một hình mẫu lý tưởng xoay quanh Đức Kitô. Nhưng một khi Đức Kitô ấy đã bị giết chết, họ thất vọng trở về quê để tiếp tục sinh hoạt với nhịp sống trước khi gặp Ngài. Đây là một tâm trạng rất tự nhiên của những con người mất đi lý tưởng cuộc sống. Họ thất vọng và cảm giác trống rỗng vì mất đi điểm tựa bấy lâu nay. Tuy nhiên, họ quên và đúng hơn ảo tưởng về một hình tượng Đức Kitô nào đó chứ không phải một Đấng chịu đóng đinh chết vì họ và đã phục sinh.

Thật vậy, sự ảo tưởng luôn có trong cộng đoàn từ những nhận thức sai lầm về người anh chị em cùng chung sống và cả quan niệm về một Thiên Chúa mà họ quyết tâm dấn thân. Những khó khăn và thách đố luôn có đó nhưng chỉ là phương tiện giúp bản thân từng bước trưởng thành qua các giai đoạn. Mỗi một giai đoạn, các tu sĩ cần được gỡ bỏ những ảo tưởng có thể có khiến bản thân chậm tiến và thanh luyện động cơ ngày thêm lành mạnh, nhưng với một điều kiện là cần buông theo ân sủng. Việc thất bại và thất vọng, phần lớn do bản thân cậy sức mình hoặc tìm mình hơn là tìm ý Chúa và vinh danh Ngài.

Dù vậy, cũng như hai môn đệ kia, Chúa tìm cách đồng hành với các tu sĩ gặp khó khăn trong đời tu. Ngài không trách móc chúng ta và giảng những bài luân lý cao siêu, trái lại, ngài dùng những lời Kinh Thánh liên quan đến Ngài để qua đó gián tiếp minh chứng cho việc họ biết rằng mình chưa quan niệm đúng về một Đấng mà bản thân đang tìm kiếm. Cũng vậy, nếu các tu sĩ hằng ngày được muôi dưỡng bởi Lời Chúa thì lòng họ cũng sẽ bừng cháy lên một ngọn lửa nhiệt huyết loan Tin Mừng cứu độ.

Chưa hết, Chúa còn muốn dùng bàn tiệc Thánh Thể như dấu chỉ cho họ biết Chúa đang sống và đồng hành với họ. Ngày nay, các tu sĩ không chỉ nhận ra sự hiện diện đích thực của Chúa trong Bí tích Thánh Thể mà còn được nuôi dưỡng và bổ sức để tiếp tục bước tiếp con đường sứ vụ mà Chúa giao phó. Như hai môn đệ kia lập tức quay về với cộng đoàn tại Giêrusalem khi biết Chúa đã sống lại, thì các tu sĩ cũng quay quần bên Bàn tiệc thánh để đồng bàn và chia sẻ những cảm nghiệm mà chính bản thân đã trải qua khi tiếp xúc với Đấng phục sinh. Và sau đó, họ tiếp tục chờ lời hứa của Ngài là chuẩn bị đón nhận Chúa Thánh Thần. Từ đó, mỗi người ra đi thi hành sứ vụ với một tinh thần mới, một con tim mới tràn ngập niềm vui của Đấng phục sinh. Khi ấy lời rao giảng của các tu sĩ được hậu thuẫn chắc chắn từ một chứng từ sống động là chính đời sống được tiếp xúc với Chúa. Thánh Giáo hoàng Phaolô VI thật chí lý khi khẳng định: *Con người này nay cần chứng nhân hơn thầy dạy.*

Họ sống được những điều này chính là nhờ có sức mạnh của Đức Giêsu phục sinh là điểm tựa (x. Lc 24,13-35; 24,31-35). Dù có trải qua biết bao sóng gió thăng trầm, thậm chí có khi phải ngã gục, muốn bỏ cuộc như các môn đệ Emmaus, các tu sĩ vẫn luôn tìm thấy được niềm vui và sức mạnh để đứng lên và trở về với cộng đoàn. Chính Đức Giêsu là sức mạnh của họ và sự phục sinh trong Ngài là niềm hy vọng của họ. Đây là yếu tố làm nên sự khác biệt giữa cộng đoàn dòng tu với những tổ chức xã hội khác. Vì Giêsu, họ đến với nhau, và cũng vì Giêsu, họ phân tán cho sứ mạng. Nhưng cuối cùng, trong Giêsu, họ lại tìm thấy nhau.

# PHẦN PHỤ TRƯƠNG

# ĐỨC MARIA VÔ NHIỄM LÀ MỐI TÌNH ĐẦU CỦA TÔI

Câu nói này của thánh Gioan Vianney đã thực sự trở thành xác tín của lòng tôi. Quả thật, nếu xét trong hành trình tâm linh, Mẹ Maria thật sự là mối tình đầu của tôi. Mối tình mà tôi nói đây là một tương giao tình yêu đúng nghĩa. Thật ra, đối với Đức Maria, tôi đã được biết đến từ những lời kinh sớm tối trong gia đình, và lớn lên, tôi lại được tham gia các buổi hành hương tại đền Đức Mẹ Hằng Cứu giúp nhưng không vì thế, tôi có một tương giao tình yêu liên vị với Mẹ, vì khi ấy, tôi chỉ biết đọc kinh kính Mẹ mà không có chút khái niệm về cầu nguyện với Mẹ như một đối tượng thiêng liêng có liên hệ sống còn trong đời sống nội tâm. Và mọi sự đã thay đổi sau một biến cố mang tính lịch sử trong hành trình đức tin và đời tu của tôi. Tôi xin mượn những dòng chữ này để gợi lên một ký ức không phai về Đối tượng của mối tình này như một lời tự sự. Sự việc này đã xảy ra tại thánh địa Tà Pao, vào đêm 31/12/2001.

Để chuẩn bị cho chuyến hành hương này, 7 người chúng tôi là các giáo lý viên lớp Giáo lý thiếu nhi (nay gọi là huynh trưởng) của linh mục nhạc sĩ Thành Tâm, đã mướn một xe con 7 chỗ để đi hành hương. Thế nhưng, do Chúa quan phòng những người kia không đi được, chỉ còn tôi và anh bạn, là chứng nhân sống động của những phép lạ mặt trời nhảy múa trong những ngày đầu dịp Đức Mẹ tỏ mình. Anh đi hành hương dịp này để cảm ơn Mẹ về một phép lạ cả thể là được ơn hoán cải, còn tôi, đi chỉ vì nể tình thân và lỡ hứa. Tối hôm đó, đang lúc chúng tôi còn đang cầu nguyện thì tượng Đức Mẹ bỗng quay tròn một hồi lâu chừng khoảng 10 giây. Mọi người xung quanh la hét vang trời, anh thì đứng râm rang tiếp tục lời kinh, còn tôi thì bị rung động vì một luồng điện qua người như thể bị điện giật khiến tôi phải quị xuống trong tư thế quỳ. Từ đó, tôi mới hiểu việc Giáo hội khuyến khích tư thế quỳ phủ phục khi cầu nguyện. Quả thật, khi đối diện với vẻ uy nghi của một sự thánh thiêng, người ta phải quỳ mà chiêm ngắm. Tôi đã quỳ và lặng thinh một hồi lâu, sau đó, tôi hỏi anh có thấy sự gì lạ không, anh bảo: không, chỉ nghe tiếng hét như bao lần trước, nghĩa là có dấu lạ. Tôi chỉ nói một câu: em cũng thấy phép lạ và dấu lạ, anh ạ. Phép lạ là vì Mẹ đã tỏ hiện trước mắt tôi và dấu lạ là có biểu hiện biến đổi từ nội tâm.

Sáng mồng Một Tết Tây 2002, chúng tôi về lại Sài gòn, động thái đầu tiên của tôi là đến đền Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp để xin được lãnh nhận bí tích Giao hòa, với kỷ lục 12 năm chưa xưng tội kể từ dịp Rước lễ lần đầu. Thật ra, trong 12 năm này tôi vẫn xưng tội nhưng cố tình giấu tội vì những tội quá tế nhị. Sau này học thần học, tôi mới rõ, đó là một tình trạng sống thiếu tin tưởng vào lòng thương xót của Chúa. Lúc ấy, tôi chỉ có trực giác là cần lãnh nhận bí tích này để được ơn chữa lành và biến đổi. Sau khi tôi trình bày rằng đã bỏ 12 năm xưng tội, ngài đòi buộc tôi phải xét mình kỹ hơn và ngài bỏ ra tòa giải tội. Thế là, Chúa muốn tôi phải đối diện một lần nữa với những tội, đặc biệt là tội kiêu ngạo và phạm thánh thiếu ý thức của mình. Cả một ký ức sống sống động đầy kịch tính đã quay về trong tâm trí tôi và đã đẩy đến cực điểm sau lần xưng tội ấy. Quả thật, sau lời đọc xá giải của vị linh mục, tôi đã được cảm nhận một ơn biến đổi từ bên trong. Đồng thời, lúc ấy có một thôi thúc bên trong đòi buộc tôi cần thổ lộ cho ai đó về ý định đi tu. Cũng từ đây, Mẹ âm thầm đồng hành với tôi trên mọi bước đường tu trì, mặc dù, khi ấy tôi chẳng ý thức về Sự Hiện diện ấy.

Rồi trong vòng 8 tháng trước khi vào dòng Xitô Châu Sơn thuộc giáo phận Đà lạt, tôi được Lời Chúa hướng dẫn từng tuần từ các tâm thư của anh bạn trên kia gởi cho. Có thể nói, chưa có thời điểm nào mà ơn Chúa lại tác động mạnh mẽ đến thế. Lời Ngài với sự soi sáng của Chúa Thánh Thần đã ứng nghiệm trong tôi, và tôi như chạm thực sự vào những gì mang tính khả giác. Đến nỗi, Chúa gởi người đến nói cho tôi rằng sẽ đi tu dòng nào mặc dù, tôi chẳng có khái niệm gì về đời tu. Tất nhiên, việc tôi đã giúp lễ nhiều năm và tham gia ca đoàn chỉ vì lời khích lệ của bố tôi. Thế nên, tôi cũng chẳng quan tâm tìm hiểu đời sống của các cha dòng Đa minh nơi tôi giúp lễ. Rồi sau khi nghỉ giúp lễ, tôi tiếp tục tham gia ca đoàn và lớp Giáo lý thiếu nhi do linh mục nhạc sĩ Thành Tâm đảm nhiệm, nhưng cũng không hề quan tâm đến sinh hoạt của các cha các thầy trong dòng Chúa Cứu Thế.

Thế rồi Chúa gởi một sơ đến nói với tôi về ý muốn của Người.

-Soeur hỏi: Lâu nay con thế nào ?

-Con thưa: Con muốn đi tu.

-Con muốn đi tu dòng nào ?

-Dạ dòng nam mà hình thức sống giống dòng của thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu ạ. (Có lẽ, do sự quan phòng, Chúa đã cho tôi đọc tác phẩm Truyện Một tâm hồn của thánh nữ)

-Vậy lên dòng Châu Sơn ở Đà Lạt, chỗ sơ hay tĩnh tâm trên đó.

-Dạ, để con cầu nguyện thêm.

Sau đó, tôi không có dịp gặp soeur nữa, cho đến ngày nay.

Do bản tính hay hồ nghi, tôi đã làm Tuần Cửu Nhật để thỉnh ý Chúa, xem Người có muốn tôi đi tu không. Tôi đã quyết định làm 9 thăm thư, trong đó 8 thư không đi tu (vì không thích đi tu), chỉ có 1 thư đi tu. Thế mà, sau khi cầu nguyện tôi lại bốc nhằm thăm thư: đi tu. Vì trong đầu thực sự không muốn, nên bản thân lại quyết định trắc nghiệm một lần nữa. Và lần này, tôi cũng bắt thăm thư: đi tu. Mặc dù, tâm hồn tôi rất bình an nhưng tâm trí lại không ưng thuận. Chúa lại dùng biện pháp mạnh cho người đến chở tôi đi gặp cha tập sư tiện dịp ngài có mặt tại tu sở Sài gòn. Sau đó, ngài hẹn tôi một ngày cụ thể để cùng ngài về lại Đà lạt.

Buổi tối trước ngày chuẩn bị sáng mai đi lên dòng, tôi báo mẹ tôi chuẩn bị bữa cơm gia đình và lúc gần tàn buổi tiệc, báo việc mình sẽ đi tu, mọi người ngỡ ngàng về quyết định này vì trước đó, tôi không thổ lộ cho bất cứ ai trong gia đình biết chuyện này (do tôi thuộc mẫu người khép kín và ít nói mặc dù là một linh hoạt viên rất sôi nổi trong lớp Thiếu nhi Thánh Thể). Cả nhà không ai nói gì chỉ trừ đứa em út tên Tâm đã nói: Bây giờ, em tin là có Chúa hoạt động. Câu nói này đã theo tôi suốt đời tu và nhắc nhở tôi về sự hiện diện của Chúa. Mãi đến sau này khi tôi nhận thánh bổn mạng mới trong dòng là thánh Eymard, vị Tông đồ Thánh Thể và Tổ phụ của dòng Thánh Thể, tôi mới hiểu rằng Chúa muốn tôi thực sự sống và trải nghiệm sự hiện diện của Chúa Thánh Thể trong đời tôi.

Sau đó, tôi đã được Cha giáo dẫn vào nhà khách của đan viện, với hành trang là một bộ đồ lính để lao động của người anh kế tặng cho. Mà tôi cũng không hiểu lao động nghĩa là làm gì trong đó. Dịp đó, cộng đoàn đang làm việc chung để gặt lúa, một số anh đã rút lui vì công việc quá nặng nhọc. Còn tôi, tôi học quan sát và tiếp cận từng thao tác từ những người đàn anh và nhất là những bạn quê ở Nghệ An và Bắc bộ, họ quá quen và chịu khó với công việc tay chân: trồng trọt và chăn nuôi. Còn tôi, một kẻ sống ở Sài Thành có thể được tiếp cận với rất nhiều điều kiện thuận lợi lại trở nên ngớ ngẩn trong một môi trường chuyên việc lao động chân tay. Trong thời gian đào tạo này, từ việc nhiều người rút lui vì công việc đòi hỏi nhiều sức khỏe và kỹ thuật mặc dù, vị giáo tập cũng biết tình trạng của tôi nên chỉ chia những công việc phụ giúp lặt vặt. Thế nhưng, khi đến gần thời điểm khấn trọn, tôi cầu nguyện để tìm cho mình một hướng đi, nghĩa là xin Chúa tỏ cho biết sứ vụ Chúa muốn tôi thực hiện sau này.

Thật thú vị, cứ xin sẽ được, cứ tìm sẽ thấy. Tôi đã tìm ra được hướng đi cho mình sau thời gian học chương trình triết học. Tôi đã quyết định theo nghiệp viết sách dù thời trung học, tôi chỉ đạt điểm 5 cho môn Văn. Không ngờ, nhờ khả năng phê bình và đánh giá khi đọc các sách thiêng liêng mà tôi đã có một hướng đi riêng trong việc chọn ngành Tâm lý học để tìm hiểu sâu hơn. Việc tìm đến môn học này cũng thật là một điều hết sức bất ngờ, sau này tôi mới hiểu, đây cũng là một sự quan phòng của Chúa. Đó là trong 7 năm, tôi bị chứng trầm cảm nhẹ. Một dấu chỉ rõ ràng là muốn cắt đứt mọi tương giao. Tôi thường trốn tránh những buổi nói chuyện chung trong cộng đoàn và muốn dành nhiều giờ với chính mình. Sau khi đã tìm hiểu nhiều sách vở chuyên ngành tâm lý học, tôi nhận ra, trong thời điểm ấy tôi đã trải qua một cơn khủng hoảng môi trường, nghĩa là đi từ môi trường Sài Thành ồn ào náo nhiệt vào trong môi trường đan viện hằng thinh lặng thánh thiêng. Tôi đã trải qua từ thái cực này đến thái cực kia để dần dà tạo thế quân bình trong đời sống hiện tại.

Sau khi nhận ra tình trạng của mình, tôi bắt đầu tìm hiểu về căn bệnh này trong sách vở chuyên ngành Tâm lý học và tự mình chữa nhờ sự hiểu biết hành trình khám phá bản thân với sự cộng tác của ơn Chúa. Sau này, tôi mới thực sự nhận ra ý Chúa muốn và không ngừng cảm tạ Ngài vì hồng ân quá lớn lao là được tiếp cận với công việc tri thức dù sức học của tôi cũng chỉ thuộc loại trung bình. Sau 10 năm tìm tòi học hỏi, tôi cũng sở hữu được 7 đầu sách. Và gần đây, tôi nhận thấy văn hóa đọc sách ở Việt Nam nói chung và giới tu sĩ nói riêng, có phần giảm sút nhiều, tôi quyết định thử sức trong một lãnh vực khác: sáng tác nhạc. Mặc dù, trước khi đi tu, tôi có học tại Nhạc viện ở Sài gòn được hai năm chuyên ngành phê bình, đánh giá tác phẩm, nhưng cũng chỉ là cưỡi ngựa xem hoa. Thế mà, không có gì có thể ra khỏi tầm “kiểm soát” và quan phòng yêu thương của Thiên Chúa, nghĩa là những gì trước kia đã được thụ giáo tại nhạc viện, tôi có dịp đào sâu và muốn chuyên môn hóa dần nghiệp sáng tác này. Nhờ có chút thời gian kết nối trên các trang mạng mà tôi bắt đầu tương tác và học hỏi từ những vị nhạc sĩ nổi tiếng và thâm niên trong nghề. Qua hơn 3 năm theo nghề này, tôi cũng sở hữu được 2 album nhạc và còn một số bài lẻ tẻ nữa. Thế mà, các sáng tác của tôi về chủ đề Mẹ Maria đã chiếm đến một phần ba. Từ đó, tôi càng xác tín hơn về việc đồng hành âm thầm của Mẹ Maria trong từng bước tiến của cuộc hành trình ơn gọi của tôi.

Xét cho cùng, mối tình đầu này chỉ là chiếc cầu dẫn tôi đến mối tình trung tâm là Đức Kitô. Với đức khiêm tốn sẵn có, Mẹ thường nhắc tôi trong lòng rằng hãy tìm đến Chúa Giêsu. Và một khi tôi thực sự khao khát kiếm tìm Ngài, Mẹ bảo tôi rằng: Con chỉ thực sự tìm thấy Chúa Giêsu trong vòng tay của Mẹ. Và từ đó, tôi vô cùng hạnh phúc vì biết rằng hai mối tình này không thể tách rời nhau trong hành trình tâm linh và đời tu của tôi.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

-Adrian Van Kaam, *Nhân cách tôn giáo,* Lm Ngô Văn Vững dịch.

-Amadeo Cencini, *Giáo dục, huấn luyện và đồng hành,* Lm Nguyễn Ngọc Kính dịch.

-Amadeo Cencini, *Tâm tình Chúa Con,* Lm Nguyễn Ngọc Kính dịch.

-Amadeo Cencini và Manenti, *Tâm lý và* *huấn luyện, cơ cấu và năng động,* Lm Nguyễn Ngọc Kính dịch.

-Anselm Grun, *Chinh phục sự tự do nội tâm*.

-Anselm Grun, *Hãy mở giác quan bạn cho Thiên Chúa,* Trần Thiết dịch.

-Anselm Grun, *Khủng hoảng tuổi trung niên,* An Nguyễn dịch.

-Anselm Grun, *Những gì làm con người bệnh và những gì giúp chữa lành,* Félix Trần dịch.

-Barry D. Smith & Harold J. Vetter, *Các học thuyết về nhân cách,* Nguyễn Kim Dân dịch.

-Charles H. Kraft, *Những vết thương sâu,* sr Vũ Thị Thu Thủy dịch.

-Charles L.Whitfield, *Chữa lành đứa trẻ bên trong bạn,* An Vị dịch.

-Edward M. Hollowell, *Dám tha thứ,* Xuân Khanh, Hiếu Dân và Hạnh Nguyên dịch.

-George Kaitholil, *Đời sống thánh hiến – những cơ hội và thách đố,* Lm Nguyễn Đức Thông dịch.

-Giuse Phạm Thanh Liêm, *Đồng hành thiêng liêng.*

*-*J. Sulivan, *Hành trình tự do,* Lm Nguyễn Ngọc Kính dịch.

-Jacques Philippe, *Tự do nội tâm,* Lm Minh Anh dịch.

-John Monbourquette, *Làm thế nào để kết bạn với cái bóng của bạn,* Nt Vũ Thị Thu Thủy dịch.

-Joseph Murphy, *Sức mạnh tiềm thức,* Bùi Thanh Chân & Mai Sơn dịch.

-Mark R. Mcminn, *Vận dụng tâm lý học, thần học, tu đức học vào việc tư vấn của Giáo hội,* Lưu Văn Hy dịch.

-Martin H. Padovani, *Chữa lành cảm xúc bị tổn thương,* Nt Nguyễn Thị Quỳnh Tâm dịch.

-Matthew Linn, Sheila Fabricant Linn & Dennis Linn, *Việc chữa lành sự ngược đãi tinh thần và chứng nghiệm tôn giáo,* Vĩnh An dịch.

-Melody Beattie, *Ngừng lệ thuộc,* Uông Xuân Vy & Vi Thảo Nguyên dịch.

-Michael D. Moga, *Điều gì làm cho con người thực sự là người ?,* Lm Lê Đình Trị dịch.

-Michael D. Moga, *Những câu hỏi khôn cùng,* Lm Lê Đình Trị dịch.

-Minh Niệm, *Hiểu về trái tim.*

-Murrey Stein, *Bản đồ tâm hồn con người của Jung,* Bùi Lưu Phi Khanh dịch.

-Ngô Văn Vững, *Vì Nước Trời, độc thân khiết tịnh.*

-Nguyễn Thơ Sinh, *Các học thuyết về nhân cách.*

-Scott Peck, *Con đường chẳng mấy ai đi 1 & 2.*

-Shannon Thomas, *Thao túng tâm lý,* Trương Tuấn dịch.

-Wayne Jacobsen & Clay Jacobsen, *Tương giao đích thật,* Lm Nguyễn Ngọc Kính dịch.

-Wikie Au & Norren Cannon, *Những thôi thúc trong tim,* Lm Nguyễn Ngọc Kính dịch.

1. Một trong năm lời khấn của truyền thống đan tu Biển Đức-Xitô. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đức Gioan Phaolô II, *Thông điệp Đức Tin và Lý Trí,* lời Dẫn. [↑](#footnote-ref-2)
3. https://giaophannhatrang.org/vi/news/dcv-sao-bien/y-nghia-su-doc-tai-cua-thuyet-tuong-doi-theo-duc-giao-hoang-benedicto-xvi-25174.html [↑](#footnote-ref-3)
4. X. *Tu luật Cha Thánh Biển Đức,* chương 1. [↑](#footnote-ref-4)
5. X. Đức Phanxicô, *Tông huấn Evangelii Gaudium (Niềm vui của Tin Mừng),* số 63. [↑](#footnote-ref-5)
6. X. *Sđd,* số 64. [↑](#footnote-ref-6)
7. X. Wikie Au và Norren Cannon, *Những thôi thúc trong tim,* chuyển ngữ Nguyễn Ngọc Kính, Nxb Phương Đông, tr.185. [↑](#footnote-ref-7)
8. HY Phanxicô Xavier Nguyễn Văn Thuận, *Những người lữ hành trên đường hy vọng,* tr.37. [↑](#footnote-ref-8)
9. X. Felix Podimattam, *Cộng đoàn đời sống thánh hiến,* chuyển ngữ Nguyễn Ngọc Kính, Nxb Tôn Giáo, tr.81. [↑](#footnote-ref-9)
10. Philomena Agudo, *Ta đã chọn con,* chuyển ngữ Nguyễn Ngọc Kính, Nxb Phương Đông, tr.245. [↑](#footnote-ref-10)
11. Đức Gioan Phaolô II, *Tông huấn về Đời sống thánh hiến (Vita consecrate),* 70. [↑](#footnote-ref-11)
12. X. Đức Gioan Phaolô II, *Sđd,* 37. [↑](#footnote-ref-12)
13. X. Đức Gioan Phaolô II, *Sđd,* 86. [↑](#footnote-ref-13)
14. X. A. Cencini, *Tâm tình Chúa Con,* chuyển ngữ Nguyễn Ngọc Kính và Nguyễn Văn Khoan, Nxb Tôn Giáo, tr.223. [↑](#footnote-ref-14)
15. Cùng tác giả, *Bạn hãy là chính mình.* [↑](#footnote-ref-15)
16. A. Cencini và Manenti, *Tâm lý và huấn luyện cơ cấu và năng động,* chuyển ngữ Lm Nguyễn Ngọc Kính, Nxb Phương Đông, tr.100. [↑](#footnote-ref-16)
17. Jean Vanier, *Đời sống cộng đoàn,* chuyển ngữ Lm Phêrô Nguyễn Ngọc Mỹ, tr.20. [↑](#footnote-ref-17)
18. Henri J.M Nouwen, *Đồng hành thiêng liêng,* chuyển dịch Lm Đa minh Trần Thiện Thanh, Nxb Đồng Nai, tr.58 [↑](#footnote-ref-18)
19. Henri J.M Nouwen, *Sđd*, tr.63. [↑](#footnote-ref-19)
20. X. Jean Vanier, *Sđd,* tr.36. [↑](#footnote-ref-20)
21. X. <https://tamlyhoctoipham.com/song-ao-mat-na-va-cai-toi-gia>. Truy cập ngày 09/09/2022. [↑](#footnote-ref-21)
22. Những gì dồn nén bên trong được cất giấu trong vùng vô thức với tên gọi “cái bóng”. Vấn đề này đã được bàn sâu rộng trong cuốn Nhân cách đời tu 2, cùng tác giả. [↑](#footnote-ref-22)
23. X. James E. Sullivan, *Hành trình tự do,* chuyển ngữ Lm Nguyễn Ngọc Kính, Nxb Tôn Giáo, tr.52. [↑](#footnote-ref-23)
24. Felix Podimattam, *Cộng đoàn đời sống thánh hiến,* chuyển ngữ Lm Nguyễn Ngọc Kính, Nxb Tôn Giáo, tr.123. [↑](#footnote-ref-24)
25. X. Martin H. Padovani, *Chữa lành cảm xúc bị tổn thương,* chuyển ngữ Nt Nguyễn Thị Quỳnh Tâm, Nxb Tôn Giáo, tr.71. [↑](#footnote-ref-25)
26. X. Jame E. Sullivan, *Sđd,* tr.56. [↑](#footnote-ref-26)
27. X. Martin H. Padova, *Chữa lành cảm xúc bị tổn thương,* chuyển ngữ Nt Nguyễn Thị Quỳnh Tâm, Nxb Tôn Giáo, tr.83. [↑](#footnote-ref-27)
28. Trần Thái Đỉnh, *Triết học hiện sinh,* Thời mới xuất bản, tr.215. [↑](#footnote-ref-28)
29. X. Felix Podimattam, *Cộng đoàn đời sống thánh hiến,* chuyển ngữ: Lm Nguyễn Ngọc Kính, Nxb Tôn Giáo, tr.81. [↑](#footnote-ref-29)
30. X. Felix Podimattam, *Sđd,* tr.82. [↑](#footnote-ref-30)
31. Felix Podimattam, *Sđd,* tr.78. [↑](#footnote-ref-31)
32. Wikie Au và Norren Cannon, *Những thôi thúc trong tim,* Chuyển ngữ: Nguyễn Ngọc Kính, Nxb Phương Đông, tr.90. [↑](#footnote-ref-32)
33. Trích lại Đức Thánh Cha Phanxicô, *Sức Mạnh của Ơn Gọi. Cuộc đàm thoại với Fernando Prado,* EDB, 2018, Bologna, trang 49. [↑](#footnote-ref-33)
34. Đức Gioan Phaolô II, *Tông huấn về đời sống thánh hiến,* 20. [↑](#footnote-ref-34)
35. https://catechesis.net/hong-an-trung-tin-va-niem-vui-kien-tri\_dan-nhap-va-gioi-thieu/ [↑](#footnote-ref-35)
36. X. Felix Podimattam, *Cộng đoàn – Đời sống thánh hiến,* chuyển ngữ: Nguyễn Ngọc Kính, Nxb Tôn Giáo, tr.21. [↑](#footnote-ref-36)